

Tác Giả và Tác Phẩm

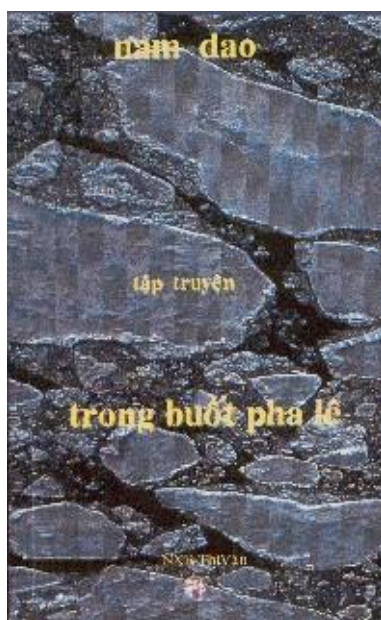
Nam Dao (II)

Tiểu sử

Sinh năm 1944 tại Nam Định.
Hiện định cư tại Québec, Gia Nã Đại.

Tác phẩm

Trong buổi pha lê (tập truyện, 2001),
Đất Trời (tiểu thuyết lịch sử, 2002)



Mục Lục

Bác Nguyễn – 2

Phùng Cung, thơ và người - 10

Những con voi không hề được - 16

Trách nhiệm của nhà văn - Mai Ninh - 19

Phụ đính:

Phụ họa một giả thuyết về vụ án Nhân Văn- Giai Phẩm

Về tiểu thuyết lịch sử - Nam Dao/Nguyễn Mộng Giác

Mặt nạ - Tập truyện (chuyện) Cali

Nhớ Cao Xuân Huy, ông em rề “hự”

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Bác Nguyễn

1

Chợ mắt, đã đâu đó đúng 18 năm, thưa bác. Đây là kể từ cái ngày bác nhắm mắt, và thôi chẳng mở ra một lần để tiếp tục nhìn gió. Và cát. Và những hạt bụi một thời. Những hạt bụi bay vào làm cộm mắt, nước chảy, cứ như khóc, tay đưa lên quệt cho nó chảy vào trong theo kiểu nói của Văn Cao. Nuốt nước mắt, a cái ngôn ngữ tuyệt vời ông cha để lại. Nhưng Giời ơi, ai lại khéo dư nước mắt, thưa bác! Ấy thế mà khi nghe cái tin bác lẳng lẳng ra đi, kể tiểu tử này, theo cung cách xưa, cũng đã ngậm ngùi rơi lệ. Vào một cái quán rượu trên Avenue du Parc ở Montreal, hấn ngồi một mình, uống liên miên, rồi động lòng khóc hu hu trong một cái góc khuất. Cho đến nay, hấn vẫn còn tự hỏi, hấn khóc cho một người tài hoa vừa vượt cái biên hữu hạn, di tản khỏi cuộc thế chẳng mấy vui, hay hấn khóc vì thương thân mình? Hấn nghĩ đến *Một trăm cách cười* rất Nguyễn Tuân, kê giấy viết thành một trăm cách khóc. Thưa bác, tiểu tử này đã tìm ra đủ số trăm để phúng viếng. Khóc rưng rức, tỉ tê, tức tưởi, khóc trong lòng, khóc ủ ê, tỉ tỉ, rầm rút, i ỉ, ầm ức, khóc gào, khóc toáng, khóc thét... Nhưng thâm nhất, là khóc như cười. Thanh âm ằng ặc, như bị chẹn họng khiến khóc thành cười, không mấy ai phân biệt được trừ người khóc.

2

Thuở thiếu thời, tôi đã biết bác Nguyễn không chỉ qua *Vang Bóng Một Thời*, *Mái Tóc Chị Hoài*, hay *Chùa Đàn*, mà còn những dịp cha hoặc mẹ nuôi tôi chuyện trò nhắc lại dăm ba kỷ niệm có cái tên nghe rất xa xôi là kỷ niệm ngoài Bắc của đám Bắc Kỳ di cư 54. Cha nuôi tôi, vốn là bạn thân bác Nguyễn, kể "... bác ấy dẫn mẹ mày đi bắt tao ở chỗ hút thuốc phiện, nhưng đừng trốn đằng xa. Khi tao biết, tao chỉ tay bảo, lần sau thì ông giết mày, bác ấy chỉ cười hề hề!". Còn mẹ nuôi tôi, là chị dâu của bà giáo Thảo, tức Bồ phu nhân, và chính là chị Hoài có mái tóc đi vào văn học sử qua cái ngòi bút chao ôi đến là tài tình của bác Nguyễn. Phu nhân khiến tôi không hiểu sao cứ mừng tượng ra Dương Quý Phi, cao lớn nhưng thướt tha, răng đen chứ không chịu cạo trắng mặc dầu rất tân thời, và có cái cười má lúm đồng tiền nghiêng thành đổ nước. Dĩ nhiên, ai mà biết được mặt giai nhân trong huyền thoại, rồi thành có đổ nước có nghiêng thì cũng vì các vị tu mi chẳng qua là loại *anh hùng bất quá mỹ nhân quan*. Ôi, tôi dễ thông cảm, và vô cùng thông cảm các vị. Tôi không anh hùng mà cũng thế!

Về Sài Gòn sau 14 năm xa cách, tôi sao vẫn thấy có điều gì hình như là thê lương mặc dầu nắng vẫn thế, nóng rùng rục, ập xuống từ trời cao và xanh. Ngay cả với những người ruột thịt, một khoảng cách vô hình nào đó ngăn không cho vượt qua. Đưa con đi hoang trở về như đứa a tòng với những kẻ chiến thắng, buộc một thành phố vào cái cảnh bị chiếm đóng, tà áo dài đủ màu đủ sắc thướt tha vờn gió mới ngày nào đâm phạm tội Mỹ-Ngụy và nay được thay bằng đồ bộ, áo ngắn trắng quần bà ba đen, đồng phục một thời hộ khẩu thành nếp mới với sỏ gạo, sỏ đường... và những buổi họp lúc tối trời với ủy ban nhân dân phường để nghe phổ biến chính sách xây dựng xã hội XHCN. Bây giờ, làm thế nào đây để lấp cái khoảng cách kia? Nghe và hòa theo những than vãn? Vô ích, đã không thay đổi được gì mà e chừng có ngày còn vạ miệng! Vả lại, đó là những ngày đầu một cuộc đời, chiến tranh đã chấm dứt, chính mình đây cũng đang mơ một bình minh tươi đẹp, đặt bước trở lại quê hương là mong góp tay vào xây dựng lại, không thể nâng tầm những sự ma sát giao thời lên mức sống còn. Nhưng phải chinh phục lại tình ruột thịt máu mủ thôi. Hãy bắt đầu bằng biến mọi sự thể giao thời thành chuyện tiếu lâm. Và tôi đã chọc cười, mua vui, làm cho ai nấy thấy nhẹ đi. Và mong là hiểu dấu tôi không nói nên lời, tôi đâu có được là tên VC đeo trên cành đu đủ nhe răng ra cắn cấu cuộc đời.

Những người thân bị cái cười chặn lại, không nói được cái chuyện độc nhất ám ảnh là ra đi. Ông anh con chú con bác với tôi có lẽ được nhấn nhủ, yêu cầu cho nói chuyện riêng, chuyện đứng đắn. Anh rủ tôi lên sân thượng. Nhìn qua phía bên kia là nhà ga xe lửa trước khi bị phá đi để xây công viên hiện nay, anh thỉnh linh âm lấy tôi khóc rú lên, nghẹn ngào “...chú ơi, chú làm sao thì làm, mang gia đình đi đi, báo hiếu ông bà...”. À, chuyện đứng đắn là thế. Tôi đẩy nhẹ anh ra, nhìn vào cái mặt mếu máo nhưng trên không có giọt nước mắt nào. Muốn cười, nhưng tôi không cười được, chỉ ngại ngừng nói nhỏ, nhưng nói thật, “...thưa anh, em có quyền hành gì đâu!”. Nhưng thật kỳ lạ, một người duy nhất hiểu được tâm lòng tôi là một người đàn bà. Bà ít, hay có thể chưa bao giờ, cấp sách đến trường. Nhưng bà có một trí nhớ tuyệt vời, thơ văn thuộc lầu lầu, chẳng phải thơ cổ thời cụ Chu Mạnh Trinh vốn là hàng ông phía bên ngoài của bà, mà cả thơ tiền chiến, nào Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Đoàn Phú Tứ... Bà là mẹ nuôi tôi, tính khí rất “đàn ông”, góp chuyện ngang hàng với đám tao nhân mặc khách của cha nuôi tôi, nên học kiểu truyền khẩu rất nhiều, và vanh vách kể những thứ giai thoại làng văn chỉ người trong “cuộc” mới biết. Trong khi cha nuôi tôi cứ nắm tay tôi cầu, cái cầu vừa có niềm bực dọc nhưng lại đầy xót thương, và dặn tôi phải cẩn thận thì bà lẳng lặng quan sát, và một hôm, thỉnh linh bà nói lớn, “ tao hiểu mày rồi!”. Hiểu thế nào, tôi đang ngờ ngẩn, thì bà phá lên cười, cái cười có chất đồng bóng, tiếp “... con ạ! Mày là cái thằng Kiều Phong ấy mà”. Ở, Kiều Phong, hấn là ai? Tôi hỏi, bà đáp, thì cái thằng rợ trong Lục Mạch Thần Kiếm ấy mà! Phải nói khi ấy kiến thức “chường” tôi chẳng có gì, và vài năm sau tôi mới biết Kiều Phong họ Tiêu, con Tiêu Viễn Sơn, người cao lớn, râu rậm, võ giỏi nhưng nhân hậu, chết vì đứng làm con đèm hòa giải giữa võ lâm Trung Thổ và các hiệp khách gốc Khất Đan. Tôi nhỏ con, vốn là nhát, không có (hay nói cho sang, ít) râu, chưa muốn chết nên chỉ xin hai chữ nhân hậu, nhưng thế mới khó, nhận chỉ sợ mình lại hợm mình.

Ở Sài Gòn được vài ngày, Kiều Phong đi Hà Nội dự Hội Nghị Toán Học Toàn Quốc năm 1977, và trước khi lên đường thì cha mẹ nuôi đã sửa soạn một gói quà nhỏ, dặn con đến thăm hai bác hộ chúng tao. Cha nuôi tôi viết vài chữ cho Nguyễn Tuân, thì cũng lại những nhung nhớ, những kỷ niệm... Phần tôi, có cái gì như một vinh hạnh. Chương tôi chưa đọc, nhưng văn bác Nguyễn vừa ngông nghênh, vừa tài tử, lại vừa nhuốm mùi khinh bạc thì Kiều Phong đã thường ngọan rồi.

3

Hà Nội vào độ nồm, oi ả khó mà tưởng tượng được. Trời hầm hập chịu hơi, nặng như xà xuống, đe dọa. Mùa bão, nhắc nhìn những con chim, con người không có cái tinh nhạy của loài lông vũ ngược mắt lo lắng đợi giông gió. Rồi bão ập về. Cây đổ. Ngói bay. Tất cả tợn tác. Đấy, lâu lâu tôi về Hà Nội là vậy. Và cũng là lần đầu tôi tiếp xúc với một xã hội phe XHCN, với nhiều háo hức, và cũng không ít âu lo.

Một buổi tối, sau công việc, tôi nhờ một người anh họ đèo xe đưa tôi đến nhà Nguyễn Tuân trên phố Trần Hưng Đạo. Chỉ vài ngày, tôi đã không còn lạ chuyện phải cúp điện, cái nghèo, và sự tạt bật với miếng ăn ở Hà Nội tem phiếu. Hà Nội ta xơ xác, vì Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, tựa một bài phiếm ký của bác Nguyễn trong những ngày chiến tranh ác liệt. Thế cho nên tôi lần mò trong bóng tối leo hai nhịp cầu thang lên nhà bác như một sự rất bình thường. Và hồi hộp gõ cửa. Tiếng dép nhựa quét sên xẹt trên đá lát, rồi tiếng hỏi ai đấy, thanh âm đều thời gian mà thanh xuân ở phía đằng sau. Tôi xưng lai lịch, nói rằng có quà miền Nam, nhìn qua cánh cửa vừa hé ra. Nguyễn Tuân đầu bạc, tóc dài chấm đến gần vai, râu lún phún, mắt hấp háy sau cặp kiếng lão, tay dang ra mời vào rồi thủng thỉnh bước.

Tay gạt gói quà sang một bên, bác Nguyễn mở bức thư cha nuôi tôi, đọc chăm chú như không có khách. Rồi bác im lặng châm trà. lát sau, bác hỏi, giọng trầm như đặc lại, ông Nguyễn bà Thống khoẻ mạnh cả chứ. Tôi gật, dạ thưa bác, bố mẹ cháu vẫn thường. Đấy hai chén nước trà về phía chúng tôi, bác nhìn ông anh họ tôi, trầm ngâm rồi thốt lên, nhà Nước nên

để cho hai ông bà ấy đi ngoại quốc đoàn tụ với con cái chứ giữ ở Sài Gòn làm gì. Câu nói bất ngờ khiến tôi ngạc nhiên, chưa biết ứng xử thế nào, lúng búng :

- Thưa bác, cháu có nghe...

Chưa dứt lời, bác Nguyễn dơ tay lên chặn, buông thông :

- Tôi với anh chẳng họ hàng hang hốc, có gì mà bác với cháu!

Tôi điếng người. Kiều Phong bị lão quái đánh một chưởng đỡ không đặng, ngực tức, hơi thở ngưng ở đan điền, máu nóng dồn lên mà không thổ ra được, huyết Bách Hội như có kiến bò vào đốt lầy đốt đẽ. Vận khí, tay bắt quyết Bình Tĩnh, tôi mặc ông anh họ cũng choáng người vì sức ép của chưởng phong đang... thưa với bác, em nó là người dưới, xưng hô thế là...vân vân. Được, tiểu tử đây tuổi mới ngoại tam tuần, xưa nay đi không đổi họ, đến chẳng giấu tên, mặt mũi dẫu có khó coi nhưng đâu có mang cái tạng *yêu cho roi cho vọt* mà lão quái xuất chưởng Đoạn Tình như vậy. Một lời nói ra, tứ mã nan truy, bốn con ngựa cũng chịu, theo không kịp nữa là. Tay thò ra phía sau, tôi kín đáo bấm vào huyết Ngọc Chấm, hít hơi theo thủ pháp Cửu Âm Chân Kinh (sau này luyện sách Kim Dung tôi mới tìm thấy tên), từng bước điều hoà kinh mạch, sửa soạn thể phản công. Nhỏ nhẹ, tôi hỏi :

- Thưa...cụ, cụ vẫn viết lách đều chữ ạ!

Lão quái gật gù, ờ thì vẫn viết! Mượn đà, tôi vuốt gió phẩy chỉ phong, giả như vô tình, hỏi, nghe đâu như nhà văn ở đây đều được nhà Nước trả lương cho viết, phải không ạ? Lão quái gật gù, ờ có thể! Tôi xuyt xoạt bỏ nhỏ, cái lịch sử nước ta nó kinh hoàng và thương đau loại hạng nhất thế giới, chất liệu văn chương đầy rẫy...Lão quái gật gù, giọng trưởng thượng, đúng đấy! A, thế này thì vào *thế* rồi. Không ngần ngại, tôi thỉnh linh vận 10 thành công lực, phát :

- Được nhân dân nuôi cho ăn cho viết, thế bao giờ cụ đoạt giải Nobel cho đất nước này có chút mặt mũi trên văn đàn thế giới? *Không viết mà chỉ lách* thì hy vọng gì?

Chuyện *viết* và *lách*, tôi học được từ cái giai thoại sau. Trong một buổi họp của Hội Nhà Văn, thủ tướng Phạm Văn Đồng hỏi bác Nguyễn, dạo này có viết lách gì không? Bác đáp, viết khó vì phải lách, mà lách thì lại khó, khó lắm. Bác ngược mắt nhìn tôi, vẻ như bảo, đúng là trẻ con. Thế thì tôi phải bồi thêm Loạn Đả chưởng thôi, vận chỉ lực điểm:

- Giá mà cái *Chùa Đàn* của cụ không phải kèm vào mấy chục trang bắt anh chàng nghệ sĩ giác ngộ cách mạng thì chẳng biết chừng là có giải cũng nên...

Nghe câu tôi nói, bác Nguyễn hình như tái mặt, ngả người ra dựa vào lưng ghế. Lát sau, bác chậm rãi :

- Nói dễ, nhưng muốn làm được...khó lắm!

Đáp đòn Đoạn Tình của bác, tôi, con ngựa non háu đá thỏa mãn, hít hơi rồi lịch sự kiếu về nhưng bác Nguyễn giữ lại. Lôi trong tủ chè một chai Johnny Walker đã vơi ra, bác bảo, uống một tí đã. Thế rồi bác thò tay mò cái gài bàn khách, lấy hai cái ly chạm bạc ra, để một trước mặt tôi, một trước mặt bác, coi ông anh họ tôi như không có đấy. Bác lẳng lẳng rót rượu, thẳm thì :

- Nhuận bút cho Phở đấy. Ở Liên Xô họ dịch tùy bút Phở, khi mình qua thì họ định trả bằng rúp, nhưng mình bảo, rúp không lấy mà rượu thì lấy, hà hà..

Nhìn bác, quả là chướng. Tội nghiệp cho ông anh họ, lúng túng chẳng biết cư xử thế nào, ngượng ngập nói mình kiêng không uống được rượu. Lão quái lại thần nhiên gật gù. Kinh bạc đến thế thì ... tôi phải đối phó. Đẩy chén rượu đến trước mặt ông anh, tôi bảo, anh thử đi, rượu Tây đấy. Thế rồi chúng tôi im lặng. Và xin kiếu.

Xuống đến dưới nhà, chúng tôi dắt xe men ngõ ra đường. Ngõ khá sâu, có lẽ đến 2 trăm thước, đèn đóm tối om. Tôi ngược lên nhìn. Tầng ba, trên lan can, bác Nguyễn ra đứng nhìn theo cho đến khi chúng tôi đi khuất. Chính cái hình ảnh ấy làm tôi mủi lòng, và thú thật, có chút ân hận trong cách hành xử của mình. Về Sài Gòn, tôi kể lại cho cha mẹ nuôi tôi nghe, cố biến chuyện gặp bác Nguyễn thành một chuyện vui, nhưng khá gượng gạo. Cha nuôi tôi bảo, từ ngày xưa ngày xưa, lúc nào bác ấy cũng làm dáng lập dị. Nhưng còn con, mày ăn nói thể thì ác miệng quá, con ạ!

4

Cũng phải đến 4 năm sau tôi mới lại gặp lại bác Nguyễn. Trước đây, tôi có về Hà Nội, nhưng ngại gặp bác. Một phần, tôi hơi xấu hổ vì cư xử có gì như quá mức, một phần tôi cứ sợ như trong *Hương Cuội*, bác là kẹo mạch nha cuộn quanh hòn cuội trắng, ngọt ngào tài hoa đấy nhưng vô ý cắn vào là có thể gãy răng như chơi. Đầu đông năm 81, tôi ở khách sạn Hoàn Kiếm. Sáng sớm một ngày Chủ Nhật, cô tiếp viên gọi lên phòng báo có người đến tìm. Ai đấy cô? A, tiếng cười khúc khích, tìm anh thì chỉ các cô, có cái cô nào ấy, tóc búi cao... Ấy ư, thật à, và tôi vuốt tóc chỉnh trang nhan sắc, vội vã đi xuống. Phòng khách chỉ có một ông cụ ngồi quay lưng về phía chút nắng hanh len qua song cửa, mái tóc búi củ hành chóa sắc bạch kim. Cô tiếp viên lại khúc khích, tay chỉ, người đẹp đấy! Ô, hóa ra bác Nguyễn. Bác đứng dậy, tươi cười, về đây sao không đến thăm mình, hả? Lúng túng, tôi đáp, thưa...Không nhớ lại xưng cháu? Thế là tôi bỏ lửng, thành ba cái chấm... trống không. Tôi hỏi thăm, dạo này ...Gọi bác bằng gì đây. Bác? Cụ? Thôi, cứ để bác Nguyễn cũng thành ba cái chấm, như tôi, nghĩa là ...trống không, chứ lỡ miệng lại có thể bị thêm một chưởng, lần này Kiều Phong đã nhựt chí đấu tranh, chắc chỉ còn ngậm bồ hòn làm ngọt!

Bác rủ, đi ăn bánh cuốn với mình. Thế là một già một trẻ khệnh khạng bước như hai kẻ nhàn du, một lát sau thì đến phố Yết Kiêu, ngay dưới nhà Văn Cao. Bác Nguyễn chào bà hàng, nheo mắt, khùng khinh, bà cho hai suất, như lệ thường. Không hỏi, bà hàng cười, đẩy đến trước mặt chúng tôi hai cái ly nhỏ, rút gầm bàn một chút rượu trắng, vừa rót vừa nói, thưa cụ cứ xem rượu sủi tăm thì biết, rượu chào khách đấy. Bác Nguyễn cười, râu mép bần bật thứ thanh âm khô mà ấm một lời cảm ơn. Bà hàng đồ bánh, hỏi, cậu đây người ở đâu? Tôi chưa kịp đáp thì bác Nguyễn bảo, bên Tây đấy, tận Canada. Bà hàng háp háy nhìn tôi từ đầu chí chân, ngớ ngàng, thôi cụ đừng lỡm nhà cháu, Tây gì mà đi dép Bình Trị Thiên, lại mặc cái áo zét bộ đội thế này? Bác Nguyễn phá lên cười sảng sặc, đáp với giọng giễu cợt, thì về đây phải nhập gia tùy tục, ăn vận như thế mới Hà Nội mình chứ. Mà này, bác tiếp, thế nhưng cũng biết nước mắm ăn bánh cuốn mà không có cà cuống là không đậm đà bản sắc dân tộc, vậy xin bà mỗi chén một giọt cho nó thơm. Ở đây, tả cái ngon của bánh cuốn nhân thịt nóng hôi hổi chấm với nước mắm có bột ngọt chấm đầu cây tăm và giọt cà cuống thứ thật chứ không là cà cuống hóa học Thái Lan, tôi xin để hai ông Thạch Lam và Vũ Bằng làm hộ. Tôi chỉ nhắc, hình như của cụ Tản Đà, ăn muốn ngon thì người cùng ngồi ăn cũng phải thế nào mới ngon. Như thế, chắc là tôi không bao giờ quên bữa điểm tâm sáng này. Ăn xong, bác Nguyễn lại chỉ chút rượu, cười khà khà, uống cho nó sạch miệng. Khi đứng dậy, tôi xin phép bác rồi thò tay móc túi. Bác trừng mắt, cái này để tôi, tôi mời...Rồi bác thủng thỉnh, xách cái can lên, ngoái bảo bà hàng, bà ghi sổ cho, như lệ thường.

Chúng tôi lên nhà Văn Cao. Lại uống. Bác Nguyễn nói, chính Văn Cao báo bác tôi về đây tuần trước. Thật kẹt. Với người nghệ sĩ dù ngón cầm kỳ thi họa này tôi cứ anh anh em em. Bác Nguyễn ở đấy, xưng hô thế nào cho tiện. Thế là chúng tôi tiếp tục là ... trống không lơ lửng. Khi về, tôi ngại ngùng nói về chuyện xưng hô và hai chén rượu với ba người 4 năm về trước. Bác cười hóm hỉnh, gọi tôi là ông và xưng tôi, bảo, tôi là bạn với bố ông còn được nữa là làm bạn với ông!

Còn chuyện không mời ông anh họ tôi uống rượu thì bác cười ngặt nghẽo :

- Cái anh chàng đó mình gặp ở Mạc Tư Khoa thời Liên Xô họ mời, làm cố vấn thứ nhất cho Sứ Quán, cứ xoa chân bóp tay nhưng lại bắt ne bắt nét mình cho đúng... thể thức ngoại giao. Ngay cái chuyện nhận rượu thay rúp như tiền bản quyền dịch *Phở* mà cũng khó dễ, đòi gọi đến ông Phạm Văn Đồng để xin phép...

Bác lại cười. Cái cười tinh quái, nhưng hồn nhiên, chỉ nghịch ngợm! Sau này tôi mới biết uống rượu Tây của bác không dễ. Nghe đâu cũng chỉ vì kéo một đệ tam nhân đến đòi rượu mà không được nên Nguyễn Sáng, một họa sĩ tài danh, không chơi với bác nữa.

5

Trở thành một thứ tiểu đồng hầu rượu bác Nguyễn có cái thú là nghe bác kể chuyện. Bác dí dỏm, biết ngưng câu chuyện ở đúng chỗ, chờ người nghe vừa đủ nóng ruột là tiếp, nhưng lưng chừng, khiêu dụ, úp mở khiến cả người kể lẫn kẻ nghe nhập cuộc - cái cuộc lên đồng ngôn ngữ bắt buộc ít nhất là có hai tác nhân để phát và thu - và nhất là sau thì cười, cười hể hả, cười đủ một trăm cách Nguyễn Tuấn.

Hà Nội *ta đánh Mỹ giỏi*, chắc không? Tôi đưa cái títt bài bút ký của bác. Nguyễn Tuấn khề khà : *Chắc quá đi chứ lị. Cái trận gọi là Điện Biên Phủ trên không ấy, loa gọi dân sơ tán. Đi, đi đi, nó bom thế này ở lại thì chết. Minh bảo mình, sống thế này đủ quá rồi, đi là phải bỏ những thói hư tật xấu ở lại, như một rượu, như một chè ...và còn cái món thứ ba (giọng hóm) thì thôi, quen nhìn mất rồi (cười), cho nên mình ở lại. Cứ báo động là mình leo lên nóc nhà trên cao, ôm chai rượu, ngất ngưởng ngắm thành phố đang tối om bóng sáng lòa, đạn phòng không như pháo bông xanh lè, đỏ rực, thi nhau chớp lên nhoang nhoáng, chạy đuổi nhau như chửng giỡn thành những vệt quanh co ngoằn ngoèo định mệnh. Trời Hà Nội lúc ấy đẹp, đẹp vô cùng. Tôi nghe đến đây chặn bác lại, hỏi, thế bác không sợ gì cho thân bác, không nghĩ đến cái chết đang tràn ngập 36 phố phường, B52 chứ có phải chơi đâu, lại nghe có cả bom bi khi nổ bắn ra hàng chục ngàn mảnh. Ôi dào, mặc nó, chuyện nó nổ cứ nổ, chuyện mình ngồi ngắm nó cứ ngắm, duyên phận mà đến thì gặp nhau. Ấy thế mà khi nghe cái đài mình kè kè ở bên cạnh báo bom rơi vào Khâm Thiên thì mình nhói lòng buốt ruột, nhắm mắt lại, và mình nghe tiếng hát của cô Diệp, bà Kim hát những bài hát à đào một thời xa xưa. Lạ thật, mình tự hỏi, sao lại đau những cái đã không còn mà dừng đứng trước bao nhiêu điều đang bị hủy hoại đi. Mất và còn. Những điều đáng mất, những điều đáng còn? Ôi chao, sao mà phức tạp đến vậy. Lúc đó, thêm một quả bom rơi ngay vào đầu để khỏi bắt nó nghĩ thêm những điều rối như tơ vò...*

Còn rượu, thưa bác, văn nhân nói chuyện rượu có ông kêu đất say cũng lăn quay ra cười. Bác Nguyễn bắt vào, nhấp môi, ề à :Ờ, tài hoa sinh ra đủ chuyện như ông trời, khi say mặt cũng đỏ gay, ấy là uống rượu ta, chứ rượu Tây uống đến say thì mặt lại tái nhợt... Để tôi kể cho mà nghe. Thế này, này. Hàng năm, cứ ngày cát-tó-zuy-ê - có người đùa gọi là ngày cắt tóc phi-dê, tức ngày kỷ niệm Cách Mạng Pháp - là mình được Toà Đại Sứ Pháp trên phố Trần Hưng Đạo gửi cho một cái giấy mời, có lẽ vì rằng mình cũng bị bỏ dăm ba câu, kiểu *c'est la faute de Voltaire!* Cho nó 'văn hóa'. Và năm nào cũng vậy, mấy anh công an chặn ngài công, đưa giấy mời ra thì các anh ấy làm phận sự lắc đầu, cứ phải vậy đến khi ông Tùy Viên văn hóa ra bắt tay thì công an Ta mới để Tây dắt mình vào...Merci, c'est bien gentil ! Trong sân tòa Đại Sứ, họ bày é hê, nào là thịt nguội, xúc xích, ba tê, phó-mát đủ loại. Nhưng tuổi mình, ăn không được mấy nên mình cứ sà vào mấy chai vang đỏ, nhấm nháp hết loại này đến loại kia. Cụng ly và nói Vive la révolution - cách mạng muôn năm - thế là mình được lòng cả công chức Tây lẫn công an Ta, cả hai đều vợ hai chữ cách mạng vào cho mình. Năm ngoái, sợ quá chén, đến khi ngà ngà thì mình ngưng, tự nhủ phải giữ thể thống quốc gia nên thôi cụng ly, thôi hô khẩu hiệu, và khi đi về nhà vẫn còn nói được au revoir, Monsieur l'ambassadeur, à l'an prochain. Ấy thế mà đi được dăm chục thước trên hè phố, vừa đến ngay trước cửa Sở Công An Thành Phố thì mình xây xẩm mặt mày, bèn ngồi thụp xuống bên hè đường. Thế là một anh công an ra hỏi, mình khai chóng mặt có lẽ vừa mới uống rượu Tây và vừa hô cách mạng muôn năm. Anh ta tưởng mình xỏ xiên,

gọi thủ trưởng ra giải quyết, nhưng anh này lại biết mình, liền đưa mình về nhà, cũng gần đấy. Vừa mở cửa, bà nhà mình nói giỡn, say gì mà mặt lại xanh lè tái nhợt thế kia. Mình đáp, rượu đỏ của Tây ngày Cách Mạng Pháp cắt tóc phi-dê, nó thế. Còn rượu Ta trắng tạch trắng toạc, ngày Cách Mạng Ta, uống dẫu đỏ mặt nhưng lại không say được, bà ạ!

Đấy, văn chương truyền khẩu theo thủ pháp đa nghĩa, ám chỉ, và ẩn dụ đâu cứ đợi thời Đổi Mới “cởi trói” mới lộ diện trong chốn võ lâm.

6

Cha mẹ nuôi tôi thế là đi. Qua Pháp, rồi Cali, một cuộc đoàn tụ với những người ở xa. Và chia ly với những người ở lại. Ở cuối đời, thế là hết. Căn hộ xưa phố Tô Hiến Thành ở Hà Nội nay công an quản lý. Di cư, cái nhà hai tầng trong hẻm số 54 đường Nguyễn Bình Khiêm. Rồi nay, vượt biên đoàn tụ thì căn nhà trên Phan Kế Bính, ai muốn ở thì ở, có tiếc chẳng là bao nhiêu kỷ niệm những độ đổi đời. Gặp đứa con đi hoang, cha mẹ tôi tới tấp hỏi ai còn ai mất, và tất nhiên là có ra thăm bác Nguyễn không. Dạ có, tôi đáp. Bác vẫn khoẻ mạnh. Đưa những bức ảnh ngày tôi “lên xe hoa” ra cho cha mẹ nuôi tôi xem, tôi chỉ đây bác Tuấn đây này. Cha nuôi tôi nghiêm mặt hỏi “cười hỏi thế có phép tắc gì không?”. Tôi thưa, dạ không, cứ làm đại! Ông lắc đầu, bật miệng, hồng rồi. Đến khi tôi đưa ông đọc bản đề trình của tôi lên Hội Đồng Bộ Trưởng về Ôn Định và Phát Triển Kinh Tế Việt Nam thì ông bực tức kêu, thế thì hồng thật, hồng hết rồi. Sau đó, ông mắng tôi “cái Cộng Sản trong đầu con là thứ do mấy thằng trí thức Tây Âu có truyền thống nhân văn tưởng tượng ra, không có thật, và khác một trời một vực với cái Cộng Sản phương Đông kiểu Mao. Con viết thế này, đề nghị toàn những chuyện động chạm đến cơ sở nền chuyên chính của họ thì làm sao có đứa nào nó ngửi cho được! Hồng hết rồi con ạ!”

Vâng, hồng thật. Và không hồng cũng chẳng được. Có những sự việc tôi chưa bao giờ kể lại cho cha tôi nghe. Chẳng hạn như khi tôi đi ăn mỳ ở Chợ Cũ ở Sài Gòn. Ăn chưa hết, một bầy con nít xô vào tranh mỳ thừa nước cạn, và tôi về khách sạn, nước mắt rùng rùng, thế rằng sẽ bao giờ cũng đứng về phía những kẻ đói ăn. Chẳng hạn như khi tôi ở Hà Nội, có một người con một vị tai to mặt lớn trong Học Viện Quân Sự đến tí tê, cái kho vũ khí Long Bình cướp được của Mỹ để lâu ngày nó hồng, mà mình không dùng, nhưng biết đâu những nước Trung Đông lại chẳng cần. Anh lại thông thạo tiếng Anh, tiếng Pháp, và có cái hộ chiếu Canada muốn đi đâu thì đi... Lắc đầu, tôi làm như không hiểu, lơ đi, ngu ngơ nói chuyện xây dựng một nền kinh tế đa thành phần và những thứ... vân vân ... trên đầu lưỡi bọn “tư sản mại bản”. Chẳng hạn như khi tôi lên lớp về Kinh Tế cho cán bộ giảng viên của Đại Học trong Thành Phố Hồ Chí Minh thì ngay bàn đầu có một cô học viên xinh xắn, mặt mũi son phấn điểm trang, và áo quần thì màu sắc chứ chẳng phải đồng phục áo trắng quần bà ba đen như mọi người. Lên máy bay ra Hà Nội vào thời ấy cực khó, nhưng cô ta lại ngồi ngay ghế bên cạnh tôi. Đến sân bay Gia Lâm, cơ quan tiếp tôi không ra đón. Cô học viên thì lên xe Volga, cho thầy đi ghé, và tỏ vẻ mời thầy ngày chủ nhật nghỉ thì đến nhà em chơi! Tôi đến, biết cha cô là một vị Trung Ủy, và được cô ta dẫn đi tham quan khi thì chùa Trấn Quốc, khi thì đền Ngọc Sơn...Chỉ có thế mà vị quản lý tôi, cấp Thứ Trưởng, vỗ tay reo “nhất cậu, cơ quan bọn mình là “nhà trai” đấy nhé, nào lên kế hoạch đi!” Bỏ mẹ, tôi kêu thầm, thế này là thế nào. Ép dầu ép mỡ, ai nữ ép duyên. Và lại, đến tay cô ấy mình cũng chẳng dám cầm, nữa là...Thế là tôi đánh trống lảng. Ông Thứ Trưởng cáu, nói gằn như quát, “cậu đi chơi với con gái nhà người ta nay cả Hà Nội biết, không lấy là họ mang tiếng. Cậu có biết nhà người ta là nhà nào không, cũng gốc Nam Định mình...” Ấy chết, tôi lúng búng, “thưa anh đi chơi đúng hai lần, chỉ chùa Trấn Quốc với đền Ngọc Sơn thôi, để còn “tìm hiểu” đã chứ!”. Tìm hiểu chứ chớ “quát ngựa truy phong” nhé. Ông cấp Thứ Trưởng này là công an, chớ đùa. Nhưng tầu vi vẫn là thượng sách. Làm thế nào đây? Anh bạn mới quen là nhạc sĩ Hồng Đăng tài hoa nhưng phận có hơi mất màu vì nắng gió bàn, cứ lảng quăng tấc tấc với tớ thì... ắt “nhà gái” sẽ giẫy ra, khỏi phải chạy. Thế là tôi theo bạn vào Xưởng Phim thăm những diễn viên, nào Thanh Quý, Phương Thanh, Kim Thanh...Rồi đi uống

cà phê, gặp anh em Nhân Văn Giai Phẩm, chẳng còn có vẻ sợ chuyện "quan trên trông xuống người ta trông vào", nhưng cũng xin nói ngay là chẳng có làm cái gì mất mỹ tục để có thể mang tội hủ hóa trụy lạc...

Nhưng anh hùng bất quá mỹ nhân quan, bắt đầu là đùa nhưng sau đâm hóa thật. Cái nhìn của nàng có bóng tối, và chính niềm u uẩn đó khiến tôi sau này lao vào một chuỗi những đêm màu đen có lúc tưởng mình không còn ngày thấy ánh sáng. A, cái ả mỹ nhân! Ôi chao, vực sâu chưa rơi thì vẫn gọi mời, và gió thốc từ đáy vực tăng tốc độ hụt hẫng đến chóng mặt hôn mê. Bạn tôi, Nguyễn Duy, từ Sài Gòn ra. Nào, tôi lấy vợ! Nhất định chẳng hỏi phép tắc ai, chuyện cá nhân mà ỉ! Thiệp cưới, không có giấy cạc-tông ở giữa một thủ đồ xơ xác, Đấng chạy mua (xin?) những cái tấm làm phiếu sách của thư viện. Báo hỉ, phải màu chứ không lẽ lại đen thùi lùì. Mục in màu đỏ thì báo Nhân Dân đọc quyền. Duy đi cầu cứu Nguyễn Văn Bồng ở Hội Nhà Văn; Bồng viết, giới thiệu đồng chí... Tổng Biên Tập báo... về nước cưới vợ (!), xin các cơ quan hữu trách tích cực giúp đỡ. Nhà in báo Nhân Dân in xong, người đầu tiên Duy mang bó thiệp cưới buộc bằng lạt đến mời là bác Nguyễn. Bác nheo mắt, nói với Duy, tao nghĩ thế là nó lấy phải công an đấy, bảo nó thế! Ừ thì thế, thế thì phải thế. Lê Đạt vỗ đùi, cười bỗ bã, chú mày thế là mang về cho anh em chút dưỡng khí để thở. Trịnh Công Sơn không ra được Hà Nội, hẹn về Sài Gòn làm thêm "đám" nữa cho anh em trong này. Trần Dần viết tặng 5,6 trang thơ, chữ như kiến bò, kêu *nợ tình nợ bạn nợ thơ, n- nợ cosmic bao giờ cho xong* trong cái *hỉ khúc xíc thẳng*. Đặng Đình Hưng thì chép *thanh xuân = hạnh phúc* và chép một đoạn có câu *ghé bên cắn một quả vả màu xanh chưa chín...* mãi hàng chục năm sau mới xuất hiện trong Bến Lạ. Còn Hoàng Cầm, lại chạnh nhớ những mối tình với *Chi*, lãng đãng nhắc *thuở ấy mây Em tìm núi Chi, ngửa mặt hường hoa khép gió xanh ...*

Chỉ ảnh bác Nguyễn đi ăn cưới, cha nuôi tôi lăm nhăm một mình, trông hán thế là vẫn khoẻ. Như sực tỉnh, ông nhìn tôi, nhắc lại, "... thế là hồng, hồng thật rồi! Con chưa sự nghiệp gì, bắt quá có cái nghề kiếm ăn, vừa bỏ qua một cái dịp để thi thố..." Tôi thật không hiểu, hỏi, thì ông đáp, sự nghiệp là làm được cái gì cho người khác, đồng loại, đồng bào. Rồi ông thở dài "...con có tí kiến thức kinh tế, nhưng chỉ chữ với nghĩa, việc thật là đi kinh bang tế thế thì bây giờ chẳng làm được nữa, hồng rồi!" Mấy ngày sau, trước khi tôi lên đường bay về Canada, cha nuôi tôi vỗ vai, bảo, hóa ra con cũng là giống nòi tình. Vậy thì sau này nhớ câu chuyện về bác Nguyễn. Ông thủng thỉnh: "Xưa bác ấy đưa tao xem cái truyện bác viết về một anh đánh giặc, ngày nào như ngày nấy, đều đặn sáng trưa nơi đồng không mông quạnh, đều đặn đến nỗi chỉ nhìn bóng anh trên mặt nước là biết mấy giờ, như một cái kim đồng hồ mà không cần răng cưa, trục quay, giây cốt. Tao đọc, chê là bất cập nhân tình, viết thế là không được! Tao bảo, con người là *người*, ác có thiện có, nhưng ở cực nào thì cũng không thể kéo xuống để *thành* ra và là bất cứ một thứ dụng cụ vô tri vô cảm nào, dẫu nó tinh vi cách mấy cũng vậy. Sau, chẳng biết bác làm gì với cái truyện ấy, bác vốn ngang như cua, tính thì kênh kiệu. Nhưng con có hiểu tao nói gì không? Điều này mới quan trọng..."

7

Mắc chứng ung thư ác tính, những ngày cuối cùng của cha nuôi tôi có thể ước chừng. Tôi lại bay sang Cali. Những ngày đầu hạ ở quận Cam có thoáng ngậm ngùi, mặc dầu trời rất cao, rất xanh, và nắng trải lên mạ vàng cây cỏ. Cha tôi cho tôi cuốn Kim Cang Kinh. Ông bảo, cụ Nguyễn Du khi xưa đọc nó hơn ba nghìn lần. Cười móm mém, ông tiếp, chữ *không* của nhà Phật tao hiểu là *tự do*, và cái làm mất tự do là nỗi sợ. Nhưng tại sao lại sợ nếu như ý thức được không có gì là có, cũng không có gì là không, vì đến cái *ngã* cũng không thì có cái gì gọi là có... Rồi ông chậm rãi, mắt hấp háy nhìn lên đỉnh cây chao trong gió sớm, đọc *Sống không tham, tham gì? Chết chẳng sợ, sợ gì? Sống chết thì cũng thế! Vậy tham gì sợ gì.*

Hai tháng sau, cha nuôi tôi ra đi, khi tôi đã xa cách ông đúng 6 giờ chim bay với vận tốc Boeing trong những chuyến bay xuyên lục địa. Đúng năm giờ sáng, tôi được báo tin qua điện thoại, thức dậy ngẩn ngơ ngồi dựa vào vách, một lát thì mơ màng. Ông đến đứng sau gọi. Tôi quay lại, ông cười, lại cái cười móm mém, nhưng mắt hóm hỉnh, hỏi "mày tưởng tao chết hả con..." Tai tôi vang lên câu kệ tử sinh đồng nhất thể, hà úy hựu hà khinh...

Năm sau, tháng 7 năm 1987, tôi được tin bác Nguyễn cũng theo bạn mình sang cõi khác. Chợ Hà Nội sạch hoa. Bao nhiêu hoa những kẻ biết ơn chữ đã mua hết để mang viếng bác, người tài tử đã thổi vào ngôn ngữ mảnh đất này những nét hào hoa kênh kiệu Vang Bóng Một Thời trước Tổng Khởi Nghĩa chống Pháp. Đó là một thời Ta. Cha nuôi tôi có kể, bác ấy cứ áp ủ viết thêm Vang Bóng Một Thời Tây. Còn thời Mỹ, bác Nguyễn thờ ra, thôi để cho thế hệ sau chứ mình thì già mất rồi. Ôi chao, thật tiếc, thời Tây cho đến nay vẫn chưa kịp vang bóng, nói chi đến thời Mỹ, dư âm nếu còn vang vọng thì cũng chỉ độc là tiếng nổ của đủ loại súng bom mang thử nghiệm trên những xác người. Khi bác ra người thiên cổ, Nguyễn Minh Châu kể, một hôm râu tóc run rẩy, nước mắt tràn ra trên má trên môi, bác vừa khóc vừa nói " *...minh tồn tại được cho tới nay là bởi biết sợ!* " Thương làm sao, cái nghiệp nhà văn An Nam, sống đã khổ như chó, mà lại là những con chó lăm lét cụp đuôi biết sợ trong một góc nhà!

Nhưng chết thì sao? Những vòng hoa của bao nhiêu kẻ ngưỡng vọng không phải là một niềm an ủi lớn à? Tôi hỏi Bửu Chỉ, người có mặt ở Hà Nội khi bác Nguyễn mất, khi anh sang Pháp làm triển lãm hè năm 88. Không đáp, Bửu Chỉ kể, ông ấy nằm ở nhà xác chờ các thứ cơ quan như Hội Nhà Văn, Hội Liên Hiệp Nghệ Thuật... họp để bàn giao xem nơi nào làm chủ lễ tang, kinh phí đào ở đâu ra, tri trả thế nào...Ba ngày liền phải chờ, trời thì nóng, Hà Nội mất điện liên tục nên xác ông ấy bắt đầu trương lên, chuột nó vào găm cái tai trái cắn nát ra, da mặt đã xám lại. Để trang điểm cho ông, người ta lấy phấn viết bảng nhà trường ghiền ra bôi lên mặt. Còn môi ông, người ta thoa son, son loen ra cắm nhếch nhác, trông chẳng khác gì hê trong những vở chèo. À, thì chết như vậy, hỏi có nào lòng, hở Trời!

8

Về Hà Nội, việc đầu là tôi đến thắp hương vái bác Nguyễn. Vẫn căn phòng với giá sách bám bụi như xưa. Nhưng thôi, đâu rồi cái giáng gù gù, mái tóc bạc xõa đến gần vai, và nhất là cái nhìn hóm hỉnh đèo nụ cười nửa miệng. Nay, có khác là cái bàn thờ đặt ngay lối vào phòng. Nay, chỉ còn bức ảnh bác lặng lẽ trang nghiêm đặt trước một bát nhang đầy tro rải xuống nhắc chuyện về nơi cát bụi. Bác gái bật diêm cho tôi châm hương, thì thào, ông nhà tôi đi sau ông bạn già đúng một năm, đôi lúc không còn tỉnh là hỏi tôi có tin gì từ bên Mỹ không...Còn tôi, tôi chấp tay vái, tai văng vẳng câu " *...minh tồn tại được cho tới nay bởi biết sợ!* ".

Như bác Nguyễn mà phải sợ thì hỏi có ai mà không sợ? Nhà văn Kim Lân kể, trong một buổi họp hành gì ở Hội Nhà Văn, bác Nguyễn bức dọc kêu với đồng nghiệp rằng gì cũng sợ, nhưng ngẫm lại thì chẳng biết sợ cái gì! Bác nói, rồi uể oải chống batoong đi ra. Nhưng lần này, lần đi cuối, chắc bác chẳng cần cái sợ theo chân. *Sống chết thì cũng thế, vậy sợ gì tham gì, chắc* chần người bạn già của bác cũng đã đọc cho bác nghe rồi. Nói chuyện với anh Lân, ngày đưa bác đi Văn Điển quả bao nhiêu hoa ở Hà Nội đều là hoa tiễn bác. Và từ thời đám tang cụ Hồ, chỉ lần này dân Hà Nội mới lại tự động xuống đường đưa đám một người. Lại một người không quyền cao chức cả mà chỉ mang danh phận nhà văn. Aidám *bảo bác là dân* nào?

Danh phận nhà văn? Trí thức phương Đông xưa "trung quân", và nay tiếp tục phò chính thống như một cái nếp tiềm thức bao che một loài vi khuẩn mang tên nô vong. Thịnh thoàng mới có một Nguyễn Hữu Chinh, một Cao Bá Quát, hay một Hồ Xuân Hương, những người dám nổi loạn. Ngoài ra, phần đông họ ngâm vịnh cho sượng miệng, đánh tráo nghĩa bằng chữ, và thường mang giấc mơ tiền vi quan, dẫu cho quan thì nhất thời nhưng dân vạn đại vẫn cứ vạn

đại là loài thấp cổ bé miệng. Nhưng may thay, chính những kẻ thấp cổ bé miệng đó mới đồng thanh tương ứng với những người cầm bút nói thay được ước vọng ngàn đời của họ để âm vang của những con chữ có nghĩa sẽ truyền qua vách vức thời gian...

Bác Nguyễn, thế là đâu đó đúng 18 năm bác đã thành người thiên cổ. Năm kia, phúng bác dăm câu thơ. Năm nay, chép lại một đoạn,

...
Viết toạc trời xanh
chữ người tử tù

Những chữ ngoằn ngoèo
rạch mây nhỏ máu

Ô này,
một thời từng vững...

Vững nào vang bóng chốn thiên thu ?

gửi bác với tấm lòng kẻ hậu sinh này ngày xưa đã đi tìm một trăm cách khóc để khóc bác.

Phùng Cung, thơ và người

Kính viếng Phùng Cung và Phùng Hà Phủ

Năm 14 tuổi, tôi đọc Con Ngựa già của Chúa Trịnh. Đọc lên vì bản thảo nằm trong một cái tủ cha tôi khóa kỹ, thỉnh thoảng mở ra rồi thận trọng nhét vào một cái hồ sơ trên có đề chữ mật. Chữ này đầy mãnh lực, hấp dẫn đến nỗi quên ăn quên chơi ngay ở tuổi tôi đang lớn. Tôi đánh được chìa, mở tủ lấy hồ sơ, leo lên trần nhà. Ghé vào những khoảng sáng hắt qua kèo cột, tôi say sưa đọc, mồ hôi nhễ nhại trong cái hừng hực nóng của mùa hè Sài Gòn đỏ lửa. Năm sau, cụ Hoàng văn Chí in Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc. Tôi lại đọc lại, lần này đang hoang đọc. Nhưng tôi chưa thật hiểu thế nào là ẩn dụ, tuy bụng vẫn quặn thắt đau cái nỗi đau của con ngựa chiến đứt ruột chạy vòng cuối, cái vòng khốn nạn của thứ định mệnh oái oăm.

*

Lần đầu tôi đọc Phùng Cung khi ông ta vừa 30 tuổi. Về Cải Cách Ruộng Đất, ông Võ Nguyên Giáp đã công khai nhận sai sót, và như một hình thức kỷ luật, ông Trường Chinh thôi chức Tổng Bí Thư Đảng Lao Động. Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm đã yên ắng. Tuy thế, người ta vẫn xử lý nội bộ, định tội, bắt đi "thực tế", bỏ tù và vô hiệu hóa những người dám đòi lại quyền lãnh đạo văn chương-nghệ thuật về tay chính những kẻ làm văn chương-nghệ thuật mà không chịu uốn cong ngòi bút phục vụ những tiêu chí thuần chính trị, những khẩu hiệu vô hồn, những ý đồ được khôn khéo che đậy bằng thứ ngôn từ uốn éo như rắn hổ mang chui ra từ những chiếc lồng khi nghe tiếng kèn phù thủy. Năm sau, tình hình miền Nam sôi sục. Những người tập kết xôn xang tung hô khẩu hiệu giải phóng miền Nam, bộ xe-pháo Duẩn-Thọ phát cờ, trong khi mâu thuẫn giữa Trung Quốc mao-ít và Liên Xô xét-lại đã hóa ra công khai. Với miền Nam, giải phóng thế nào đây? Chiến tranh cách mạng kiểu Bắc Kinh hay vận động chính trị trong bối cảnh chung sống hòa bình Một-cơ-va? Đột nhiên, cái gọi là «xét lại chống Đảng» được xì xào như một mối nguy cơ, và nhân đấy đám thân Tàu tiếp tục cuộc «chính đốn tổ chức» đã phải bỏ lưng chừng trong đợt sửa sai Cải Cách Ruộng Đất. Những mối thâm thù lại có cơ tác quái, và mọi thứ bạo lực từ những động cơ ngu muội tô hồng bằng bạo lực Cách Mạng được xử dụng nhằm thanh

trường nội bộ, xoán chiếm quyền lực mông muội. Tiểu tư sản-trí thức thành thị- cái anh tạch tạch sè- thỉnh linh thành đối tượng đấu tranh của giai cấp nông dân (được nâng cấp thành liên minh công-nông). Vào năm 1961, người ta bắt Phùng Cung khi chị Thoa- vợ anh- có 2 đứa con còn cấp nách.

Tại sao?

*

Hơn bốn mươi năm sau khi đọc Con Ngựa già của Chúa Trịnh, đầu tôi vẫn cứ một câu tại sao? Phùng Cung xưa phụ trách nhà in, không "chính trị" như Nguyễn Hữu Đang, uy tín như Phan Khôi, và cũng không là chiến tướng như những Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán... Trừ Đang và Thụy An, tất cả đều đi thực tế, một cách cải tạo không phải là gay gắt nhất. Sau thực tế thì về Hà Nội nhưng bị treo bút, cô lập. Khổ nhất là bị cô lập, không ai dám "dây với hủi", kể cả những người trong gia đình!

Năm 1999, tôi có dịp hỏi một nhân chứng ruột thịt của Phùng Cung. Con anh, là Phùng Hà Phủ, đến thăm tôi vào dịp Giáng Sinh. Phủ kể, "...thời Cải Cách Ruộng Đất, ông nội cháu lo vì có thể bị qui là địa chủ cường hào, và quả là sau ông bị đấu tố rồi đưa lên giam trên Thái Nguyên. Bố cháu lên thăm, nhưng đến nơi thì mộ ông cháu mới đắp, trên chỉ có một ngọn sắn lá đã héo để đánh dấu, đất còn ướt...". Phủ châm thuốc lá, rít một hơi, thở dài "thế mà trước đó bố cháu cứ tin rằng có một bà con đi kháng chiến thì sẽ chẳng đến nỗi nào!". Nói qua quít để an ủi, tôi bâng quơ "chắc ông ấy hận lắm...". Cờn thanh củi cho cháy bùng lên trong lò sưởi, Phủ khe khẽ lắc đầu. lát sau, Phủ trầm ngâm "Bố cháu hận thì không, nhưng buồn thì có. Buồn đến độ bố cháu chẳng còn muốn gặp ai...Sau, bố cháu kể, oan thì có oan, sai thì có sai, nhưng thời đó chuyện ấy đầy rẫy, cải cách rồi sửa sai...". Nghe Phủ thì thào, tôi thốt nhiên chột dạ. Tôi nhớ đến lời những lãnh tụ nhấn nhủ, cứ vừa làm vừa học, rút kinh nghiệm, hề thấy sai thì sửa. Trời ơi, nhưng sai mà gây ra án mạng, cướp sống những cuộc đời vui vào ba tấc đất oan khiến mất rồi thì sửa làm sao? Nhưng sai mà phá tan nát cái cấu trúc cơ bản làng xã, kích thích lòng tham lam và hận thù khiến nhân nghĩa lộn lạo, thì sửa làm sao?

Sửa thế nào được khi những con rắn giáo ba đầu sáu tay lẩn vào ước mơ và dùng ngôn từ để góc đầu nhe răng phun nọc!

*

Phùng Cung chỉ buồn? Anh tiếp tục công tác trong cơ quan hội Văn Nghệ. Đến khi Nhân Văn ra đời, anh đợi đến số 4, tháng 10, năm 1956 mới đưa in Con Ngựa già của Chúa Trịnh. "Thế thì 5 năm sau, tức vào năm 1961, người ta lại bắt bố cháu đi tù? Và tù liền 12 năm? Tại sao?" Phủ không trả lời, chỉ thở dài. Nhưng sao tôi nghe đâu đây như có tiếng ngựa hí? Không, ở xứ này giờ đây là mùa Đông, ngoài trời lạnh -20 độ C, nước chỉ dăm phút là đóng đá. Gió rít lên, lửa trong lò sưởi chập chờn, tuyết bay bám vào cửa kính vẽ mờ hồ những đoá hoa trước lúc hóa băng.

Tại sao?

Lại tiếng ngựa, nó hí, vó đạp lộp cộp xuống mặt đất co cứng. Con Kim Bông chẳng? Chắc nó đang "cao đầu phóng vĩ", cái thế con Thiên lý mã lệnh xông xáo trận mạc ven sông Gianh. Mà nào đâu sông Gianh, nay hòa bình lập lại rồi. Đây là Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Như vậy thì Kim Bông đang hàm ân thánh đế, ở mã đài, để bọn mã phu dẫm bầy đưa chải bờm tĩa lông. Rồi một ngày:

"...khi mã phu buông tay; lạ lùng lắm, nó thấy hai vật gì to bằng cái lá đa che ngang hai bên mắt, khiến nó có thể nhìn thẳng phía trước mà thôi. Rồi mã phu đẩy nó lùi lại, đứng vào giữa hai càng gỗ sơn son thếp vàng. Ừ lạ quá chừng, những cái gì mà đẹp thế này? Ta sẽ làm gì đây? Nó rùng mình, thấy hãnh diện như được sống một kiếp sống khác, sung sướng hơn trước.

Bỗng dưng hai càng gỗ dúi mạnh một cái, cổ nó bệt xuống, miệng nó gần chạm đất, nó vừa ngóc được thì dây cương đã ghì thẳng. Nó cất bước thấy nặng; cái nặng quái gỡ, như bóp nghẹt lấy cổ, có lúc bênh bồng nhẹ đi một chút nhưng rồi gáy nó còng như lún xuống... Khi nghe tiếng bánh xe nghiền trên mặt đá, nó mới biết là nó đang kéo xe cho Chúa.

Nó gục đầu xuống cúi lúi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt lơ lơ nhìn thẳng, mỗi mệ, chán ngán..."

(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh)

Phủ tiếp, giọng trầm hẳn xuống, Bó cháu ra tù khi hai anh em cháu đâu mười một, mười hai. Một hôm, cả nhà cháu đi bộ trên lễ phố Trần Hưng Đạo, khúc gần Bà Triệu, thì có tiếng gọi, Cung ơi, Cung. Mọi người quay lại. Bác Dân đứng lễ bên kia vẫy. Bó cháu chưa kịp phản ứng thì mẹ cháu giằng lấy tay, miệng van vỉ, em lấy anh, đi thôi... Em và các con đã khổ lắm rồi... Đi thôi, anh ơi! Ra tù, bó cháu cách ly với bạn bè, chỉ chuyện áo cơm cũng đã khổ sở. Đập đình, rồi làm bánh. Và khi có việc thì nể, mợc... Thế mà công an họ cứ đến "làm việc", khủng bố tinh thần đến độ mẹ cháu bảo thà là ở trong tù còn hơn...

*

Tại sao? Hay là...

" Nó gục đầu xuống cúi lúi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt lơ lơ nhìn thẳng, mỗi mệ, chán ngán.

Nhưng chẳng bao lâu, những chậu thóc trộn mật vừa ngọt vừa bùi, những bó lá trúc quân tử vừa thơm vừa dòn sậm sực đã cùng những buồn tủi sâu muện, cùng những ước mơ trôi qua ruột, tổng ra ngoài trả lại cho quá khứ. Con thiên lý dần dần quen với chức vị. Nó thấy mình phải phò Chúa đến hơi thở cuối cùng mới xứng danh Thiên lý mã" *(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh)*.

Chức vị nào trong Hội? Hội Nhà Văn hay liên hiệp hội Văn Học Nghệ Thuật? Ông Nguyễn đình Thi? Hay là ông Tố Hữu? Hay cả hai. Hoặc lại ông Tô Hoài, con đẻ mèn phiêu lưu nó phình to hơn chính người ông, như Phùng Cung từng nhắc lại sau này trong một truyện ngắn? Tôi không biết. Và nay, có những người đã nằm xuống. Nghĩa tử là nghĩa tận. Tôi chép bài thơ Bụi sao rơi, rất Phùng Cung, gửi viếng họ:

Đèn bên sông
Hay bụi – sao rơi
Mà hiu hắt cơ hồ muốn tắt
Có phải bóng hình người
Đã khuất
Mộng công hầu chưa đạt
Nay lại lần về mụon cửa
tái sinh.

*

Con bão tuyết đêm qua đánh tan những đám mây khiến sáng dậy mặt trời nở ra rực rỡ. Dưới ánh nắng tươi vàng, hai chú cháu đi dạo trên những con đường tuyết phủ trắng tinh bạch, chưa một vết chân, chưa có gì thừa thãi, dấu một lờ, dấu một hơi thở. Chúng tôi bước trong giấc mơ nguyên thủy, khi lời nói còn âm điệu tiếng chim ban sơ. Phủ ngừng chân, buột miệng "...tiếc là bố cháu chưa gặp chú!". Chép miệng, tôi ngẩn ngừ, duyên phận cả. Phủ kể, bố cháu một hôm nắm tay cháu, cao hứng đọc thơ cho cháu nghe. Bố bảo họ Phùng nhà ta chẳng có gì, chỉ có cái này, tay đưa cháu một tập bản thảo, toàn chữ là chữ. Cháu còn ngỡ ngác thì bố cháu đập tay lên vai, cười, "...có cái này là có đóng góp cho đời...Con phải biết hãnh diện!".

Tôi nói, Phủ nhớ, đọc một bài đi. Phủ rưng rưng :

*...mồ hôi Mẹ
Tháng ngày dăm dăm nhỏ giọt
Con nín giọt mồ hôi
Đứng dậy làm người*

Tôi lặng đi, lần đầu nhớ một người chưa gặp.

Lát sau, nhìn Phủ, máu mũi của cái con người ấy, tôi thành thực "...Chú gặp bố cháu rồi đấy. Gặp ở cái thế Đứng. Đứng dậy làm người". Vừa dứt lời, tôi ứa nước mắt. Vâng, dấu nước mắt là cái chẳng một ai dám tưởng mình có thừa!

*

Vào đầu thập niên 80 tôi có hỏi nhưng không một ai biết gì ngoài Con Ngựa già của Chúa Trịnh. Như vậy, chẳng phải những Truyện Ngắn viết từ 56 đến 59 nhưng không phổ biến đã là cái đẩy Phùng Cung vào cảnh tù tội. Thế thì Tại sao? Nói đến chức vị thôi, làm sao có thể gây thâm thù đến độ đày đọa nhau đến thế? Bỗng đâu tiếng chân ngựa lại chậm rãi lộp cộp. Có phải vẫn Kim Bông, con ngựa Mã lệnh mang danh Thiên lý nay kéo xe...

"...Từ ngày vào phủ Chúa, lần đầu nó được đi ra ngoài. Nó ao ước thăm cảnh cũ. Xe ra khỏi phủ Chúa, bon bon trên con đường đất rộng thênh thang. Nhìn thẳng phía trước, nó lấy làm lạ, nó kêu í í trong cổ như tự hỏi "Làm sao con đường này ngày xưa rộng mà nay nhỏ bé như thế này!" Đi được một quãng nó nhìn lên phía trên, lại đứng tự hỏi : " Ô hay, ngôi chùa kia, ngày xưa rõ ràng nằm bên cạnh một quả đồi lớn, mà bây giờ quả đồi lại nhỏ bằng con đường ta đi là nghĩa làm sao? " Tất cả những cảnh vật trước mắt nó đều nhỏ lại, và thẳng tắp. Nó nhìn cánh đồng, cánh đồng cũng chỉ là một đường thẳng. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến màu xanh cũng chỉ thu lại là một đường thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đa che hai bên mắt chỉ cho nó nhìn được một chiều. "

(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh).

Anh Cung, chịu anh! Quả đồi cũng thẳng, màu trời xanh cũng thẳng nốt, và tất cả đều nhỏ bé lại bằng con đường ta đi. Anh nói thế là chậm nọc rồi, và lại nói gần năm mươi năm trước như một lời tiên tri, ở thời điểm có kẻ lo loa rất "khoa học" là có sức người sỏi đá cũng thành cơm!

*Ôi cái thân trâu ngựa! Kim Bông hỏi Kim Bông! Con ngựa chiến đi kéo xe,
" trước hơi thở cuối cùng, nó lấy hết sức tàn, ngóc đầu lên cao, co co hai chân trước, thẳng thẳng hai chân sau, chùng như cố để giữ lấy cái thế "cao đầu phóng vĩ". "*

(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh).

Cái thế đó còn gọi là cái thế có kẻ ao ước làm một tên hát rong, un chantre, mà Tố Hữu kể cho Phùng Quán nghe vào lúc thất thế cuối đời. Chantre, là kiểu Văn Cao gọi Trịnh Công Sơn. Và đến nay tôi vẫn chưa hình dung ra nổi sự tương đồng giữa Sơn và nguyên Ủy viên Bộ Chính Trị ĐCSVN Tố Hữu. Ô hay, tôi ơi, đừng tuyệt vọng!

*

Đến giữa những năm 90 người ta mới biết có Xem Đêm, và câu chuyện cảm động : Nguyễn Hữu Đang mang hết tiền dành dụm chắt bóp cùng Phùng Quán tìm cách in thơ Phùng Cung. Phủ nói, cháu có tâm nguyện in cho bố cháu một tuyển tập. Dẫu có đọc, nhưng đọc chút ít, tôi khuyên, thơ không cần nhiều, nhưng phải hay. Một đời thơ chỉ 5,10 bài là đủ. Phải đến khi Phủ chuyển cho tôi, tôi mới biết dòng thơ Phùng Cung có cái chất long lanh của những hạt sương đọng trên cánh lá non xanh một sáng tinh mơ của vạn vật. Mời nhau cùng nghe:

Lá súng lát mặt ao
đốm ngọc
Con sộp phàm vô hảo
Bóng hoa lay
Lá tre rụng
Nhuộm hoàng hôn đỏ gạch
Tiếng cuốc bèo da diết
Gọi Ngày Mai

Đó con sộp là con gì? Tôi mở Từ Điển Tiếng Việt do Trung Tâm Ngôn Ngữ ở Hà Nội in năm 1992, nguyên Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Phạm Văn Đồng có viết tay trân trọng giới thiệu, là quyển từ điển đầu tiên ở nước ta do một tập thể cán bộ ngôn ngữ học biên soạn trên cơ sở tư liệu tương đối đầy đủ. Tra xem sao :

Sộp t (kng.) Sang, tỏ ra nhiều tiền và hào phóng. Khách sộp, Vớ được món sộp.

Thế thì con sộp là cái quái gì? Từ điển im như hén. Vậy xin mách, sộp, danh từ, là một loại cá sống trong ao. Còn phàm. Dễ thôi. Con Mực phàm ăn vô hảo cục xương. Nhà thơ phàm danh vô hảo những con chữ trống trơn. Thế mà sao Nhà Nước ta không mời Phùng Cung vào làm Từ Điển nhỉ?

Nhưng thôi, cho tôi quay về với thơ, không chơi trò chiết tự nữa. Đầu tiên, phải kể cái kho chữ Phùng Cung. Chữ thôn dã, nhưng anh nâng lên thành một vẻ đẹp hồn nhiên, chẳng khác cái duyên thâm không tô son điểm phấn, mà sao nét cười quanh vành nón cứ vấn vít lòng ai. Xin kể : Đêm về khuya. Trăng ngả màu thiên lý. Tiếng gọi đò. Căng chỉ sang sông . Hay là Gió bạc cánh. Chưa hết vòng kim cổ. Làng cách làng. Từng quãng – phong dao. Hoặc Chó sủa làng xa. Sủa hơn xóc ốc. Sáo diều ai hóc – gió ven sông. Quay lại cấu trúc thơ, dẫu câu có cắt ra 3 hay 4 chữ, ta vẫn dễ dàng nhận ra gốc gác Đường thi. Nhưng trong thơ Phùng Cung, ngôn ngữ và hình ảnh thuần ca dao, nâng cái đẹp chân quê lên mức hết sức trang trọng với mặt ao đốm ngọc, hoàng hôn đỏ gạch. Và không chỉ có cái đẹp hình thức, nhà thơ đột nhiên để tiếng cuốc bèo da diết gọi Ngày Mai nói thay cho lòng mình, tức là chuyển đi cái nội dung mà thơ hay vẫn, bất kể hình thức nào, cũng cần có để sống còn với thời gian.

Anh Cung, tiếng cuốc trong thơ anh chắc cũng đau đầu cái nỗi đau con quốc quốc của Bà Huyện Thanh Quan. Nhưng chỗ tụ lửa trong tâm hồn anh, tôi đồ, vẫn là Ngày Mai anh viết hoa. Và anh vẫy gọi. Da diết gọi.

Nhưng Ngày Mai ở đâu? Và bao giờ, hờ anh?

*

Lần cuối về Hà Nội, tôi đến thăm anh Hoàng Cầm và báo tin Phùng hà Phủ đã qua đời. Phủ đi làm về, ghé quán bia với bạn, bỗng ngật người đi hôn mê, đưa vào cấp cứu nhưng không qua được bàn tay tử thần. Rủ nhau xuống chia buồn với chị Thoa, nhưng mấy ngày sau anh Cầm lại bị ngã gãy xương chậu, nằm bẹp. Thế là chịu. Thôi thì cứ ngày ngày đến chia sẻ với anh Cầm, mong anh có được chút niềm vui trong những ngày nằm bệnh. Chuyện trò, anh lại kể. Con người Phùng Cung là một con người của những thái cực. Xưa, Trần Dần nhận biết anh ấy là loại tử vi đạo, im lặng thì có nhưng đầu hàng thì không. Một vai, anh ấy âm thầm gánh cái nặng của anh em, giọng “kiếm thảo” vẫn cứ ngoan cố lừng lơ, đúng là theo kiểu cao đầu phóng vĩ của một con ngựa chiến không chịu thành gia súc cho nhà Chúa. Khi anh ấy bị đưa đi quản thúc trên Bát Bạt, chị Thoa lên thăm nuôi, nhưng anh ấy nhất định không nhận chị Thoa là vợ, không cho nhìn mặt, trả lại tiếp tế và khẳng khăng một mực là mình không còn liên hệ gì với thế giới bên ngoài. Lần đầu, chị khóc suốt một đêm, rồi ít lâu sau chị lại lên. Anh Cung vẫn thế. Quản giáo vặn, lý lịch anh khai là đã kết hôn, thế là khai man. Anh đáp, thời ấy Đảng không đồng ý cho tôi lấy vì cô ấy thuộc giai cấp phong kiến, mà tôi thì mê mẩn, mất lập trường giai cấp. Nay tôi tỉnh ngộ, nhận có chung sống ngày trước, nhưng từ bây giờ tôi xin chấp hành... Thế thì anh lợi dụng hủ hóa, thêm một tội, quản giáo gần giọng. Ừ thì thêm một tội. Thêm một chữ mười tôi cũng chịu... Chị Thoa lại về, để tiếp tế lại chia chác cho anh em tù. Và chị cứ lên. Anh tiếp tục ruồng rẫy. Ba lần, bốn lần...

Tôi thở dài, có lẽ là anh Cung mong chị quên anh ấy đi, chứ đã mang cái án miện là phản động, là chống Đảng, bôi bác lãnh đạo như anh ấy thì biết ngày nào ra! Và lại, chị Thoa khi ấy còn trẻ... Anh Cầm chép miệng, chắc vậy! Nhưng chị Thoa vẫn cứ đều đặn lên thăm nuôi, cho đến một ngày, hơn hai năm sau, hai vợ chồng mới lại nhìn lại nhau... Và chị Thoa sống cảnh chia ly như vậy suốt 12 năm đằng đẳng!

Tại sao? Tôi muốn hỏi lại, một lần cuối, tại sao? Đọc Xem Đêm, tôi nói với anh Cầm, tôi chưa hề thấy Phùng Cung mang thù hận vào thơ. Anh buồn và xót xa. Nhưng anh vẫn nhân hậu. Anh vẫn trong trẻo. Thậm chí độ lượng. Anh Cầm giơ tay xoa mặt, mắt mờ dần nhìn vào khoảng không choãi về phía nơi quá khứ còn vương náu. Tại sao ư? Đó là câu chuyện của những con ngựa cung đình. Chúng không thể để dành con ngựa chiến tồn tại để phủ nhận chính chúng. Còn Vua Chúa, thói thường là họ yên tâm với những con ngựa đã thuần, leo lên lưng, ra roi, nắm bõm và chờ tiếng hí đã rạp khuôn rạp mầu. Nhưng có hoạn nạn, anh Cầm cao giọng, thì Cung nó mới có thơ hay như vậy! Anh cười, thế là bội thu đấy. Anh tiếp tục cười, nhưng tôi nghe có gì như tiếng nấc ừng ực...

*

Lạ vua Từ Hải, lạ vãi Giác Duyên, lạ tiên Thúy Kiều, thực lòng tôi chưa bao giờ quan tâm đến cái thuyết Tài Mệnh tương đố, bảo Cung có tài nên trời xanh ghen với má hồng đánh ghen. Tôi cho rằng Phùng Cung trả giá chẳng phải vì anh thâm thù chuyện cha anh bị đầu tổ mà hóa ra “chống phá Cách Mạng”. Tôi tin Phùng Cung trả giá chỉ vì anh níu giọt mồ hôi Mẹ, đứng dậy Làm Người. Và ở cái tư thế làm người, anh không muốn nhìn một chiều kiểu con ngựa cung đình có hai chiếc lá chắn che mắt, chỉ thấy con đường ta đi nhỏ bé trước mặt, thẳng tắp cho đến độ màu xanh da trời cũng thẳng. Vì thế, anh không đành tâm để Vua Chúa cười lên lưng khiến anh làm con ngựa tôi đòi. Anh chẳng thể cuống cuống nhai danh vọng trộn với thóc và mật ngọt trước khi chạy những vòng đua nịnh hót. Và anh lại chẳng như Hữu Loan xuôi ra Thanh Hóa, như Nguyễn Hồng bỏ lên Bắc Giang, đi cho khuất mắt những con ngựa cung đình rấp ranh bỗng lộc. Anh sờ sờ ở Hà Nội, nơi ngựa cung đình nhờn nhờn nhưng chưa an tâm. Đợi

dịp, chúng xúm lại, hóa thân thành giống biết sửa biết cần và biết đẩy anh vào cái thân phận tội đồ.

*Trong tù, anh chỉ còn thơ. Và trăng.
Trăng qua song sắt
Trăng thăm ngục
Bỗng ta chợt tỉnh
Sững sờ
Trên vai áo tù
Trăng vá lụa
Ngày xưa ơi!
Xa mãi đến bao giờ.*

Ra tù sau 12 năm, giam ở Hỏa Lò, rồi Bất Bạt, Yên Bình, Phong Quang, anh còn gia đình. Và bè bạn. Và nhất là anh có một Di cảo Thơ-Văn anh đã dọn dò Phủ "...Có cái này là có đóng góp cho đời...Con phải biết hãnh diện!"

Không phải chỉ có Phủ hãnh diện, những ai theo gót anh cũng hãnh diện, anh Cung ạ! Cuốn sách Phùng Cung 11 Truyện Ngắn Tập thơ Trăng Ngục Thơ Xem Đêm được in và phát hành ở hải ngoại chẳng phải là cách tưởng niệm anh, một nhà văn ở cái nghĩa đúng nhất, hay sao.

Những con voi không đẽ được

Tưởng nhớ Văn Cao. Bài này đăng trên báo Đất Việt năm 1986, khi anh đang nằm bệnh, đã tưởng khó qua. Anh lành bệnh, và in tập thơ Lá (nxb Tác phẩm mới, 1988), viết «Voi đã đẽ, gửi đũa con đẽ anh nuôi». Rồi năm 95, anh cũng đã về với cát bụi. Và cát bụi một nhòai, trong hoàn cảnh những người làm văn hóa của thể hệ anh.

1.

Ra khỏi nhà anh Lê Đạt, nắng Hà Nội hầm hập. Nắng đến rát mắt, nắng sáng lóa, nắng lên đỉnh ngọn tre ở nhà quê. Nắng đổ xuống làm ướt nhem nhẹp nhựa đường lòng phố thành thị. Cả Hà Nội ngủ trưa thì phải. Chỉ còn vài kẻ gò người đạp xe đạp. Mồ hôi ứa ra ướt đẫm nách áo, lưng áo. Dăm ba đứa trẻ ngơ ngác bước ven những căn nhà cũ, bản, nhưng vẫn còn chút bóng mát của những cái liếp tre, liếp nửa treo hờ hững. Hơi nóng từ mặt đường nứt nẻ, lỗ chỗ, từ những bức tường gạch xám xịt, loang lổ cứ bốc đến độ khó hít thở một cách tự nhiên.

Nắng quá, anh ơi. Lấy tờ báo mà che đầu, khéo cảm đấy. Nhanh nhanh đi anh, bà chị em bà ấy đợi. Này, rẽ trái trên phố Lương Văn Can trước mắt kia kia. Nắng ráo, ráo cả cổ. Giá mà có một cốc nước chanh. Thật lạnh, là hết xẩy. Hết xẩy là làm sao cậu? Là hết ý của Hà Nội ta đó. À, ra thế, hay nhỉ! Thế anh có biết cái hết ý «hiện đại» của dân gian không? Mình đóng cửa đọc sách lâu rồi, chịu không biết! Thế kể nhé «...Tiền là tiên là Phật. Là sức bật của loài người. Là nụ cười của tuổi trẻ. Là sức khỏe của cụ già. Là cái đũa của danh vọng. Là cái lọng của nịnh thần. Là cán cân của công lý. Tiền là... hết ý».

Thế là cùng cười. Tôi nhìn sang anh, vẫn có một cái gì thật đôn hậu trong cái con người đầy sóng gió này. Anh cũng đưa mắt nhìn lại. Nụ cười không còn cái xuề xòa của một câu chuyện vui, hình như mắt đầu hơi méu. Chúng tôi bỗng đứng trở nên trầm ngâm. Và bước nhanh hơn. Eo ơi! Vẫn cứ nắng. Nắng bốc lửa. Nắng xém tóc. Cứ thế này, trở thành Xuân tóc đỏ tất. Nắng bốc hơi, nắng thui, nắng và ẩm, nắng làm ri rỉ mồ hôi. Nắng quá.

Chúng tôi bước vội vào căn nhà, số... phố... Đây là một hiệu ăn sắp khai trương. Ông bà chủ là họ hàng gì đó với chủ cái gác ở Lý Quốc Sư, cái gác ăn kiêu Âu nổi tiếng. Tôi nói bằng quơ

«Kiểu Âu nhưng cách Hà Nội đấy». Món ăn Âu đã biến hóa, được thêm thắt bằng cái mùi vị rất ta. Nhất định là có cả nước mắm. Anh Đạt hóm hỉnh «Ta có cách của Ta».

Chị tôi vẫn chưa đến. Nói gẫu một lúc. Trời vẫn nóng. Bà chủ bảo con dội nước lên cái vách tường hừng nắng, kêu «Cứ như nung như nấu thế này thì ăn uống gì được». Những chiếc quạt giấy kêu phành phạch. «Không có điện hả bà? Có quạt điện bây giờ thì tốt quá!». «Cúp điện chú ạ! Chú chịu khó». Anh Đạt cười rộng lượng, quạt đi cậu, quạt này là quạt «cải tiến». Ôi chao ơi, hai chữ «cải tiến» nó lại làm lộn ruột đến độ nóng mặt lên. Anh Đạt nhìn tôi dò hỏi. Số là, anh ạ, một buổi tối em với Nguyễn Duy từ Thủ Đức về Sài Gòn, thấy những đóm đờ rơi lá tả xuống mặt xa lộ, lạ quá kêu lên, gì kia kìa, ma à? Duy nó cười «Xe than cải tiến đấy. Than hồng bỏ lổm ngổm trên đường là cách của ta. Được huy chương của Thành Phố mang tên Bác đấy nhé. Đẳng ấy xem có nơi nào trên thế giới có được chiếc xe này không? Thật là cực kỳ...».

Chị Băng vừa bước vào vừa kêu «Nóng quá, em nhỉ?». Khi thấy anh Đạt, chị sững sốt «À anh, chào anh...» rồi hỏi «Để xe đạp ngoài cửa có sao không bà?». Bà chủ đơn đả «Dạ, khóa thì không sao! Nhưng tôi bảo cháu nó nom cho. Thời buổi này cứ sênh ra là mất ngay...». Chị Băng ngồi xuống, tay cầm lấy cái quạt giấy tôi đưa chị. Chị có vẻ hơi sượng sùng «Có lẽ đến hai mươi năm không gặp lại anh». Anh Đạt cười «Vâng, trên hai mươi năm, từ năm năm chín đến bây giờ...». Chị Băng cười, nét mặt có hơi đăm chiêu. Đấy, chị tôi, một người đàn bà rất đẹp. Lại con tư sản, thứ thiệt. Chị yêu ông anh tôi, một chiến sĩ cách mạng. Ông ấy thì thật đủ thứ tài. Đã từng lên võ đài đánh bốc. Đã hoạt động thời Tây, nằm ở nội thành, trên cái bến cảng vào ra của miền Bắc. Đã lên chiến khu khi cụ Hồ kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Trêu chị, hỏi có phải chỉ vì thế mà chị lấy anh không, chị hiền hậu cười mỉm mà không đáp...

Chúng tôi gọi một số món ăn thử. Chị Băng vui vẻ «Nếu ăn được, bà chủ ạ, chúng tôi sẽ đặt cưới để khai trương hiệu cho bà đấy». Quý hóa quá, ông bà với chú đây giúp cho thì thật là quý hóa quá. Nào, xin mời. À, cái món xúp cua này ngon chị ạ. Thế có phải thật là Tây nó ăn như thế không? Em chịu. Đấy anh, em gấp cho anh bỏ câu quay này... Ăn được không? Được đấy, nhưng nóng. Nóng quá. Thiếu quạt bà chủ ơi. Thôi, chị cầm lấy cái quạt này đi. Để em lấy báo làm quạt. Hà Nội ơi, cái nóng tháng bảy sao mà ngọt ngào thế này! Này, đừng gấp tư, cứ mở ra, gấp hai rồi cầm cho chắc. Báo này mà làm quạt thì nhất rồi, quạt mát lắm. Cậu còn trẻ, quạt đi nào. Nóng này, quạt lên làm gió này... Đó cũng là biện chứng.

Thưa chị, anh đi công tác ở Cộng hòa Dân chủ Đức? Vâng, nhưng mà đi chơi thôi chứ có công tác công tiếc gì đâu! Lần đầu được ra nước ngoài đấy anh ạ. Nhà tôi đi cũng được hai tuần rồi. A, còn cái chuyện Quốc ca! Chẳng hiểu cho anh ấy đi, rồi về người ta có đổi không nhỉ? Tôi cũng không biết. Anh Đạt trầm ngâm, chuyện bụng đói thì chẳng lo... Vả lại Quốc ca là của cả nhân dân, của một giai đoạn lịch sử và thuộc vào lịch sử... Cứ ra nghị quyết mà đổi được đâu. Ôi thôi, rồi hơi anh ạ! Nghị quyết kiểu này thì mặc nghị quyết. Nhà nước có cái việc họp việc bàn việc ra nghị quyết, nhân dân có cái việc của nhân dân. Nhiều cái phải lo ngay. Cứ bữa tối bữa sáng mà lo cho đủ cũng đã chết mệt rồi... Trước hôm nhà tôi đi, tôi bàn để cho tôi đi vay vốn, ông ấy ra ngoài mua ít hàng về. Để gì mà xuất ngoại. Các anh «ấy» cũng đã nhận cho vay, bán xong rồi chia. Con cháu tôi nó làm cả một thư mục những cái mua được, bán được. Thế nhưng mà ông ấy gắt nhắng lên, không chịu. Ông ấy bảo đi là đi cho tất cả anh em, ai lại làm con buôn đi buôn lậu. Gàn thật... Tôi buột miệng, chẳng phải gàn đâu, chị Băng ơi, sao chị lắm cảm thế! Chú không biết, chị không lo thì ai lo? Cái ăn, cái uống... Chú ạ, khổ lắm! Lại sợ nữa. Chị nói, cho nên anh ấy chỉ vẽ thôi. Vẽ nghịch ngoạc cho báo Văn Nghệ. Vẽ thì khó bắt tội. Người ta có ưa gì anh ấy. Rồi quay sang anh Đạt, chị nói như xin lỗi «Viết lách là tôi lo ngay ngáy, chỉ sợ... chuyện cũ lôi ra...». Anh Đạt thờ dãi, lặng lẽ. Tôi ồn ào nói vào «Chị hay can thiệp quá, can thiệp vào đến cả tâm thức của anh ấy...». Rồi tôi nói đi nói lại, chị Băng ơi, chị đừng bắt anh ấy cũng phải sợ như chị, cứ để anh ấy tự do... Chú nói dễ lắm, nhưng còn các cháu nữa, còn cả nhà... chú ạ, khổ lắm, chú không biết hết đâu...

Tôi cứ kêu trời, trời ơi đất ơi, một người có tài như anh, thì phải để anh ấy viết văn, làm thơ, làm nhạc, vẽ... Cả trăm năm mới kết được một thứ tinh hoa, không còn làm được gì thì phí

phạm biết bao nhiêu cho mai sau? Cái lỗ trũng đen ngòm trong nền văn hóa, ít hay nhiều, lớn hay bé đều là những cái ta đáng lẽ có thể lấp đầy được cả! Tại sao ta cứ phải làm tội lỗi mình? Rồi tôi bắt chị Băng hứa. Chị hứa với em nhé, hãy để cho anh ấy tự do. Đừng kìm hãm, giằng cái cọ anh đang vẽ, giữ cái bút anh đang cầm... Chị hứa đi... Chị Băng cúi xuống, ứa nước mắt. Tiếc lắm chú ơi. Anh Đạt nhỏ nhẹ:

«Anh ấy là voi. Voi đẻ thì cần mười năm để thai nghén... Chúng tôi xin đợi.» 2.

Tháng tám năm đó, Văn Cao ở Cộng hòa Dân chủ Đức về. Tôi đến nhà anh. Chúng tôi ôm lấy nhau. Anh vẫn râu vẫn tóc. Vẫn cái giọng nói hơi ê a, cái cười nửa xuề xòa nửa làm ra xuề xòa. Anh châm đèn, rít một điếu thuốc, mắt như đê mê trong một khắc thời gian ở giữa cái không và cái có. Chị Băng giữ tôi lại ăn cơm, kể lại chuyện cái đám cưới ngộ nghĩnh đó. Vui không? Vui lắm anh ạ! Nhất là có cụ Tuân! Thiếp cưới in ở nhà in báo Nhân Dân, đổ chết, buộc lạt mang về. Nguyễn Duy rủ, đến ông cụ ngay. Em bảo, ông ấy «kiểu cách» chết. Không sao đâu! Thế là đến, mở lạt, cộc lốc «Thưa cụ, đám cưới «tự phát», chẳng phép tắc quái gì cả. Cụ là người đầu tiên được mời ở cái nghĩa là ép buộc cụ để «nhậu» cho vui...». «À, ha ha... được, được rồi...». Anh Văn hồn nhiên «Vui thế mà mình lại vắng mặt, phí quá...». «Ta làm lại vậy, anh nhé». Hai hôm sau, rủ rê nhau lại nhà anh Lân và chị Sâm. Nào uống thêm một bữa. Uống mừng. Còn kể chuyện bên Đức nữa. Nào, rủ cụ Tuân. Uống rượu Tây nhé. Anh Văn ơi, chẳng biết mừng gì đây? Hay là mình uống để mừng một ngày vẫn còn sống, còn thở, còn tin rằng mình vẫn ít nhất còn chút ích lợi, dù đó chỉ là cái tình với nhau? Hay là mình uống để chôn đi những hoài bão, ao ước, quên đi cái chuyện «Đời đi qua như một tiếng thở dài, ta chôn cả khát khao vào bụng vợ»? Nhưng cứ phải uống. Mỗi người say cho mọi người! Mọi người say cho mỗi người! Dzô, dzô đi anh, một trăm phần trăm! Dzô à? Tại sao lại dzô? Dzô là «vào cuộc». Vào cuộc, xin mời anh một trăm phần trăm. Vào cuộc đi, con voi khổng lồ phải thai nghén mười năm. Sau Thiên Thai, sau Suối Mơ, sau Những người trên cửa biển. Sau cú đấm, nặng chì của võ sĩ Văn Cao tuổi thanh xuân. Sau Tiến quân ca, Không quân Việt Nam, Hải quân Việt Nam. Sau bức vẽ Đặng Thái Mai u uẩn lắng đọng. Sau... rất nhiều. Nhưng đã từ một thuở xa xưa rồi, con voi phục xuống nằm im nhẩn nhó.

Ôm nghén quả là khó chịu. Bụng cồn cào axit. Muốn ăn, ăn cả vôi, cả đất. Những quả nhót đỏ chua lè. Một bốc sung chát, thật chát. Ăn nữa, ăn sống cả mướp đắng. Nếu có mạt chựa, cũng ăn. Ăn xong, ta hát. Hát khản cổ. Hát những bài hát mang niềm tức tưởi của con người ở chỗ mới tìm được lửa ở họng núi lửa nhưng không biết cách mang lửa về được bản làng. Hát những bài hát thềm muốn biển rộng, thềm muốn trời cao, thềm cơn gió lồng lộng ở chốn thanh không. Hát nữa, hát mãi với tiếng đàn còn lại. Văn Cao xoay người ra như ôm lấy cây đàn để cùng đàn lắng mình vào âm hưởng một thế giới chưa có thực. Chiếc đàn piano đó, chị Sâm vẫn dùng để dạy đàn cho mấy lớp em, lớp cháu. Văn Cao ngừng đầu lên, dướn thẳng người. Những nốt nhạc nhảy nhót đến chín bậc thanh không. Văn Cao cúi xuống, những nốt nhạc chìm dần vào những vực sâu tưởng sẽ mất hút. Văn Cao gục xuống, tiếng đàn nghẹn lại tằm tích mơ hồ. Mắt anh đầy nước mắt. Bỗng Văn Cao vùng dậy, râu tóc dựng đứng. Râu tóc ấy đã bạc phơ, song cái xanh của con người trong anh, dầu có lẫn chút bóng đen của đêm tối, thì vẫn xanh. Tối hôm ấy, khi nắm tay Văn Cao, tôi thấy ươn ướt. Thì ra Văn Cao đánh đàn thế nào mà ngón tay ứa máu.

Khi đèo xe đạp anh về nhà, tôi vòng tay ra sau quàng lấy anh. Anh chỉ mặc một cái áo mỏng. Tôi đau xót chạm vào xương vào da của anh. Cẩn thận anh Văn ơi, anh ngã xuống thì chúng tôi đau khổ lắm. Còn nhiều người yêu anh, anh ạ.

Nguồn: Đất Việt, 1986. In lại trong Văn Cao, cuối cùng và còn lại, chủ biên Nguyễn Thụy Kha, Nhà xb Trẻ, 1998. Lý của Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày hôm nay!

(Adelaide)

Trách nhiệm của nhà văn Mai Ninh

Mai Ninh: Từ sáu năm trở lại, Nam Dao được xem là ngôi bút “năng nổ” nhất ở hải ngoại. Tác phẩm của anh đến với độc giả qua nhiều thể loại: truyện ngắn, kịch, nhận định... đặc biệt 2 bộ tiểu thuyết Gió Lửa và Đất Trời. Tuy thế, theo Mai Ninh được biết, trước đó Nam Dao là một người yêu và chuyên làm thơ. Anh có thể cho biết lý do nào đã khiến anh nghiêng hẳn về văn xuôi sau này?

Nam Dao: Tôi viết văn xuôi từ năm 98. Quả trước đó tôi có yêu, làm thơ, và thơ thường là để gửi gắm bạn bè. Vì chỉ để gửi bạn bè, thơ là hình thức cô đọng, như nước nguồn, lúc ứa ra được thì trào lên rất nhanh, không cần loại lao động “văn xuôi” thường cần thời gian, thứ này trước kia tôi có rất ít vì còn phải tập trung giảng dạy và nghiên cứu khoa Toán Kinh Tế, chưa có điều kiện để trả nghiệp, cái nghiệp *bất bình tắc minh* theo cách nói của Hàn Dũ, nôm na là không nhin được thì khắc nói. Nhưng nói gì? Nói để ai nghe? Văn chương liệu có chia sẻ được với những ai? Chúng ta có cùng một lịch sử thật bi tráng, nhưng với tôi, tôi luôn luôn có cảm tưởng bị lường gạt, bị lừa phỉnh, qua luồng chính sử thường bị quyền lực o ép cưỡng bức. Nhu cầu chiếm hữu lại cho mình một lịch sử qua lăng kính chủ quan ngày một bức bách, trở thành yếu tố đẩy tôi vào thể loại Tiểu Thuyết Lịch Sử. Năm 99, Gió Lửa là tác phẩm đầu tay. Nhưng xin nói ngay, nghiêng thì có nhưng tôi chưa nghiêng hẳn về văn xuôi đâu! Khi Thơ bà Chúa của ngôn ngữ vời đên, tôi sẽ chẳng cưỡng lại được. Nhưng hiềm là bà Chúa vốn khó tính, không phải vậy gọi tắt cả mọi người, dẫu cả nước mình, trong và ngoài, ai cũng tự xưng là nhà thơ. Lục bát ắt rất truyền thống, vần điệu niêm luật tất là cổ điển, và nếu trúc trắc lên đèo xuống suối thì... gọi sang trọng là hành ngôn cách tân hậu hiện đại...

MN: Vào thời điểm bắt đầu viết văn xuôi, Nam Dao nhận định thế nào về nền văn xuôi VN, trong cũng như ngoài nước?

ND: Nói nhận định thì sợ quá nghiêm túc chẳng, nhưng thôi, cũng xin thừa thốt một ít cảm tưởng. Khi thiếu niên, tôi nhớ nhóm Tự Lực Văn Đoàn hồi sinh ít lâu trong miền Nam sau Di Cư với Văn Hóa Ngày Nay. Cuối những năm 50, có Duy Lam, Tường Hùng... nhưng không gây được ấn tượng nào đáng nhớ. Khi rời quê hương tôi mới 18 tuổi, lúc đó chỉ biết thêm một số tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ, Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu... tức là, quơ cả vào, ta gọi là nhóm Sáng Tạo cho gọn. Sau này, tôi đọc Nguyễn Thị Hoàng, Thụy Vũ, Nhã Ca, Võ Phiến, Thế Uyên, Phan Nhật Nam... Đó là miền Nam trước 75, và chắc chắn miền Nam đã có những đóng góp đáng kể vào nền văn học Việt Nam. Sau 75, văn chương hải ngoại bùng phát. Những tên tuổi nổi trội có Nguyễn Mộng Giác về tiểu thuyết, có Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy về hồi ký chiến tranh. Về thể loại truyện ngắn thì xuất hiện một số cây bút tài hoa như Vũ Quỳnh Hương, Trần Vũ, Thế Giang, Đỗ Kh, Phạm Thị Ngọc, Trần Sa... vào cuối thập niên 80. Đây là mảng, theo thiên ý, Văn Học Hải Ngoại mang lại những đóng góp không thể phủ định được. Đến thập niên 90, hình như có những bế tắc: đề tài chống cái này, theo cái nọ... hơi bị nhàm. Thảm kịch vượt biên, học tập cải tạo, rồi cuộc sống lưu đầy ăn gửi ở nhờ, được chạm trở qua cái lăng kính căm hận mất mát, nhưng vẫn chỉ mới gãi ngoài da, chưa mang hết độ sâu đo cho đủ kích thước hững hờ đến chóng mặt của những cuộc đời khủng khiếp. Văn chương thời đó hình như tiếp tục bó gọn vào cái tâm thức *Sài Gòn nói dài*, lệ thuộc một thứ quá khứ *cliché* tái tạo bằng quán tính, không quan tâm đến thế giới bên ngoài là nơi mình định cư, và cứ thế mang tố chất *ghetto* từ văn cách cho đến nội dung.

Văn xuôi miền Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp có những *Người người lớp lớp* của Trần Dần, *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán... gây ấn tượng. Đến khi hòa bình lập lại, Nhân Văn và Giai Phẩm thổi lên một ngọn gió tự vấn với những truyện ngắn như *Ông Bình Vôi* của Phan Khôi, *Con ngựa già của Chúa Trịnh* của Phùng Cung chẳng hạn. Sau, cái rơi rớt lại chỉ là cái

thân phận thê thiết của một số những nhà văn, nhà thơ... Tiếp theo, là nền văn học phục vụ chiến tranh, với những ràng buộc tất nhiên, và những *Vỡ Bờ* của Nguyễn Đình Thi hay *Sóng Gầm* của Nguyên Hồng không thể coi là thành công, vắng tiếng vang, ít ảnh hưởng. Cái “truyền thống” rất đáng hải là nền văn chương minh họa thành hồng thủy chìm cho nhà văn chết đuối ngay trên cạn. Sau 75, cũng vậy... Văn chương lúc nào cũng có định hướng chính trị kiểu hiện thực XHCN, nhà văn tự kiểm duyệt, trở nên quá khôn khéo như *Gặp gỡ cuối năm* của Nguyễn Khải... rất ít tính thuyết phục của văn chương đích thực. Thời kỳ Đổi Mới đột nhiên cho phép những đột phá rất ngoạn mục. Đầu tiên là Dương Thu Hương với *Những thiên đường mù*, *Bên kia bờ ảo vọng*... Sau đến *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, rồi *Thiên sứ* của Phạm thị Hoài, *Nỗi buồn Chiến tranh* của Bảo Ninh, *Đi về nơi hoang dã* của Nhật Tuấn... Ngoài tính phê phán, có những tác phẩm tạo nên văn cách mới (đối với văn xuôi thời trước), và kéo được dăm ba năm cho đến đầu thập niên 90. Sau, thì lại phải chờ...

Đầu thiên niên kỷ này, chúng ta có gì để mong ước: trong nước, dẫu chưa có những tác phẩm "thập toàn", một số cây bút đã chứng tỏ bản lĩnh văn xuôi của mình, như Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Ngọc Tư, gần đây có Đỗ Hoàng Diệu... Ngoài nước, ít hơn, nhưng tác giả tập truyện xuất sắc *Cái chết sau quá khứ* là Trần Vũ cầm bút trở lại sau một thời kỳ đi hoang, rồi Mai Ninh đánh động với văn phong riêng tư trong *Hợp âm trong vùng sơn khuất*, *Áo Đắng*. Phong trào tìm tòi cái mới cũng mạnh nha trên những tờ báo văn học như Hợp Lưu chẳng hạn... Nhưng chết thật, tôi đang làm cái việc có vẻ như “nhận định” thật, vậy xin ngưng ngay động tác nhai lại này...

MN: ...anh chưa đề cập đến những điểm mạnh và những điểm yếu?

ND: Về cái mạnh, thơ Việt Nam thế kỷ 20 là một nét nổi trội bút phá, có chỗ đứng trên văn đàn thế giới. Theo cảm nhận riêng, tôi cho rằng những tác giả như Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Vũ Hoàng Chương, Hồ Zénh, Nguyễn Bính... gây được những dấu ấn *tiền chiến* rất nét. Sau đó, thơ “*tráng sĩ*” của Thâm Tâm, Huyền Kiều, Huyền Trân, thơ *lính* của Quang Dũng, rồi thơ sau vụ án Nhân Văn- Giai Phẩm của Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Cung... nổi cộm lên như những đóng góp đáng trân trọng. Thời chiến tranh, thơ lính nổi dòng Quang Dũng với Nguyễn Bắc Sơn trong Nam, Phạm Tiến Duật và Nguyễn Duy ngoài Bắc rất hay. Thơ miền Nam cũng thật đặc sắc; tạm kể Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư... Sau 75, thơ dòng Hải Ngoại cũng có những đóng góp không thể không nói đến. Cao Tần, Nguyễn Tất Nhiên là hai trong nhiều tác giả được lưu tâm... Rồi mới đây, những nhà thơ trẻ đang trên con đường thử nghiệm cách tân, như Vi Thùy Linh, Nguyễn Quốc Chánh, Thận Nhiên, Lý Đợi, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Phan Huyền Thư... tiếp tục bồi sức sống cho thơ.

Nói về thơ, tôi xin kể cả thơ được hát, với những ca khúc của Trịnh Công Sơn. Tôi rất yêu chuộng Bob Dylan và Jacques Brel, như nhiều người cùng thế hệ. Ba bốn năm trước, khi đến Bruxelles ghé bảo tàng Jacques Brel, một nhà thơ hát thơ của mình, tôi không khỏi so sánh, và gạt qua những yếu tố ước lệ văn hóa cục bộ, tôi cho rằng Sơn là một nghệ sĩ rất lớn, có lẽ vì nghệ thuật của anh *phải* trau chuyên với cái *thân phận con người* Việt Nam qua một cuộc chiến 30 năm và những đảo lộn lịch sử khủng khiếp. Rồi so với Bob Dylan, tôi cũng nghĩ hết như thế...

Về truyện ngắn, tôi nghĩ truyện ngắn Việt Nam cũng là một nét đáng kể. Chỉ 15 năm gần đây, chúng ta đếm cũng có trên dưới năm, bảy mươi truyện hay, hai ba chục thật xuất sắc. Nguyễn Huy Thiệp với những tác phẩm dừng lại ở đầu thập niên 90 gây ấn tượng mạnh. Hải ngoại, Trần Vũ tạo một văn cách đặc biệt. Trong nước có Đỗ Phước Tiến, Nguyễn Thị Âm đến rồi đi như những ánh sao băng. Thật đáng tiếc. Nhưng tại sao họ lại phụ rẫy văn chương như vậy...

MN: Còn mặt yếu?

ND: Đáng lẽ những câu hỏi này nên chỉ hỏi những người làm Phê Bình và Lý Luận văn học. Nhưng không đáp, sợ phụ lòng bạn đọc, vậy xin nói vài câu, dẫu có thiếu sót hay thậm chí sai lệch. Có ba mặt yếu:

Thứ nhất là tiểu thuyết. Hầu như về mặt hiện thực phê phán chưa ai qua được Vũ Trọng Phụng và Nam Cao. Còn văn chương lãng mạn (hiểu cho đúng nghĩa) chống cái xã hội công thức và duy lý hầu xây dựng con người và xã hội cho *người* hơn, Khải Hưng và Nhất Linh vẫn là hai khuôn mặt lớn. Đó là thời kỳ trước kháng chiến chống Pháp. Sau, đến tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa, những thành quả nếu có, thì khá dễ quên. Trong miền Nam trước 75, có thể có một ít tiểu thuyết loại truyện vừa, phản ánh sự loay hoay gọi cho sang trọng là hiện sinh này nọ, nhưng cũng là loại khó nhớ. Thời gian 10, 15 năm qua, có *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh và *Đi về nơi hoang dã* của Nhật Tuấn là ám ảnh. Ngoài *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác ở hải ngoại, hồi ký *Tháng ba gây sóng* của Cao Xuân Huy, *Miền Vĩnh Phúc* của Vũ Quỳnh Hương, ít có tác phẩm nổi cộm, về cả phẩm lẫn lượng. Có lẽ tiểu thuyết đòi hỏi thời gian, dài hơi...trong khi chuyện miếng cơm manh áo, oái oăm thay, vẫn là bức thiết mặc dầu chúng ta sống ở những nước giàu nhất nhì thế giới.

Mặt yếu thứ nhì là Kịch, đặc biệt rất hiếm hoi những kịch bản văn học. Miền Nam ngày trước có Vi Huyền Đắc, và thỉnh thoảng Vũ Khắc Khoan. Miền Bắc XHCN thì Lưu Quang Vũ. Vậy là chỉ ít... Tại sao? Trong khi đó, kịch là một thể loại đến trực tiếp với khán-thính giả, đi thẳng vào cuộc đời bằng cả nước mắt lẫn tiếng cười, đeo ngay trên lưng cái xã hội, có thể quăng nó xuống, hoặc cưu mang nó khi đáng cưu mang.

Mặt yếu thứ ba là Phê Bình và Lý Luận Văn Học. Ở đây, tôi làm cái việc “trái phép” là phê bình Phê Bình. Thiển nghĩ, khi phê bình một sáng tác văn chương người viết không phải chỉ “phán” qua cảm tính của mình và áp đặt cái cảm tính ấy trên người đọc. Người đọc văn bản Phê Bình có thể đòi hỏi một góc độ nhìn, và cái góc độ đó chính là điều mà chúng ta gọi là Lý Luận, tức là từ Lý Thuyết Văn Học. Tôi liên tưởng đến Godel, người được gọi là hoàng tử của Toán học, cách đây 70 năm đã chứng minh rằng không một hệ số học (arithmetics) nào toàn túc (complet) mà không phải dựa trên một yếu tính bất quyết (undecidable). Như vậy, chỉ trên mặt logic hình thức không thôi, ta đã không thể xây dựng một hệ lý thuyết mà không phụ thuộc vào một định đề chỉ có thể chấp nhận như một điều hiển nhiên nằm ngoài hệ thống. Hệ luận: thế thì có cái gì có thể gọi là chân lý tuyệt đối, độc nhất, không thể bàn cãi triết giải? Vậy cho nên Lý Thuyết thì nhiều. Và văn học là bộ môn không đo đếm được, chắc chắn số lý thuyết không thể ít hơn số lý thuyết vật lý, cũng ở số nhiều, mà đối tượng chỉ một, là thế giới khách quan có khả năng kiểm nghiệm được.

MN:*nhưng điều này quan hệ thế nào với Phê Bình?*

ND: Chính vì Lý Thuyết Văn Học nhiều nên theo tôi, nhà Phê Bình Lý Luận chớ tưởng tượng mình độc quyền một thứ chân lý tối cao (có tính cách tôn giáo) và cao tiếng phê bình với giọng điệu phán xét, ban phát sự thật, rồi cuối cùng, ra tay bố thí danh vọng cho nhà văn mình thích, la lối dè bủ nhà văn mình không ưa, mặc dầu đôi khi, và nhất là, sự ưa thích vừa nói chẳng dính dáng gì đến lý luận kê khai như hù dọa. Tôi thiết tưởng, vai trò của Phê Bình là giới thiệu cách nhìn tác phẩm qua một lăng kính lý thuyết Mỹ học và Triết học mà bản thân nhà Phê Bình trân trọng, đến với độc giả để *chia sẻ*, và tôn trọng tác phẩm như một sáng tạo độc lập với, nhưng có thể soi sáng qua, những đánh giá của mình. Nhà Phê Bình lắm lúc tưởng mình là kẻ cầm cương cho con ngựa nhà văn trong khi công việc phê bình và lý luận văn học là sự tái tạo tác phẩm mình phê bình qua một hệ mỹ quan, mời độc giả yêu một tác phẩm (chứ nếu không thì đừng đọc, thế thôi) và hiểu một tác giả. Nhưng rất hiếm khi tôi có dịp đọc những văn bản Phê Bình như vậy. Phải chăng vì nhà Phê Bình chưa, hoặc mới nắm sơ sơ hệ mỹ quan đó, nên chỉ nó lột phốt bên ngoài, chưa thành da thành thịt, và chưa khả dụng trong công việc phê bình? Hệ luận là trong sách báo hải ngoại, văn bản phê bình trưng tên những ông (bà) Tây đã có nhãn hiệu trình tòa trong văn học Âu châu ra dọa, nào là Barthes, Lyotard, Simone de Beauvoir, rồi Derrida, Nabokov, Steiner... như bảo kê cho sự còm cõi vay mượn. Ở đây, xin nói

thêm về cái vay mượn lắm khi như trò đánh tráo của người đi làm xiếc chữ. Ngôn ngữ nào cũng đèo bồng một hệ cảm quan, thậm chí một mô thức suy tư, cá biệt so với những ngôn ngữ khác. Nhà văn trong một nền văn hóa đặc thù nào cũng đèo bồng một hành trang nghiệm sinh cá biệt, và *chính sự cá biệt đó lại có khả năng trở thành phổ quát*. Bởi tự nó, sự cá biệt kia vẫn là một hình thái cấu thành cho cái chung, là con người. Khi mang lý luận hoặc những thành quả của văn học Âu châu ra, câu hỏi đầu tiên là nền văn học đó mang được gì cho văn hóa Việt? Tất nhiên có, và có nhiều. Nhưng theo tôi, việc phải suy ngẫm và đánh động lại là những điều nó không thể mang lại được, và đó là phần mà người viết văn bằng tiếng Việt có khả năng cống hiến bản sắc của riêng mình, không tha hóa, đi bắt chước, lấy văn dịch người làm văn của mình. Ngày xưa Phê ít, Bình nhiều trong văn cổ. Nay, chúng ta thấy Phê thì nhiều, còn Bình thường mang dạng tán tụng lắm khi đến độ làm người đọc đỏ mặt. Cuối cùng, tôi cho rằng những tác phẩm văn học đích thực là những tác phẩm *phá vỡ và vượt qua* những giới hạn sẵn có của những nền Mỹ và Triết học đã và đang tồn tại, tức là nó khai phá những bước Lý Thuyết chưa dẫm chân vào. Trong trường hợp ấy, nó đi ra ngoài Phê Bình... Dĩ nhiên những tác phẩm tầm cỡ đó rất hiếm trên toàn thế giới, từ cổ chí kim!

MN: *Trong thập niên cuối thế kỷ 20 và cả cho đến gần đây, nhà văn Nam Dao nhận thấy con đường văn chương Việt Nam nói chung đã đi đến đâu? Nó có được cải biến tốt đẹp hơn, dẫn tới chân trời mở và lối cuốn hay vẫn là con đường cũ với cảnh thổ quen thuộc, với đá gạch nhựa đường chấp vá?*

ND: Đó là thập niên có ít nhiều thử nghiệm, và nền văn chương của chúng ta vẫn giữ sức bật. Như đã nói, những nhà văn trong nước đang tìm tòi cái mới, về văn phong cũng như về nội dung. Đọc *Trí nhớ suy tàn*, *Những đứa trẻ chết già* của Nguyễn Bình Phương, *Tự Sự 265 ngày* của Hồ Anh Thái, hay *Ngọn đèn không tắt* của Nguyễn Ngọc Tư, chúng ta đều chưa hoàn toàn yên tâm về mặt thành tựu, nhưng phần khởi với những khai mở sáng tạo. Ở bên ngoài, Ban biên tập Hợp Lưu 2 năm qua đã cố gắng thổi một làn gió mới, kêu gọi khai phá trong truyện ngắn và đánh động sáng tác tiểu thuyết. Với những chủ đề như *Nhà cho thuê*, hay *Yêu*, *Thế hệ sau chiến tranh*, Hợp Lưu tạo một sân chơi văn chương lý thú và, trong một chừng mực nhất định, cho thấy có một số sáng tác gây chú ý. Nhưng thực sự, cả trong và ngoài nước, 10 năm vừa qua không phải là 10 năm có những bút phá đáng kể. Nói như vậy, phần nào tôi đã trả lời về thứ hai của câu hỏi.

MN: *Anh nghĩ tại sao?*

ND: Giản dị thôi, trong nước, thời văn học đổi mới là văn học của phê phán và của những sự thật xã hội không còn che đậy vụng về được nữa. Ít nhất, thời đó văn chương bước qua, dấu có chút rụt rè, sự bóng gió, ám chỉ, ẩn dụ của hai chục năm trước vốn đã gây tê trong hoàn cảnh lịch sử và khuôn khổ chính trị của cả xã hội. Nhưng sau phê phán và bóc trần sự thật là đến lúc phải xây nên những dự tưởng để vượt cái thực tại kia thì nhà văn hầu như chững lại. Chúng ta đọc những phóng sự trên VNExpress, Tuổi Trẻ... và có khả năng nắm bắt được hiện thực xã hội nhiều hơn là đọc những tác phẩm văn chương. Hơn nữa, nắm bắt cái hiện tại dấu càn nhưng chưa đủ để xây một cái gì mới hòng vượt thoát đến một tương lai. Muốn xây, phải có kiến thức thực sự. Kiến thức đó đến từ khả năng tư duy độc lập, kinh qua sự gạn lọc của trí tuệ và kinh nghiệm, không bó khuôn vào những ranh giới áp đặt, không dễ dãi chạy theo những mẫu mực thời thượng. Văn học tương quan với mọi mặt của xã hội. Khi nó đổi mới, xã hội đang cực cực sinh sôi. Khi nó bế tắc, những phạm trù tưởng là tách bạch với nó cũng đang bế tắc, thậm chí ở mức độ có thể còn gay gắt hơn. Trong *thời đại internet*, có quá nhiều thông tin, có người cho rằng thông tin là kiến thức. Chính vì thế người ta nêm vào đầu cho chặt thông tin. Thông tin không gạn lọc và hệ thống hóa chỉ có thể giết kiến thức và khả năng tư duy độc lập. Xã hội nương vào tập hợp những thông tin lổn nhổn chỉ còn đèo trên lưng thứ tư duy vụn vỡ cục bộ, tạo cái ảo giác kiến thức qua bằng cấp khiến nay trong nước nào Giáo sư, nào Tiến sĩ và Phó tiến sĩ thật lẫn giả... chạy rông đầy đường. Nhưng như vậy, lấy gì để xây một xã hội

đang dậm chân trước thời đại, đang hoang mang trước ngã ba đường ý thức hệ, đang ngẩn ngơ bên cạnh hố sâu tụt hậu? Khi không còn nền tảng nào cả, con người, trong đó có nhà văn, không làm nổi chức năng của mình, để bản năng sinh vật đưa cả xã hội vào tình trạng thoái hóa đạo lý, quá độ tiến tới một xã hội vô luân, thuần vật thể với cái giá trị đồng tiền được nâng lên cấp thần linh và dễ dãi biện minh với thứ chủ nghĩa thực dụng hiểu ở nghĩa cạn!

MN: *Đấy là trong nước, còn ở ngoài?*

ND: Ở ngoài nước, những năm 80 là thời kỳ văn chương chống Cộng, có bao nhiêu mất mát oan khiên mang ra nói, mãi rồi cũng nhảm, cũng hết. Và lại, thoát được chuyên chính vô sản thì dậm đầu vào “chuyên chính tư sản”, với tất cả hào quang của xã hội tiêu thụ thừa mứa. Với nhiều người, “hạnh phúc” tóm vào những yếu tố như anh (chị) mua nhà có vườn, mấy garage, xe anh là loại xe gì, con anh học ở đâu, có vào trường Y không? Đến thập niên 90, giai đoạn đầu là hợp lưu, tìm và nhập dòng với văn chương trong nước. Nhưng tiếc thay, hợp lưu cho đến nay nói chung vẫn chỉ một chiều, với những ảo tưởng tan ra như bọt xà phòng. Tuy có những đóng góp của một số nhà văn tuổi chưa đến 40, văn chương bên ngoài vẫn chưa dẫn đến những chân trời mở so với truyền thống. Giai đoạn cuối thập niên 90 và đầu thiên niên kỷ đã có khác, nhưng còn chập chững. Hiện đã có những cây bút trẻ tiếp tục xông vào những chân trời mở, phá những không gian khép kín, từ những chân trời đó văn phong cũng tự nó khai phóng và thay đổi. Nhưng đây mới là dậm bước đầu...

Tôi không phải là người đầu tiên nghe tiếng than rằng văn chương Việt Nam đang bế tắc. Hình như sự bế tắc này cùng một lúc hiện diện ở nhiều nơi trên thế giới, kể cả ở Âu và Mỹ châu. Hiện cả thế giới đang bế tắc: khoa học kỹ thuật thì tiến quá xa so với sự phát triển con người về cách làm người với nhau, tức là phương diện đạo lý. Văn chương bế tắc là một mặt, nhưng - một cách biện chứng - mặt kia là con người cũng đang cố vùng ra khỏi những bế tắc đó. Ở trong nước, nhà văn Nguyễn Ngọc khuyên mỗi người viết nên cố nắm bắt lấy cái phong triết học cơ bản cả Đông lẫn Tây, học lấy một ngoại ngữ, đọc để mở tầm nhìn, để tiếp thu tinh hoa và những phát kiến hiện đại. Tôi cho đó là một lời khuyên chân thành và chí lý. Phải biết đọc và hiểu rõ những giới hạn cũ thì mới khai phá được những cái mới. Dĩ nhiên, cái mới nào cũng có nền tảng, và nền tảng đó chính là cái cũ, nhưng là cái cũ đã bị phủ định để làm bàn đạp mở đường khai nguồn cho sáng tạo. Tinh thần cầu tiến cầu học để sáng tạo trong ngôn ngữ của mình, khác xa với sự làm dáng, vay mượn, bắt chước kịch cớm... thình thoảng ta bắt gặp, như Mai Ninh đưa hình tượng, con đường cũ với cảnh thổ quen thuộc và đá gạch nhựa đường chấp vá...

MN: *Anh vừa khoác cho văn học di dân Việt Nam thập niên 80 chiếc áo choàng Chống Cộng. Vậy theo anh, các tác phẩm trong nước cùng thời điểm ấy như *Ác Mộng của Ngô Ngọc Bội* về thảm kịch cải cách ruộng đất, *Những Mảnh Đời Đen Trắng của Nguyễn Quang Lập* về mặt kia của chiến tranh chống Mỹ cứu nước là gì?*

ND: Tôi nào dám khoác áo cho cái gì đâu...Cứ giả thử tôi kêu văn chương của cộng đồng di dân cũng...hướng về xây dựng đất nước, mang đậm đà bản sắc dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy niềm tự hào từ cuộc chiến thần thánh Chống Mỹ Cứu Nước để...và vân vân...thì đúng là tôi khoác áo thụng đồ tể sao vàng ... cho một chuyện hoang tưởng. Theo hay Chống là hai mặt của một thái độ dẫn thân, tự thái độ ấy đối với những người cầm bút là điều đáng quý đáng trọng. Vì thế, tôi không có thành kiến gì với văn chương chống Cộng. Sau 75, hàng trăm nghìn đồng bào vượt biên chết trên biển cả thì đặt câu hỏi tại sao và chống những cái đã gây nên sự chết đó thì có chi để trách cứ? Vấn đề trong văn chương, cho cả chống hay theo, là biểu đạt thế nào. Theo kiểu bơi hồng và hô khẩu hiệu, chẳng ai nghe. Chống bằng cách bơi đen, cũng hô khẩu hiệu, tác động chẳng khác gì mấy. Viết văn, là đi tìm, nói kiểu đã nhảm, chân-thiện-mỹ, để chia sẻ với những người đọc mình. Vậy theo hay chống, cứ việc, nhưng cho đúng, cho đẹp, và nếu có thể thì hướng đến những điều tử tế để cứu mang tương lai. Điểm chốt cho cái theo hay cái chống vẫn cứ là thân phận con người, nhất là thân phận nạn nhân, bị

nghiền nát ra dưới cái bánh xe khắc nghiệt của lịch sử. Viết với chất liệu cấu thành từ máu và nước mắt của những nạn nhân thì không thể hô khẩu hiệu, hoặc bôi hồng tô đen, và cách xếp loại theo cái này, chống cái kia trở thành không mấy cần thiết.

Tôi chưa được tiếp cận Ngô Ngọc Bội nhưng đã đọc Nguyễn Quang Lập. Trong mạch này, phải kể thêm Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Nhật Tuấn...Mạch đó là mạch hiện thực phê phán, vạch trần tệ nạn về đạo lý, xã hội. Nhưng nếu câu hỏi ám chỉ họ chống Cộng thì tôi e đi quá xa, và tôi sợ đây mới là động tác khoác áo cho họ.

Văn chương (kể cả văn luận chiến) chống Cộng không dễ. Trước tiên, phải tìm được những cái lỗi hồng trong tư tưởng Mác, và trong sách lược Lê-nin. Sau, là bản chất phong kiến của tư tưởng Mao. Kể đến, chứng minh kiểu theo đuôi không phê phán ở Việt Nam, tất cả dựa trên đòn bẫy lòng yêu nước và niềm tin rất tôn giáo vào 4 chữ thần thánh *độc-lập-thống-nhất*, đẩy mấy chục triệu con người vào một cuộc chiến 30 năm. Cuộc chiến ấy son phấn thành huyền thoại, ấn sâu vào tâm thức dân tộc, thành khí giới bảo vệ và biện minh cho xã hội hiện nay mặc dầu, nhìn lại, nó đang hình thành ngược hẳn lại với những mục đích Cách Mạng ban đầu, có khuynh hướng phi nhân, phi đạo lý, vong thân, thực dụng đến độ bán mình như một món hàng... Tóm lại, sự thất bại của một chế độ xã hội chính trị là một sự *thất bại văn hóa*. Trong chừng mực, nó biểu hiện quá trình đến tình trạng một xã hội phi văn hóa, với những con người, là sản phẩm và đồng thời cũng là những tác nhân sinh thành ra xã hội đó. Đối tượng văn chương, như đã nói, là con người-nạn nhân, với những vùng vẫy, để tiếp tục làm người, với chân-thiện-mỹ...

MN: *Anh có nghĩ mình viết khác hơn những ngòi bút đương thời? Nếu có, trên những phương diện nào: nội dung, kỹ thuật, hình thức...?*

ND: Về nội dung và hình thức (trong đó có vấn đề kỹ thuật), tôi nghĩ tuy gọi là hai nhưng nội dung và hình thức gắn bó với nhau đến độ như một. Hình thức chuyển tải mới, chắc chắn nó có khả năng dung chứa nội dung mới. Nếu cái nội dung thực sự là mới, nó không thể bị câu thúc vào phương cách chuyển tải cũ được. Hình thức và kỹ thuật mới là cái dễ phát hiện, nhưng nó chuyên chở nội dung nào mới rất khó thẩm định. Tôi cho rằng nếu nội dung mới không có, hoặc có nhưng chưa đủ chín, những hình thức kỹ thuật gọi là mới kia sẽ bị thải vào quên lãng. Nhưng nói cho cùng, văn chương mới cả nội dung-hình thức chỉ đồng thời tồn tại với một xã hội lúc nào cũng đổi mới, với những con người nắm bắt cái mới và dũng cảm đi khai phá nó.

Những cái tôi *đã* viết, khác thế nào thì xin dành quyền thẩm định cho bạn đọc. Còn những gì sẽ viết, làm sao tôi biết chắc được tôi sẽ viết gì nhỉ? Nhiều khi định một đề tài, lúc cầm bút thì nhân vật đẩy chính tác giả đến một ngõ khác! Trong truyện ngắn *Khoảng Chơi Voi*, tôi có đề cập đến tương quan và tương tác giữa tác giả với nhân vật. Với tôi, đó là cả một vấn đề khi viết. Truyện sinh động khi nhân vật sống và hành động theo tính cách tác giả xây dựng, cái tính cách ấy dần dà lôi nhân vật đi, thậm chí lôi vượt khỏi ý định và tầm kiểm soát duy ý chí của tác giả. Tác giả có níu, nhân vật vẫn giằng ra. Sự đôi co này lắm lúc đẩy tác giả từ yêu đến ghét nhân vật, nhiều khi đến cả ý đồ muốn "giết" nhân vật gây vấn đề. Nhưng thật oái oăm, thế là đồng nghĩa với sự hủy hoại luôn sáng tác của mình... Nhà văn chạm tới gót chân Thượng Đế sáng tạo ra thế gian và con người ở cái bi kịch đó!

Còn với những bạn văn đương thời, khi đọc, tôi đi tìm *phần hồn* trong văn chương của họ. Một tác phẩm thất bại, rất dễ nhận. Đó là những tác phẩm mà độc giả bỏ rơi, truyện ngắn thì đọc dăm dòng đầu, tiểu thuyết thì hai ba trang rồi gấp lại, trả tác phẩm vào cái vức lãng quên. Vượt được cái phản ứng bị bỏ rơi, tác phẩm phải có giọng văn và tạo ra được không khí. Không khí đó tùy cấu trúc truyện, trong đó phương thức sử dụng yếu tố thời gian và không gian là căn bản. Giữ được độc giả, tôi quan tâm đến những bất ngờ, tránh để độc giả đoán trước được sự việc và dò ra diễn tiến đến chung cuộc, dẫu họ có mở ra đọc phần kết ngay từ đầu. Nhưng thể hiện được như vậy, theo tôi, tác phẩm vẫn chỉ ở mức trên trung bình. Muốn thật hay, đòi hỏi nhiều hơn. Người xưa mang hình tượng để xếp loại. Hay thì như một tiếng chuông đánh lên, ai cũng nghe thấy, và tiếng chuông còn ngân nga sau khi đọc xong. Nhưng muốn xuất sắc, tiếng

chuông đó đánh làng bên này, làng bên kia vẫn nghe được tiếng chuông ngân. Tôi xin thêm, tiếng chuông ngân nga ám ảnh, và nếu có một ai đó, chỉ một thôi cũng đủ, đọc xong tác phẩm rồi thấy mình không còn nhìn sự vật và cuộc đời như trước khi đọc thì đó mới là tuyệt tác. Tiếng chuông ngân đó là phần hồn người viết. Điều này, *kỹ thuật hình thức* không mang đến được. Nó tùy vào nội dung, và muốn hay không, nó là cái nhà văn có gì để chia sẻ với người đọc, biết mình *viết để làm gì*. Khi tiếng chuông ngân từ năm này qua năm khác, thời này qua thời khác, thì nó vươn lên tầm khái quát nhất. Đó là cái mẫu số chung của con người đạt đến qua sự cá biệt của nhà văn, từ thân phận, lịch sử đến văn hóa... Tôi đã viết trong lời tựa của hai tập truyện *Trong Buốt Pha Lê* và *Khoảng Chơi Vơi*, rằng "*Viết là cách làm người của nhà văn. Viết không đơn giản là chuyện văn hay chữ tốt. Văn chương khác với sơn phấn. Khác với ánh đèn sân khấu của những màn kịch tung hô. Cái còn, đo bằng độ lắng của văn chương ở chiều sâu tâm thức người đọc.*" Trở lại câu Mai Ninh hỏi, vì là cái phần hồn, tôi tin mỗi người một khác và hy vọng rằng những ngòi bút đương thời trên trái đất này không ai giống ai. Và đừng ai giống ai!

MN: *Chỉ trong vài năm, với 2 cuốn tiểu thuyết lịch sử, 1 truyện vừa, hàng chục truyện ngắn, 7 vở kịch, 9 cái ký về một số nhân vật trong văn học, rồi còn tiểu luận, nhận định... phải xem là một công trình đáng kể, Nam Dao có hài lòng với sức viết của mình không? Đã thấy những gì mình muốn viết, muốn tỏ bày được vui đi?*

ND: Phải nói rõ, trong số truyện ngắn có 10 là những chương trong bộ Tiểu Thuyết Lịch Sử trong đó tôi dùng *thể chương-hồi*. Mai Ninh hỏi tôi có hài lòng không, tôi chỉ có thể trả lời, vợ con tôi thì không hài lòng lắm... Trong điều kiện thời gian hạn hẹp, tôi hơi quá đà, đôi khi tôi tự hỏi mình có viết những cái thừa thãi làm mất thời giờ người đọc không? Hy vọng rằng không, nếu lỡ có, xin bạn đọc lượng thứ cho. Còn những điều tỏ bày có vui đi không thì dĩ nhiên là có, và cách hiểu câu hỏi cho chính xác thì... có vui đến sắp cạn kiệt chưa? Nói đùa thôi, vui thì có vui, nhưng những điều muốn nói, nhất là về cái thời cận đại và hiện đại thì tôi còn. Tôi đang hoàn thành tiểu thuyết *Bể Dầu*, một trong cái bộ ba tiểu thuyết lịch sử mà hai tập đầu là *Đất Trời* và *Gió Lửa*. Tôi nghĩ, chúng ta mỗi người phải tái tạo và chiếm hữu lại Lịch Sử, xếp đặt những sự kiện thế nào để nhận biết sai trái, hiểu ra những nghịch lý, và định hình những chuyến tàu nhờ trong quá khứ. Tất cả những động não đó là nhằm xây dựng một cách nhìn tương lai, mong sao cho tương lai không mịt mù như những ngày xưa khốn khó... Chủ yếu là phải đặt lại một số vấn đề Văn Hóa, và đi đến tận cùng, thôi để tầm nhìn chính trị ngắn hạn chi phối!

MN: *Trong 3 thể loại chính của văn xuôi, thể loại nào cho ngòi bút của nhà văn Nam Dao được ung dung phóng thả nhất? Theo quan niệm của anh, có những khác biệt đáng lưu tâm nào giữa cách viết tiểu thuyết và truyện ngắn? Nói cách khác, những điều mà một nhà văn cần phải tránh hay để ý đối với loại này hay loại kia để hình thành một tác phẩm hay.*

ND: Thật tình, chẳng có thể loại nào Nam Dao ung dung được mà phóng thả! Nhưng tôi mong gây được quan tâm về Kịch bản Văn học, bộ môn chúng ta rất yếu. Kịch chủ yếu dựa trên đối thoại và là thể động, nên nhiều khi thoại trong Kịch không giống như thoại trong Truyện. Với truyện ngắn *Không Có Vua*, thoại cực hay nhưng khi Nguyễn Huy Thiệp chuyển sang Kịch thì ôi thôi, nó cứ... như thế nào ấy... Trong thời đại đầy phương tiện truyền hình truyền thanh, thiếu Kịch là thiếu một mảng lớn. Trước viễn tượng những biến chuyển xã hội, Kịch diễn trước công chúng mang ngòi của những trái bom nổ cho ý thức vượt khỏi quán tính ù lì. Vì thế, Kịch bản Văn học là một nhu cầu cấp thiết cho những xã hội cần thay đổi.

Về tiểu thuyết và truyện ngắn, khác biệt hiển nhiên là chiều dài (chứ không phải dày) của tác phẩm. Truyện ngắn cô đọng, vì thế không thể chuyển tải quá nhiều điều, tốt nhất là chỉ một, và tập trung xoáy vào nó vừa trên mặt cảm tính, vừa trên mặt trí tuệ. Văn cách trong truyện ngắn như vậy rất đòi hỏi, không phải kiểu cứ "hưng" lên là viết được. Tiểu thuyết khác ở chỗ không và thời gian thường là bao quát hơn, người viết có nhiều chỗ để vẫy vùng hơn, có thể đề cập đến nhiều nội dung. Nhưng cũng chính thế mà tiểu thuyết lại cần một thứ cấu trúc chặt chẽ, vì

nếu không, người viết đi lạc, và người đọc tất nhiên cũng thế. Vì số trang tương đối nhiều, giữ làm sao cho độc giả không gấp sách quăng vào quên lãng là cả một vấn đề. Mỗi chương trong tiểu thuyết, tương đương với mỗi đoạn trong truyện ngắn nhưng khác ở chỗ là nó phải *mở*, điều kiện để có những chương sau. Và *mở* thế nào cho độc giả tiếp tục đọc là cách thể lờ lững để kích thích tưởng tượng và tò mò của người đọc (truyện chương Kim Dung là bậc thầy trên phương diện này). Ngoài ra, yếu tố thoại trong Tiểu Thuyết cần hơn trong Truyện Ngắn, thứ nhất là để độc giả “thờ” và thứ nhì là tăng mức sinh động (cứ thử đọc 400 trang không có lấy một câu thoại trong *Đi tìm thời gian đã mất* của Proust mà xem, rất mệt!). Những điều tôi vừa nói là kinh nghiệm riêng, nó có giá trị như một tờ bày tâm tình thôi. Tôi không hề dám lập thuyết, vì chính tôi, tôi cũng có thể dễ dàng tìm ra những thí dụ trong văn học thế giới không nằm trong những kinh nghiệm riêng tư nói trên.

Cho tôi được kết thúc phần trả lời như thế này: truyện ngắn hay tiểu thuyết quý ở *bề dày* chứ không phải chuyện dài ngắn. Cái gọi là bề dày đến từ đâu? Từ cuộc sống, từ cách nhìn của người viết, từ những gì người viết muốn chia sẻ, nghĩa là cách nhà văn đáp câu hỏi *viết để làm gì*.

MN: *Gần đây, trên diễn đàn văn chương, một vài ngòi bút nêu lên vấn đề văn chương dẫn thân, không tránh né hiện thực xã hội mình đang sống. Theo Mai Ninh, văn chương dẫn thân phê phán lại hay đi kèm văn chương ẩn dụ. Nam Dao nghĩ sao về lối viết đã gọi là phê phán mà rồi lại ẩn dụ bí hiểm đó?*

ND:Ờ, lạ nhỉ, thế là có cái thể loại văn chương không dẫn thân à? Hay người ta hiểu văn chương dẫn thân là phải gồng lên chống cái này, theo cái nọ. Việt Nam ta thì xưa nay thể loại này không hiếm. Thế *dẫn thân* mà lại ẩn dụ bí hiểm là làm sao? Như một kỹ thuật trong văn chương, ẩn dụ là lấy cái này để nói cái kia. Kỹ thuật cao, ẩn dụ mang tính tượng trưng và có tác động cường điệu hóa tính bi hay tính hài của điều mình muốn nói, như *Métamorphose* của Kafka, hay *Les chaises* của Ionesco. Cường điệu hóa được, bởi kỹ thuật ẩn dụ nhằm kích thích trí tưởng tượng của người đọc, quyến rũ họ gia nhập cuộc chơi tái tạo tác phẩm qua sự tưởng tượng, tư duy và cảm nhận của chính họ.

Câu hỏi, tôi hiểu, là văn chương không tránh né hiện thực xã hội nơi mình đang sống mà lại hay ẩn dụ bí hiểm thì là cái gì? Ở mức độ thành công, ẩn dụ là nghệ thuật nâng cấp phê phán đến độ triệt tiêu toàn bộ những hiện thực xã hội thiếu nhân tính. Không đạt được như vậy, ẩn dụ chẳng là cái gì cả, ngoài thứ ngôn từ có chút trí trá giả hình, lấp lửng nước đôi, để mưu cầu hai chữ bình an của những kẻ “sống khôn ngoan” với ngòi bút của mình. Chao ôi, đã “khôn” thế sao lại còn muốn viết? Chỉ khôn ngoan, tôi nghĩ họ có thể thành bất cứ ai, nhưng họ không thể thành nhà văn được. Còn nếu cứ co ngòi bút nép mình trốn trong cái “kỹ thuật” ẩn dụ bí hiểm mập mờ giữa an sinh cá nhân và một hiện thực xã hội bức bách ý thức hầu có cơ tạo nên những thay đổi tất yếu, thì một ngày kia có người sẽ nêu lên câu hỏi gay gắt về chức năng và trách nhiệm của nhà văn thời hậu đổi mới. Câu trả lời, tôi đoán chắc, là chẳng đẹp để gì!

MN: *Tiếp tục chuyện “dẫn thân”... Cách đây đúng một năm Nam Dao tham dự chủ đề Ký do Hợp Lưu đề xướng, phối hợp rồi thực hiện trên Văn Xuân Quý Mùi. Thư mời của ban chủ biên khi ấy đòi hỏi Ký dẫn thân, không tương nhượng bóng tối hay tránh né thực trạng VN như nhà văn Hoàng Khởi Phong đã mạnh mẽ đề nghị Ký “quạt”. Ký mà bển đi là văn hoá và bển đổ cũng là văn hoá. Nhưng sau đó, Nam Dao nhận xét nhà văn Việt chưa sẵn sàng đối mặt thực tế Việt Nam. Là một người viết Ký, đã từng có nhiều bài ký Hoàng Cầm một vị thuốc đắng, Phùng Cung thơ và người, Xô Bụi viết về Trần Dần... anh giải thích thế nào về tình trạng khan hiếm Ký và đặc biệt thiếu dẫn thân này?*

ND: Bảo rằng Nam Dao nhận xét nhà văn Việt chưa sẵn sàng đối mặt thực tế Việt Nam thì có hơi quá. Trước hết, là nhà văn VN ở hải ngoại về thăm quê cha đất tổ thôi. Còn sau, đối mặt là thế nào? Nếu kể ra tệ trạng xã hội thì chúng ta thấy nhiều nhà báo trong nước, trên báo điện Vn express chẳng hạn, đã làm những phóng sự nào là về trẻ em bụi đời, dân ghiền ma túy, nạn

mãi mãi, ông thứ trưởng Lương quốc Dũng đi mua dâm của con nít, những người ở giai đoạn cuối bệnh Aids, các cô gái quê lên Sài Gòn đứng đợi để vài chục “chú rể” Đài Loan tuyển chọn, các kiều nữ đi “săn chồng Tây” ở khu Phạm Ngũ Lão, các công tử đại gia đưa xe Mercedes, BMW...trên phố phường trong thành phố mang tên Bác (chắc ngậm cười thôi!). Những đề tài này, nếu chỉ kể, tôi e người ngoài không thể rành như ở trong đâu, cho nên bảo tránh né thực tế VN thì hơi oan. Thế không lẽ lại ký về chuyện nước phở bỏ quá nhiều mì chính? Bánh cuốn Thanh Trì mà ăn với nước mắm pha đường? Lên Đà Lạt thấy nhà cửa khu chợ ngổn ngang, không qui hoạch, và thế là...tôi buồn, tôi nhớ một thời quá vắng, nước mắt rưng rưng?

Hiện nay, phải nói trong nước tương đối thoáng hơn trước, cho nên những chuyện vặt như không cấp visa du lịch hay “đàn áp” gia đình thân quyền vì một bài ký là chuyện tưởng tượng. Xưa, thí mạng đi tìm tự do, không lẽ hôm nay mang tự do bán rẻ đổi con dấu thị thực nhập cảnh mà du khách đến từ Nhật, Singapore...vào VN không cần nữa? Chúng ta viết được cái gì mà quan trọng đến cái độ phải cấm cản ấy? Thế nhưng tại sao kêu gọi văn hữu ký “quạt”, không tương nhượng bóng tối... mà rồi không có bài?

Có thể, tôi xin giả thiết, rằng Ký là một thể loại không dễ viết chăng? Phần tôi thì thế thật. Với tôi, tôi viết về những thân phận-nạn nhân của những người tôi quý mến. Nên khi viết, tôi thấm nỗi đau của họ, hoang mang lo sợ như họ, ám ức tủi hờn qua họ. Không như với những nhân vật ‘hư cấu’, họ có thật, và tôi đâm ra phải trải nghiệm tâm tư họ, hoá thân thành họ, và may thay, chỉ ở cái khoảng thời gian cần có để viết về họ. Viết ký, vì thế rất mệt. Viết xong, như trút nợ. Thứ nhất là đối với họ, trả lại cho họ một chút công lý, dẫu muộn nhưng cũng là những an ủi, và nhất là lòng biết ơn về những đóng góp của họ vào văn hóa. Thứ nhì là đối với bạn đọc của tôi, trong quan hệ hạn hẹp cá nhân, tôi giới thiệu trung thực những con người tôi tin là đáng nhớ...

MN: Như kịch thì cũng có lúc phải hạ màn. Anh còn điều gì muốn nói thêm với độc giả Hợp Lưu, xin anh cứ nói.

ND: Chẳng chỉ Kịch, mà cuộc đời chúng ta rồi cũng đến lúc sẽ có cái ông Xanh trên kia ông ấy kéo màn xuống họ. Mai Ninh phỏng vấn, tôi rất vui, nhưng đây là lần cuối. Chẳng phải vì tôi không dám nhận trách nhiệm về những gì mình nói, nhưng thật tình, tôi nói dài rồi mà hình như vẫn thiếu, chưa thấy mình nói gì cả? Vô ngôn, mới là bất tận ngôn! Trong cuộc trao đổi giữa chúng ta, tôi thêm một lời tâm tình. Đi tìm danh, lợi hay quyền uy có hàng trăm cách, nhưng lập thân tối kị thị văn chương, tìm qua văn chương rất hao huyền. Vì thế, nhà văn đi tìm cái phần hồn mình muốn gửi gắm, ngay bây giờ, đừng đợi mai sau, và viết như đi đến tận cùng cái thân phận mình, cần thì lấy nước mắt, thậm chí lấy máu làm mực. Cứ viết, rồi tâm nguyện như Đỗ Phủ: *Văn chương thiên cổ sự. Thất đắc thốn tâm tri*, nghĩa là văn chương từ muôn thuở, hay dở chỉ lòng mới biết mà thôi.

Thân xác sẽ thành cát bụi, biết đâu cái phần hồn đó của nhà văn lại không tồn tại ở cái khoảng thời gian ta không còn đó để thấy huyền hao phù vân. Tôi sẽ bay qua thế giới này như một đám mây, và chỉ xin một hy vọng, là đừng che ánh nắng ban mai hay làm mưa nhỏ xuống cuộc đời. Chỉ thế thôi, cũng là đủ!

Mai Ninh thực hiện qua điện thư 10-2004.

Phụ đính:



Phụ họa một giả thuyết về vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm

Đặng Tiến, trong tiểu luận "1956, Việt Nam, Giai phẩm, Nhân văn" trên talawas (5-04-2007) góp một giả thuyết "thao tác" soi rọi vụ án Nhân văn-Giai phẩm. Xin trích:

"Quan điểm chúng tôi: hai tờ báo Giai phẩm và Nhân văn, những truyện, thơ, chính luận, chính kiến xuất hiện trên đó, trong năm 1956 chỉ là cái cớ, cơ hội cho những phe phái cầm quyền tranh chấp và răn đe nhau. Báo cáo của Trường Chinh, 13-3-1958, đưa ra những lời lên án nặng nề và trầm trọng không thể chỉ nhắm vào đám nhà thơ cỡ Trần Dần, Phùng Quán. Còn Thụy An thì nghĩa lý gì? Trường Chinh và phe cánh ông, mà Tố Hữu là cái loa ồn ào nhất, nhắm vào cái gì khác, và ai đó khác. Cái gì khác thì ta có thể suy đoán ra. Còn ai khác là ai với ai? Quyền lực cao cấp nhất là cấp bực nào trong guồng máy?"

Sau khi điếm qua những biến cố quan trọng trong thời kỳ 54-63, ông kết:

"Giả thuyết chúng tôi đề xuất: Nhân văn-Giai phẩm là mặt nổi của một tảng băng mà phần chìm khuất quan trọng hơn nhiều: là sự tranh chấp quyền lực nội bộ của Đảng Lao động với những răn đe, chuẩn bị, che chắn, áp đặt chiến thuật và chiến lược, trong một thời điểm cực kỳ khó khăn và tế nhị.

Những khó khăn nội trị do Hiệp định Genève và dự án Tổng tuyển cử 1956 không thành, chông chéo lên trên khó khăn đối ngoại do báo cáo 2-1956 của Khrushchev và mối bất hoà trầm trọng trong khối Nga-Hoa. Chưa kể đến các cuộc nổi dậy tại Ba Lan và Hungary, hậu quả Cải cách ruộng đất, và nhiều yếu tố khác mà chúng ta không biết hết.

Nhưng quan trọng hàng đầu, theo chúng tôi, là dự án võ trang giải phóng miền Nam đang thành hình.

Vì là giả thuyết, bài này không có kết luận."

Nếu kéo thời gian ra, bắt đầu năm 1950 và kết thúc vào 1967, có lẽ ta có thêm một giả thuyết thao tác khác không kém quan trọng: đó là cuộc Chinh đồn tổ chức (CĐTC) đã phát động đồng thời với Cải cách ruộng đất (CCRĐ) năm 53, rồi sau là vụ án Xét lại chống Đảng (XLCĐ).

1. Chinh đồn tổ chức: Hiệp 1 trong thế song đầu

Xin theo trình tự thời gian:

1950-51: Sau chiến thắng của Mao Trạch Đông, thế cờ mới bắt đầu nghiêng về phía lực lượng Việt Minh. Ông Hồ Chí Minh sang Tàu, rồi Liên Xô, xin yểm trợ vũ khí^a. Nhận được hỗ trợ quân sự và nay có được một hậu phương vững chắc bên kia biên giới, "bộ đội cụ Hồ" hoàn thành Chiến dịch Biên giới, đẩy quân Pháp xuống đồng bằng Bắc bộ, và tiếp tay quân "Giải phóng" tiểu trừ tàn quân Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Thế "môi và răng" thành hình.

1951-53: Tình hình chiến sự ngày một nghiêng về phía Việt Minh - tức Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH). Nhưng sự hiện diện của Trung Quốc ngày càng rõ ràng: Lã Quí Ba là cố vấn chính trị, cùng Kiều Hiểu Quang là cố vấn CCRĐ, và Vi Quốc Thanh (sau tới Trần Canh), cố vấn quân sự, tác động lên đường lối chính sách ở cấp cao nhất^b. Sử gia quá cố Huỳnh Kim Khánh^c cho biết một tài liệu trong đó số đảng viên Đảng Lao động (tức Đảng Cộng sản Việt Nam) từ 7, 8 ngàn tăng vọt lên xấp xỉ 10 lần chỉ trong 2 năm đầu thập niên 50. Khác với đảng viên kỳ cựu, đảng viên mới kết nạp đều xuất thân là nông dân ở những cơ sở địa phương, tạo điều kiện cần để tiến hành CCRĐ và CĐTTC:

"Chính sách thành phần-lý lịch ra đời, với giai cấp nông dân là đội quân chủ lực xây dựng XHCN. Các đội Cải cách về nông thôn thăm nghèo hỏi khổ, bắt rế, xâu chuỗi, tranh thủ bản nông cốt cán để phóng tay phát động đấu tranh chống giai cấp địa chủ, tàn dư phong kiến và (nhân tiện!) bọn Việt gian Quốc dân Đảng, bọn phản động, bọn làm 'gián điệp' tay sai cho những thế lực ngoại xâm, vân vân..."^d.

Từ 1953-55: "... CĐTTC được tiến hành, thực chất là Đảng... thanh trừng nội bộ để sắp xếp lại bộ máy quyền lực từ trên xuống dưới. Bao nhiêu đảng viên oan, bao nhiêu chết, bao nhiêu gia đình tan nát? Ông Võ Nguyên Giáp nói độ 8.000 người. Có kẻ bảo 20.000. Con số đích xác thì Đảng biết, nhưng 60 năm qua rồi vẫn cứ 'bảo mật'"^e.

Nạn nhân của CĐTTC là những ai? Giai cấp địa chủ cường hào ác bá và tàn dư phong kiến, dĩ nhiên. Song còn bọn gián điệp, Việt gian, và Đệ Tứ, bọn tay sai đế quốc... Thế là qui chụp, điều tra, bắt bớ. Ban đầu, chỉ giới hạn ở cấp xã, nhưng CĐTTC lan lên cấp huyện. Với cán bộ thì chỉnh phong chỉnh huấn, trong quân đội thì rèn quân chỉnh cán. Chính sách thành phần-lý lịch khiến ông Thiếu tướng Vương Thừa Vũ, anh hùng chỉ huy bảo vệ thủ đô năm 46 cũng bị bắt, không can thiệp kịp thì... chắc cũng vất vả. Tiểu tư sản thành tạch tạch sè, âm hưởng như tiếng súng liên thanh. Và phân biệt đối xử làm Nguyễn Hữu Đang định xin ra khỏi Đảng, may có Hoàng Minh Giám can ngăn kịp. Và còn biết bao nhiêu người khác cho đến nay vẫn còn im lặng. Phần lớn họ là những người thuộc lớp nhân sĩ, trí thức ở thành thị bỏ đi kháng chiến... Đều có thể là đối tượng, họ sống nơm nớp, kẻ thu mình ngậm miệng, người dinh tề (như trường hợp Phạm Duy).

CĐTTC được khai triển với CCRĐ trong một kế hoạch có tính toán chắc gập một số chống đối, nhưng hẳn có sự đồng tình của những lãnh đạo cấp cao. Ông Trường Chinh, Tổng Bí thư là Chủ nhiệm Ủy ban, Phó Chủ nhiệm phụ trách CCRĐ và CĐTTC là Hoàng Quốc Việt (tức Hạ Bá Cang) và Lê Văn Lương, đều là thành viên kỳ cựu trong Xứ uỷ Bắc bộ của Đảng Cộng sản. Kết nạp kéo quân gây lực lượng trong Đảng của họ tất được sự đồng ý của các cố vấn Trung Quốc, với ý đồ chuyển hoá Việt Nam theo mô hình Mao. Lực lượng cản, lấy lý do cuộc chiến với Pháp chưa ngã ngũ, tìm cách trì hoãn. Họ là những ai? Chắc chắn không phải Nguyễn Chí Thanh, chính uỷ của Quân đội Nhân dân nước VNDCCH. Càng không phải Tố Hữu, nắm Tuyên huấn (tức Văn hoá-Tư tưởng). Phải chăng họ là những kẻ sau này bị kết tội Xét lại chống Đảng như Vũ Đình Huỳnh^f. Đặng Kim Giang, Lê Giản...? Họ thân Liên Xô? Trước khi bàn đến điểm này, xin ghi một điều oái oăm: những người kêu gào lấy nông dân làm quân chủ lực lại là con em của tàn dư phong kiến, ít là trường hợp Trường Chinh (tức Đặng Xuân Khu), Lê Đức Thọ (tức Phan Đình Khải) đều con cháu nhà "quan", nhà có ruộng có đất! Như rắn, họ đã lột xác, đương nhiên dẫn đầu giai cấp vô sản tiên phong làm cách mạng theo con đường tiến lên XHCN.

Phe Xứ uỷ Bắc bộ - có thể kể thêm những Hoàng Văn Hoan, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Duy Trinh (?) - mất thế thượng phong từ ngày ông Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống Pháp, nay vin vào sự hỗ trợ quân sự của Trung Quốc tìm cách lấy lại uy thế, loại chẵn những đối kháng mà ngay cả thành phần manh nha đối kháng, qua chính sách lý lịch và dưới chiêu bài chuyên chính của giai cấp vô sản. Trung Quốc hân hoan vỗ tay vào, tiếp tế chẵn những súng đạn mà cả lương thực, và "cố vấn" luôn khâu chiến lược chiến thuật. Cái giá phải trả ai cũng biết, kể cả những thành viên của Xứ uỷ Bắc bộ. Kinh nghiệm lịch sử dạy họ, như cha anh, phải cảnh giác trước ý đồ "bành trướng". Họ tìm đồng minh để tranh nắm quyền lực, và là học trò

của cả Lenin lẫn Tào Tháo, họ biết đồng minh nào cũng mang tính giai đoạn. Nhưng nắm chính quyền đã, có nắm rồi mới nói đến chuyện giữ!

2. Hiệp 2: Chiến lược thống nhất đất nước

1954: Chiến thắng Điện Biên. Hội nghị Genève được tổ chức từ 26-04 đến 21-07, với nghị trình đầu là chuyện Triều Tiên, sau đó mới đến Việt Nam vào ngày 8-05, đúng một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Ngày 10-05, phó thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa ra quan điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đòi Pháp công nhận quyền độc lập và tự chủ của Việt Nam, nhưng cũng xác nhận sẵn sàng gia nhập Liên hiệp Pháp. Khi ấy, hai khối mang tên Thế giới Tự Do và Xã hội Chủ nghĩa đã cắt đôi nước Triều Tiên. Chiến tranh Triều Tiên cho thấy Mỹ đã đổ quân trực tiếp tham chiến, từ phía Nam đánh bật lên phía Bắc. Chắc không muốn phiêu lưu thêm một bước, hai nước "anh em" Trung Quốc và Liên Xô o ép một giải pháp tương tự với Việt Nam. Nhưng cắt Việt Nam ở đâu? VNDCCH đòi vĩ tuyến 13, rồi lùi dần... Chu Ân Lai gặp Hồ Chí Minh ở Quảng Châu, thuyết phục để vĩ tuyến 17 trở thành vết chém ngang lưng Tổ quốc, đợi hai năm sau là Tổng tuyển cử để thống nhất theo như Hiệp định Genève! Nhưng chuyện này thì nói để mà „chơi" thôi! Hoa Kỳ không ký tuyên cáo chung, chỉ xác nhận là có ghi nhận văn bản này, trừ điểm số 13 liên hệ đến Tổng tuyển cử, tương tự như phái đoàn của chính phủ miền Nam Việt Nam Ngô Đình Diệm. Ý đồ như thế thì trẻ con cũng có thể đoán ra ⁹.

Sau 1954, VNDCCH tiếp tục ve vãn Pháp qua Sainteny ^h, đại diện ở Hà Nội, với hy vọng tạo thế đối trọng Trung Quốc trên bàn cân quyền lực. Những người ủng hộ một chính sách như vậy rõ ràng có ý đồ tìm cân bằng quyền lực với Xứ uỷ Bắc bộ. Họ có thể là những người „học trò" của ông Hồ Chí Minh như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, xoay quanh là những Trần Huy Liệu (nguyên Việt Nam Quốc dân Đảng), Trương Tửu (bị gán Trốt-kít)... và những trí thức nhân sĩ như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh... Ông Hồ Chí Minh bề ngoài giữ cái thế đàn anh „cầm cân nảy mực", nhưng không có ông đằng sau, ai dám đề nghị gia nhập Liên hiệp Pháp hết như thời ký Hiệp định Sơ bộ năm 1945. Và đàn anh vĩ đại ngay bên chắc cũng chẳng mấy hài lòng với những đề nghị như vậy! Nhưng đã quá muộn: Pháp buông tay để Mỹ nhảy vào Đông Dương, đó là không kể đến chuyện Pháp khá kiệt quệ và bắt đầu phải đối phó với bạo loạn ở Algérie, nơi quan trọng hơn Đông Dương rất nhiều.

1955: Miền Bắc đòi thống nhất qua Tổng tuyển cử, bề mặt vẫn tránh mọi động tác cực đoan. Nhưng CCRĐ đưa đến những công phần ngay trong giai cấp nông dân chủ lực. Nạn nhân đầu tổ nếu là cường hào ác bá địa chủ thì đã đành, nhưng muốn đạt chỉ tiêu 5%, phải đánh lên thành phần để đầu, oan sai gì cũng mặc. Nhưng còn chuyện quả thực chia không công bằng. Ruộng thấp ruộng cao ruộng xấu ruộng tốt phân cho bản cổ cũng không công bằng. Hỏi ai đây? Nhưng cứ nhất Đội thì hỏi Trời cũng vô ích. Cơ cấu nông thôn và đạo lý làng xã bị phá tan hoang: mang quả thực mỗi chài, máu tham lam biến người thành thú, nơi nơi thành đấu trường tổ điều, tổ vấy, thù oán bùng lên khắp ngả... Vụ Quỳnh Lưu nổ ra, sau đó một số địa phương cũng rấp ranh chống đối.

Trần Dần tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Tháng 4, Trần Dần, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Tử Phác... viết "Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá", yêu cầu trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, và thủ tiêu hệ chính uỷ trong các đoàn văn công. Đây là phản ứng công khai đầu tiên trong đòi hỏi tự do sáng tác. Trần Dần bị giam 3 tháng theo quân kỷ vì xin giải ngũ, trả thẻ Đảng để kết hôn với một thiếu nữ Công giáo có gia đình di cư vào Nam.

1956, một năm bản lề

Tháng 1, Hoàng Cầm cho ra *Giai phẩm mùa Xuân*, trong có bài "Nhất định thắng" của Trần Dần. *Giai phẩm* bị tịch thu. Tháng 2, Hội Văn nghệ tổ chức phê bình bài thơ của Trần Dần, kết án tác giả là mất lập trường giai cấp, đi ngược đường lối của Đảng. Dần bị giam 3 tháng ở Hoà Lò.

Tháng 2, Đại hội 20 Đảng Cộng sản Liên Xô tiến hành, hạ bệ Stalin và tề sùng bá cá nhân với cái sau này ta gọi là "Báo cáo Khrushchev". Gió lên, cờ phất, và những người làm chính trị đánh bài nước đôi, nước ba.

Cuối tháng 5, Mao phát động phong trào "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng".

Tháng 6, cuộc nổi dậy ở Ba Lan đe dọa một rạn nứt khó lành trong khối XHCN.

Tháng 7, Việt Nam tuyên bố hoàn thành Cách mạng Ruộng đất.

Tháng 8, Hội Văn nghệ tổ chức lớp học 18 ngày về đường lối cải cách chống tề sùng bá cá nhân Stalin tại Liên Xô (và khó cho rằng những người như Lê Đạt, Hoàng Cầm không biết gì về chuyện này). Ngay tháng 8, *Giai phẩm mùa Thu* tập 1 đăng bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" nảy lửa của Phan Khôi. Ngày 15 tháng 9, báo tư nhân mang tên *Nhân văn* ra số 1, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký toà soạn, với một ban biên tập gồm Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm. Thời điểm đó, nói một cách hình tượng, văn nghệ sĩ phản kháng bảo nhau phục xuống nắm lấy lưng quần đánh vào Đảng qua những sai lầm của CCRĐ. Tháng 10, Thường vụ Hội Văn nghệ ra thông cáo nhận sai lầm trong việc phê bình bài thơ "Nhất định thắng". Hoàng Cầm cho tái bản *Giai phẩm mùa Xuân* trước bị thu hồi.

Tháng 9 năm 1956, Trung ương Đảng họp lần thứ 10 để tổng kết thành quả CCRĐ. Đại tướng Giáp, người anh hùng Điện Biên Phủ, thay mặt Đảng ra nhận sai lầm trước nhân dân. Nhưng số nạn nhân là bao nhiêu ở miền Bắc? Không ai trong những kẻ có thẩm quyền nói gì cả. Cứ coi như nông thôn miền Bắc khi ấy độ 10, 12 triệu người, thế thì 5% số người chắc phải xấp xỉ 600.000 nạn nhân, với có thể khoảng 60.000 người bị sát hại? Sau này, có tài liệu cho rằng số nạn nhân ở vào khoảng 300.000 đến 350.000, nhưng sự thật thế nào thì chẳng ai biết cho đích thực.

Ở cấp chóp bu của quyền lực, chắc có nhiều thương lượng trước những diễn biến mới. Phe Xứ uỷ Bắc bộ lùi một bước, nhưng quyền lực vẫn còn rất nhiều. Tướng Giáp thay mặt Đảng nhận sai lầm, lấy hào quang chiến thắng Điện Biên để an dân và nhất là giữ lòng quân trước nay vẫn coi ông là một lãnh đạo anh hùng. Ông Hồ Chí Minh tạm nhiệm vai trò Tổng bí thư thay Trường Chinh, nay trở thành Chủ tịch Quốc hội, vai về đứng thứ hai sau ông. Hoàng Quốc Việt trách nhiệm Công đoàn. Lê Văn Lương thôi Trưởng ban Tổ chức Đảng, nắm Thành uỷ thành phố Hà Nội. Hồ Viết Thắng, thường trực Uỷ ban CCRĐ bị đẩy khỏi Trung ương, nhưng về phụ trách Uỷ ban Kế hoạch. Những nhân vật mới xuất hiện. Lê Duẩn đã "ém" lại ở miền Nam được vời ra Bắc, trở thành Bí thư thứ nhất. Lê Đức Thọ, người xưa cộng tác chặt chẽ với Duẩn trong Trung ương Cục miền Nam, vào nắm Ban Tổ chức thay Lê Văn Lương. Một cân bằng quyền lực mới đang thành hình.

Tháng 11, Hồng quân Liên Xô tiến vào Budapest dẹp cuộc nổi dậy ở Hungary. Như vậy, chung sống hoà bình là với thế giới tư bản, chứ không phải là với chư hầu trong phe XHCN mà còn ảo tưởng có thể vùng vằng "giải phóng". Tức thời, phe Xứ uỷ Bắc bộ tìm thế phản công. Trước mắt là hai cái gai *Nhân văn* và *Giai phẩm*. Khi đó, đã có 5 số *Nhân văn*, và 4 tập *Giai phẩm*, tất cả đều được thị dân "tạch tạch sè" ủng hộ. Nếu *Giai phẩm* tập trung trên địa hạt văn nghệ thì *Nhân văn* đề cập đến những vấn đề xã hội và văn hoá rộng hơn: chống tham ô lãng phí, chống thói cửa quan, đòi hỏi chuyên môn và phân công (chứ không để chính trị "thống soái"), yêu cầu một thể chế pháp trị, nói rộng tự do tư tưởng trong học thuật và văn nghệ, xây dựng xã hội trên cơ sở hiến pháp (cụ thể là Hiến pháp năm 1946, cơ bản là dựa trên tinh thần dân chủ và không hề có màu sắc chuyên chính). Tóm lại, *Nhân văn* đặt vấn đề chính quyền chuyên chính của giai cấp vô sản, một giáo điều của phong trào cộng sản. Tra vấn kiểu này, chắc họ "làm phiền" cả đám ông Hồ và "học trò" lẫn phe Xứ uỷ Bắc bộ vốn đều được trau dồi bằng kinh điển Mác-Lê (nhất là Lenin). Nhưng họ là những ai? Trước tiên, Nguyễn Hữu Đang, xu hướng chính là hoạt động chính trị, từng làm Thứ trưởng, tổ chức Lễ Tuyên ngôn Độc lập ở Ba Đình khai sinh nước VNDCCH. Rồi Trần Đức Thảo, triết gia. Nguyễn Mạnh Tường, luật gia, với bài tham luận ở Mặt trận Tổ quốc có Trường Chinh tham dự và vỗ tay khuyến khích. Có Đào Duy Anh, nguyên Đảng trưởng Tân Việt, học giả. Trương Tửu, trí thức từng xây dựng nhóm Hàn Thuyên. Và Phan Khôi, nhà văn nhà báo lão thành khá tiếng tăm. Xoay xung quanh là một số

văn nghệ sĩ trẻ: Lê Đạt, từng là bí thư cho Trường Chinh, sắc sảo đa đoan. Hoàng Cầm, tác giả "Đêm liên hoan" và "Bên kia sông Đuống", lẽ ra chỉ nên "làm văn nghệ"... Tập hợp *Nhân văn-Giai phẩm* này không phải là một tập hợp quyền lực, chưa hề cùng thống nhất được một đề cương tư tưởng nào, mỗi cá nhân viết theo thói thúc nhân văn riêng tư, nhưng đồng qui ở thời điểm xã hội đang chấp chững bước vào một giai đoạn đổi thay sau kháng chiến. Họ ở gần, nhưng vẫn bên lề guồng máy chính, một guồng máy vận hành "nội bộ" kiểu "hội kín" chứ không rêu rao vạch mặt cho người ngoài xem lưng. Tóm lại, cùng lắm họ chỉ là những tiếng nói có lợi trong một giai đoạn nào đó cho một nhóm quyền lực lợi dụng. Khi trâu bò húc nhau, ruồi muỗi không kịp bay tất có cái phận nát nhè khó tránh.

Có lẽ ông Hồ Chí Minh chân thành khi ông cho là không nên dùng dao mổ trâu để làm thịt gà với *Nhân văn-Giai phẩm*^l, nhưng chẳng biết áp lực nào khiến ông ký ngày 9-12 *Sắc lệnh về chế độ báo chí*, sắc lệnh cho phép Ủy ban Hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo *Nhân văn* đã ra được 5 số. Số cuối cùng, không được in, vì một bài viết của Nguyễn Hữu Đang bị gán ghép là "kêu gọi biểu tình"! Hãn phe Xứ uỷ Bắc bộ có tác động: họ không khoan nhượng những người chưa tạo được lực nhưng có chút thế, chỉ manh nha đối kháng. Sau khi Hồng quân Liên Xô theo xe tăng đê bẹp Budapest, Liên Xô vĩ đại đã bật đèn xanh cho chư hầu. Mao sẽ giết càn câu sau khi đã thả cái mồi "Trăm hoa đua nở". Việt Nam nhanh tay hơn: phe Xứ uỷ Bắc bộ tìm cách phát cờ càng sớm càng tốt. Chỉ 4 tháng sau:

1957: từ 20 đến 28-2, tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần 2, Trường Chinh kêu gọi 500 đại biểu đập nát luận điệu phản động của *Nhân văn-Giai phẩm*. Chia để trị: cơ cấu Hội Văn nghệ xé thành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật (Nguyễn Đình Thi chủ trì) và Hội Nhà văn (Tô Hoài làm Tổng thư ký). Báo *Văn* với Nguyễn Công Hoan làm chủ bút, Nguyễn Tuân phó chủ bút và Nguyên Hồng thư ký toà soạn ra đời. *Văn* hục hặc tranh cãi với *Học tập*, cơ quan lý thuyết (tức Tuyên huấn) của Đảng. Những tội đồ Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán... vẫn công tác trong Hội, những Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Trần Đức Thảo... quay về giảng dạy đại học, ai nấy tưởng gió đã ngưng và chim báo bão đã bay xa.

Thời gian giữa năm 57, Mao bên Trung Quốc đã phản công đám trí thức ông coi như cục phân, khai trừ nhà văn Đinh Linh có 25 tuổi Đảng. Đồng thời, những cuộc chỉnh huấn văn nghệ được tiến hành ở Liên Xô, Ba Lan, Công hoà Dân chủ Đức... Bộ mặt toàn trị lộ nguyên dạng, nhưng báo *Văn* đã đăng "Lời mẹ dặn" của Phùng Quán, "Bài thơ Việt Bắc" của Trần Dần, chiến thuật là lâu lâu chèn vào báo những sáng tác dễ gây tranh cãi.

1958-1959: Ngay đầu tháng 1-1958, Bộ Chính trị của Đảng ra Nghị quyết 30NQ/TU về chấn chỉnh công tác văn nghệ. Báo *Văn* số 36, số cuối cùng với bài "Ông Năm chuột" của Phan Khôi, in nhanh phát nhanh. Tháng 3: trong hơn 1 tháng, lớp "đấu tranh tư tưởng" tại Thái Hà Ấp với 304 văn nghệ sĩ, hơi hướng đấu tố như trong CCRĐ được các học uỷ "hướng dẫn" tập trung vào "bọn *Nhân văn-Giai phẩm*". Lê Đạt suýt bị một nhà văn miền Nam tập kết chém vì cái "tội" chống lại thống nhất, may học uỷ can thiệp kịp^k. Nguyễn Hữu Đang và Thụy An bị bắt. Đầu tháng 6, Hội Liên hiệp Nghệ thuật tổng kết thắng lợi cuộc đấu tranh chống *Nhân văn-Giai phẩm*, có nghị quyết của gần 800 văn nghệ sĩ hoan nghênh ủng hộ. Tháng sau, Nguyễn Đình Thi trở thành Tổng thư ký Hội Nhà văn, thu văn học-nghệ thuật về một mối. Tháng 7, Hội thông báo kỷ luật những người tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, khai trừ khỏi Hội, bắt đi lao động cải tạo. Chờ đến 10-12-1959, tức là 19 tháng sau lớp học Thái Hà và 3 năm sau khi đóng cửa báo *Nhân văn*, người ta khai mạc toà án xử Nguyễn Hữu Đang và Thụy An mỗi người 15 năm tù vì tội phá hoại chính trị và làm gián điệp cho ngoại quốc.

Giải phóng miền Nam

Năm 1959 là một năm cực quan trọng. Rõ ràng hy vọng thống nhất qua Tổng tuyển cử theo Hiệp định Genève không còn. Chuyện gia nhập Liên hiệp Pháp qua đó sửa soạn một chiến thuật thống nhất trong hoà bình không xong. Từ 1957, Pháp kiều đã hồi hương, đóng cửa xí nghiệp. Về phần 60.000 người miền Nam tập kết, họ mất dần kiên nhẫn, nóng lòng mong về quê hương bản quán. Đã có những đơn vị bộ đội tập kết đóng ở Thanh-Nghệ tự động vượt

tuyên bất chấp kỷ luật. Trong khi đó, chính quyền Diệm-Nhu miền Nam ra Luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật¹, đàn áp khủng bố thẳng tay. Tướng Trần Văn Trà xin với anh Ba (tức Lê Duẩn) hỗ trợ cho lực lượng "ta" giải lại. Anh Ba dặn phải kín đáo, và cho Trà trên dưới 50 (!) cán bộ đột nhập miền Nam^m, đi chui làm cách mạng! Mặt khác, Cải tạo công thương nghiệp tại các thành phố có tiến hành, nhưng kết quả không có bao nhiêu, lại gây oán thán chẳng khác gì với đám nông dân sau CCRĐ phải vào hợp tác xã khiến giấc mơ có đất của họ thành ảo mộng. Nền kinh tế cả nước sa sút, đói thì chưa, nhưng thiếu thốn bắt đầu. Và khẩu hiệu chẳng thể nào thay cơm gạo. Chắc chắn phe ông Hồ và "học trò" đem luận điểm nóng vội lên bàn vận phe Xứ uỷ Bắc bộ; lý lẽ đáp lại là sự khác biệt giữa "cải cách" và cách mạng xã hội. Nhưng dù gì, làm sao yên dân khi áo cơm không đủ? Trong bối cảnh đó, không cần trí tưởng tượng để nghĩ ra rằng "giặc ngoài" là yếu tố có thể chấn chỉnh nội trị. Nhất là chuyện thống nhất vốn xưa nay đã ăn sâu vào tâm tưởng toàn dân. Giặc ngoài là ai? Dĩ nhiên, Mỹ, cấu kết với Diệm. Không giải phóng bằng phương cách hoà bình thì chỉ còn chiến tranh.

Sử dụng chiến tranh nhằm giải phóng miền Nam không những phù hợp với phe Xứ uỷ Bắc bộ vốn cực đoan mà còn là cơ hội cho Lê Duẩn và Lê Đức Thọ củng cố thế đứng trong nội bộ. Anh Ba, bề ngoài hành xử dè dặt nhưng không phải là người không bản lĩnh. Với Thọ hiểm hóc tính toán ở cương vị Trưởng ban Tổ chức, anh từng bước tiến lên, thoả mãn cả hai phe, cuối cùng trở thành nhân vật số 1, ông Hồ chỉ hư vị, và Trường Chinh vẫn cố thủ vị trí số 2. Bàn cờ chưa thực ngã ngũ, nhưng Nghị quyết "kín" 15 thành hình, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang có mức độ, đầu tiên là mức độ tự vệ. Con đường 559 bắt đầu từ Nghệ An vượt qua sông Bến Hải. Ít lâu sau, Mặt trận Giải phóng miền Nam phát cờ. Trong bối cảnh "bức xúc" đầy kịch tính, dàn dựng một nhà văn tập kết nhớ vợ thương con vác dao tìm Lê Đạt để chém (mong thế là thống nhất đất nước?) quả là cười ra nước mắt. Còn bà Thụy An, người tự móc mù mắt để phản đối thì sao? Bà trước kia là đầu mối (không chính thức) của Chính phủ VNDCCH với Sainteny trong thời điểm còn xúc tiến hoà hoãn với Pháp sau Hiệp định Genève. Kết bà vào tội gián điệp là thông điệp kết tội luôn một chính sách hoà hoãn dựa vào phương Tây do ông Hồ và "học trò" đeo đuổi. Về phần Nguyễn Hữu Đang, đừng quên ông từng hoạt động từ giữa thập niên 30 trong Xứ uỷ Bắc bộ cùng với những Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Nguyễn Lương Bằng... nhưng thường là hoạt động dưới dạng nhân sĩ trong nội thành Hà Nội, nơi mà các "đồng chí" ăn bờ ở bụi bên ngoài đánh giá là "dễ sa ngã". Và lại, trong một thời gian, ông lọt vào mắt xanh của ông Hồ. Thế là nhỏ tận rễ, dù là cò gà, để treo gương điển hình, và tăng khủng bố tâm lý lên mức khép kín miệng đám trí thức thành thị Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường nay cũng bị ruồng rẫy.

3. Hiệp 3: "bọn" Xét lại chống Đảng

Ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước bóp chết nền kinh tế tư nhân nhưng lại mù loà giáo điều trong những bước xây dựng xã hội XHCN, khoá miệng trí thức sau phong trào *Nhân văn-Giai phẩm*, và ngay năm 61 ban hành Nghị quyết 49/NQ/TVQH do Trường Chinh kýⁿ, hợp pháp hoá việc có thể bắt nhốt bất cứ ai vào những trại tập trung cải tạo mà không cần xét xử. Như thế, Đảng vượt mặt xã hội dân sự, đập mặt liềm bằng vải đỏ, và đóng áo quan rồi đào sâu chôn chặt! Lấp liếm những thất bại bằng ngôn từ kiểu "cơ bản là đã hoàn thành thắng lợi", và khi sai thì là chỉ chấp hành sai chữ về "cơ bản vẫn đúng", đã "cào bằng", chia bình quân ruộng đất cho nông dân canh tác trong giai đoạn đầu, và sẽ "vào hợp tác" trong tương lai một xã hội đúng bài bản xã hội chủ nghĩa. Ban đầu, hợp tác ở mức thấp cho mười mười lăm gia đình, với những tổ đổi công. Sau, ở mức cao hơn, là hợp tác xã, lao động tính theo công điểm, và từ đó qui ra thu nhập của người lao động.

Năm 1958, cuộc cải tạo công thương nghiệp ở những thành phố được tiến hành. Khi ấy, những xí nghiệp công nghiệp của tư sản thật ra đã chuyển hết khỏi miền Bắc, còn lại chỉ có tiểu thương, tiểu công nghệ là chủ yếu. Cải tạo là đưa đến hợp tác, bắt đầu là năm, bảy gia đình, từng bước đi vào qui mô lớn dần lên, đến cấp phường, quận, thành phố rồi quốc doanh. Tóm lại, cả công, thương và nông nghiệp, phải vào "hợp tác", tức là sản xuất trao đổi hàng hoá ở

mức tập thể, thủ tiêu kinh tế tư nhân. Chẳng khác gì trong nông nghiệp, cải tạo đưa đến tình trạng cha chung không ai khóc, thiếu động cơ kích thích kinh tế, đưa đến trì trệ trong sản xuất, phẩm lẫn lượng có chiều hướng đi xuống, hàng hoá sản vật khan hiếm dần. Năm 1960, hợp tác trong công-nông nghiệp tuyên bố là được hoàn thành về cơ bản. Chỉ một năm sau khi Đảng tuyên bố "hợp tác" cơ bản đã hoàn thành thì dân bắt đầu ăn đói, nghèo đi trông thấy, và tệ nạn *lạm quyền cầu lợi của đảng viên* sớm hiện hình. Không đỡ mãi cho thời tiết được. Thế là có cuộc nổi dậy mang tên Đồng Khởi ở Bến Tre. Viễn tượng chiến tranh mỗi lúc một gần. Vì chiến tranh là cách đồ tội để biện minh cho sự thất bại của những cải cách thời bình.

"Năm năm sau Điện Biên Phủ, bóng dáng ma quái của chiến tranh lại lần quát, vì hai điểm cơ bản: 1- Mâu thuẫn và tranh đoạt quyền lực nội bộ ở những cấp cao nhất trong Đảng; và 2- Khó khăn, lúng túng, và sai lầm trong việc xây dựng xã hội XHCN. Cộng thêm vào là mặt khác, những người miền Nam tập kết mất kiên nhẫn, nóng lòng muốn quay trở về quê hương gốc gác... Khẩu hiệu mới gồm 2 khâu: vừa giải phóng miền Nam vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Khẩu giải phóng lọt, vì khi đó những mâu thuẫn giữa hai nước 'anh em' đã có, Trung Quốc của Mao không 'xét lại' và chịu chung sống hoà bình với Đế quốc Mỹ theo đường lối Liên Xô dưới thời Khrushchev. Việt Nam ta muốn giải phóng miền Nam với một nền kinh tế non trẻ thiếu cả ăn lẫn mặc thì làm thế nào đây? Vừa xin vũ khí, vừa xin viện trợ lương thực, tất cả là vì nghĩa vụ quốc tế. Nói cho hình tượng là ta bán máu lấy ăn, máu đổ vì mục đích cao cả Giải phóng và Thống nhất đất nước, đối đầu với Đế quốc trong cuộc Cách mạng Thế giới. Mao vui lòng cho ít khí giới qui ước và tiếp tế gạo, đường, mắm muối..." °

Một thời gian ngắn sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô họp hồi tháng 2 năm 1956, phong trào cộng sản quốc tế bắt đầu có dấu hiệu rạn nứt, dần dần dẫn đến cuộc đấu tranh công khai giữa những người giáo điều Maoít trong ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc với những người theo chủ nghĩa xét lại trong ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô. Để chuẩn bị tham dự Hội nghị 81 Đảng Cộng sản họp tại Moskva tháng 11 năm 1960, Trường Chinh gọi Hoàng Minh Chính vào tháng 9 lên giao nhiệm vụ chuẩn bị lý luận diễn giải và phân tích về những nội dung ý kiến bất đồng trong phong trào cộng sản gấp rút trong nội một ngày. Tóm gọn:

Chủ nghĩa xét lại hiện đại Liên Xô cho rằng:

1. Chiến tranh không phải là định mệnh. Các chế độ xã hội khác nhau có thể cùng tồn tại hoà bình.
2. Các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa không cần đối đầu quân sự mà có thể đua tranh nhau bằng kinh tế.
3. Các nước có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng phát triển trong hoà bình chứ không nhất thiết qua đấu tranh vũ trang.
4. Điều kiện quyết định để chiến thắng chủ nghĩa tư bản là các nước xã hội chủ nghĩa phải tạo ra một năng suất xã hội cao hơn hẳn so với các nước tư bản chủ nghĩa.
5. Chống sùng bái cá nhân, mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội và trong các đảng cộng sản và công nhân quốc tế.

Chủ nghĩa giáo điều Mao-it thì cho rằng:

1. *Bản chất chủ nghĩa tư bản đế quốc là xâm lược. Còn đế quốc, còn chiến tranh, chiến tranh là tất yếu.*
2. *Chiến tranh hạt nhân không đáng sợ. Đế quốc Mỹ chỉ là con hổ giấy có răng nguyên tử. Chiến tranh nguyên tử nổ ra thậm chí còn có lợi vì nó sẽ chôn vùi đế quốc sạch sành sanh để sau đó trên trái đất chỉ còn chủ nghĩa xã hội trăm lần tốt đẹp hơn.*
3. *Các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh đoàn kết lại chống hai siêu cường là Đế quốc Mỹ và Đế quốc xã hội Xô-viết.*
4. *Liên Xô là con ngựa thành Troa, kẻ thù nguy hiểm số một của cách mạng thế giới.*
5. *Chính quyền nở từ họng súng. Giành được chính quyền là được tất cả. Chiến tranh cách mạng là con đường duy nhất giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.*

6. *Làm cách mạng thường trực, tạo thời cơ giải phóng toàn nhân loại. Chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông là thống soái. Gió Đông thổi bạt gió Tây.*

Nghe Hoàng Minh Chính trình bày xong, Trường Chinh triệu tập Bộ Chính trị lại ngay để báo cáo và đã đạt được sự nhất trí cơ bản. Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh dẫn đầu. Thành viên có Tổng bí thư Lê Duẩn và ủy viên Bộ Chính trị Nguyễn Chí Thanh. Kết thúc hội nghị, một bản tuyên bố chung ghi đầy đủ các quan điểm của Đảng Cộng sản Liên Xô đã được thông qua. Có 81 đảng cộng sản trên thế giới nhất trí ký kết Tuyên bố chung, trong đó có Đảng Lao động Việt Nam.

Nhưng đấu trường đã bắt đầu vào hiệp 3. Khi đó, với cuộc chiến giải phóng miền Nam (GPMN), Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã thành một thể lực. Dù Duẩn vẫn được xưng tụng là "học trò xuất sắc" của ông Hồ, nhưng ai cũng biết Duẩn-Thọ là liên minh của phe Xứ uỷ Bắc bộ. Tuy thế, ông Hồ và "học trò" vẫn còn nắm Nhà nước qua Phạm Văn Đồng, và Quân đội qua Võ Nguyên Giáp mà ảnh hưởng bị Nguyễn Chí Thanh xói mòn. Nhưng trên nguyên tắc, Đảng mới lãnh đạo, Nhà nước chỉ quản lý, còn Quân đội thì phải trung với Đảng, hiếu với dân. Trong thời gian gọi là cuộc *đấu tranh giữa hai đường lối* trong phong trào cộng sản quốc tế, Việt Nam dưới tay Duẩn-Thọ làm xiếc đánh đu giữa hai cọc. Cần cả Trung Quốc lẫn Liên Xô hỗ trợ trong chiến tranh GPMN, một mặt Duẩn thề thốt theo Liên Xô đang chủ trương chung sống hoà bình, mặt kia để Thọ đối nội bắt bớ "bọn xét lại", tức đi vào con đường giáo điều Mao-fit chủ chiến.

Cuối năm 1963, Bộ Chính trị triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương IX, khoá III. Bản nghị quyết IX của hội nghị này, theo Vũ Thư Hiên, là một văn bản lươn lẹo do chính Trường Chinh chấp bút, không chống chủ nghĩa xét lại, không chống chủ nghĩa giáo điều, nhưng chẳng rõ là theo ai nên cả Trung Quốc và Liên Xô đều không thể "bực mình"^p. Trong nội bộ, thực chất là Đảng quay ngoắt lại lập trường đã thống nhất với tuyên bố chung của 81 đảng cộng sản^q.

Tại Hội nghị các cán bộ cao cấp và trung cấp gồm chừng 400 người họp tại hội trường Ba Đình trong tháng 1 năm 1964 để học tập Nghị quyết IX lớp đầu tiên, chủ tịch Trường Chinh tuyên bố: "*Các đồng chí cần đặc biệt lưu ý một điều là Nghị quyết IX, do tình hình phức tạp trong phong trào cộng sản quốc tế, không thể viết hết ra những điều cần nói nhưng phải hiểu rằng: đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta là thống nhất cơ bản với đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc*".

Hoàng Minh Chính đã gửi hai bản kiến nghị. Một bản phê phán Bộ Chính trị đã tự ý từ bỏ nguyên tắc đồng thuận đã được cam kết trong bản Tuyên bố chung 81 đảng cộng sản. Một bản phê phán những sai trái của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trong chiến dịch đả kích đường lối của Đảng Cộng sản Liên Xô theo tinh thần Tuyên bố chung. Trong khi đó, Lê Đức Thọ phát biểu: "*Chống chủ nghĩa hiện đại xét lại về mặt lý luận ta để cho Đảng Cộng sản Trung Quốc làm, còn về mặt tổ chức thì ta tự làm lấy...*"^r. Phe theo giáo điều hẳn được bật đèn xanh, thật phù hợp với lời Lưu Thiếu Kỳ phũ phàng thể hiện cái thể nước lớn một cách không che giấu^s.

Kết quả là năm 1967 Hoàng Minh Chính bị Lê Đức Thọ ra lệnh bắt bỏ tù và đích thân tuyên án: cách chức viện trưởng Viện Triết học, khai trừ đảng tịch, tước quyền công dân, biệt giam cho đến khi nào chịu hối cải. Cùng với Hoàng Minh Chính, những người bị bắt, bị hãm hại trong cái gọi là "vụ án Xét lại chống Đảng" lên đến hàng trăm. Vụ "*trán phản*" này có thể là nhằm yên "*giặc trong*" để tiện bề đánh lút láng ván xi-ké có tên là *Tổng Công Kích và Nổi Dậy vào Tết Mậu Thân dẫm thánng sau trên toàn miền Nam*. Để nắm được tính cách rộng khắp trong vụ thanh trừng nội bộ này, tôi xin liệt kê tên và chức phận họ:

Đặng Kim Giang - Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nông trường, bí thư khu uỷ Liên khu Ba, phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần mặt trận Điện Biên Phủ, tù nhân Sơn La thời Pháp thuộc; Vũ Đình Huỳnh - Vụ trưởng Lễ tân Bộ Ngoại giao, nguyên là bí thư riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cựu tù nhân Sơn La; Nguyễn Văn Vịnh - Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, chủ tịch Ủy ban Thống nhất Trung ương; Nguyễn Minh Cần - Ủy viên thường vụ Thành uỷ Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội, chủ nhiệm báo *Thủ đô Hà Nội*; Trần Minh Việt - Phó Bí thư thành uỷ Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội; Dương Bạch Mai - Phó Chủ tịch

Quốc hội, Tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt Xô; Bùi Công Trùng – Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, Ủy viên Trung ương Đảng; Ung Văn Khiêm - nguyên Bộ trưởng Ngoại giao, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng; Lê Liêm – Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chính uỷ mặt trận Điện Biên Phủ; Lê Trọng Nghĩa - Cục trưởng Cục 2 (Cục Tình báo quân đội); Lê Minh Nghĩa - đại tá, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng; Đỗ Đức Kiên - đại tá, cục trưởng Cục Tác chiến; Phan Kỳ Vân - Phó Tổng biên tập tạp chí *Học tập*, cựu tù nhân Sơn La; Hoàng Thế Dũng – Tổng biên tập báo *Quân đội Nhân dân*; Nguyễn Kiên Giang - Phó Giám đốc nhà xuất bản Sự thật, nguyên tình uỷ viên tỉnh uỷ Quảng Bình; Lê Vinh Quốc - đại tá, chính uỷ sư đoàn 308, phó chính uỷ khu Ba; Văn Doãn – thượng tá, Tổng biên tập báo *Quân đội Nhân dân* cuối thập niên 50; Minh Tranh - giám đốc nhà xuất bản Sự thật; Phạm Quang Đức - cán bộ ngoại giao Vụ Bắc Mỹ. Các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ quân đội, nhà văn, nhà báo, nhà điện ảnh: Vũ Huy Cương, Huy Vân, Vũ Thư Hiên, Đinh Chân, Lưu Động, Trần Thư, Nguyễn Hồng Sỹ, Trần Châu, Nguyễn Gia Lộc, Phùng Văn Mỹ, Bùi Ngọc Tấn, Tuấn Nguyễn, Phan Thế Văn, Nguyễn Văn Thắm, Phạm Việt, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Mạc Lân, Trần Đình, Đặng Cấn, Nguyễn Cận, Đặng Đình Cầu, Mai Luân, Mai Hiến, Quảng Hân, Khắc Tiếp, Đào Phan (tức Đào Duy Dính)...

Theo Vũ Thư Hiên: „*Với nghị quyết IX, ĐCSVN phân hoá thành hai cực - một bên những người chủ trương chủ nghĩa xã hội dân chủ pháp trị, đòi kiến tạo một xã hội công dân có nhân quyền, bên kia là Đảng cầm quyền kiên trì một chủ nghĩa xã hội chuyên chế.*“ Ông cũng cho biết là cha ông, Vũ Đình Huỳnh, cho rằng nếu tướng Võ Nguyên Giáp quyết liệt chống thì cái Nghị quyết IX khó mà thành hình như thế. Sau này, khi lấy cung „bọn Xét lại“, có chuyện công an tìm cáo buộc để vu ông Giáp tội âm mưu đảo chính^u.

Không lẽ lại không có một lời dù là tạm kết?

Đến đây, tôi đã đào sâu giả thuyết „thao tác“ của ông Đặng Tiến: quả có một cuộc tranh chấp quyền lực ở bề sâu, hiệp 1 từ thời Chinh đốn tổ chức, và *Nhân văn-Giai phẩm*, sản phẩm phần nào của tình cờ lịch sử qua sự kiện „Báo cáo Khrushchev“ trong Đại hội Đảng lần 20 của ĐCS Liên Xô, chỉ là mặt nổi một tảng băng dày thâm kịch. Trù dập nạn nhân *Nhân văn-Giai phẩm* (dẫu không cần thiết) ở hiệp 2 liên quan đến chuyện dùng chiến tranh với Mỹ Diệm để lấp liếm thất bại trong việc cải tạo và xây dựng xã hội, đồng thời nâng mức khủng bố để thực hiện chuyên chế. Trong vụ việc này, tôi nghĩ là: (1) tác nhân là hai thế lực, hai cách nhìn chiến lược thống nhất đất nước, thậm chí hai cách nhìn xây dựng XHCN, mà tôi tạm gọi cho gọn là *phe Xứ uỷ Bắc bộ* „cách mạng“ quá tả đối chọi với *ông Hồ và „học trò“* bị gán là „cải cách“ hữu khuynh. Đệ tam nhân ở sau bức màn sân khấu giựt dây điều khiển một số yếu tố, vẫn chẳng khác được, là nước Trung Quốc vĩ đại sát nách Việt Nam. (2) Về phần các nhân vật vào vai nạn nhân, họ đều biết một phần kịch bản, nhưng quá „hồ hởi“ trước cái khả năng tự thích ứng của quyền lực chính trị vào xã hội của một chế độ toàn trị kiểu Stalin. Kể cả những trí thức học giả kiệt kiệt chứ không chỉ anh em văn nghệ sĩ tuổi chưa quá 30, họ không thể ngờ là những người „làm chính trị“ một cách nghề nghiệp chỉ đặt vấn đề trước mắt là „ai thắng ai“ và làm thế nào để thắng, ngay cả khi họ đấu tranh với nhau, bất chấp những hậu quả lâu dài có thể cả dân tộc phải gánh chịu.

Cho phép tôi nói qua về những nhà văn nhà thơ thuở ấy: họ là những người trẻ tuổi đi kháng chiến giành độc lập, thường đã được đào tạo qua văn hoá đậm tính nhân văn của Âu châu thế kỷ thứ 19, rất lãng mạn (ở cái nghĩa tư duy triết và mỹ học đi ngược niềm tin vào duy lý như một thứ tôn giáo mới), và nếu có biết chủ nghĩa cộng sản thì chỉ ở mức sơ đẳng, hoặc có hơn thì chút thực hành của lý thuyết Leninít về mặt tổ chức. Về phần các vị học giả, triết gia, trí thức có tham gia *Nhân văn*, tôi nghĩ họ thâm sâu tinh tuý hơn đám văn nghệ sĩ, nhưng tự bản chất, họ không phải là những người sinh ra đi tìm quyền lực trước mắt. Họ nhìn theo chiều dài, và chính vì thế, họ không thể thấy ngay những bất cập ngắn hạn. Như vậy, tất cả những người tham gia *Nhân văn-Giai phẩm* là một bày cừu đối với những người có lẽ chẳng hơn gì họ về mặt nhận thức, nhưng kinh nghiệm thực dụng - nhất là chuyện chiếm và giữ quyền lực - thì hơn

họ một trời một vực. Nhiều nhà quan sát và phê bình cho rằng những cá nhân như một Tố Hữu cầm hận vì phê bình nặng nề của đám văn nghệ sĩ trẻ với tập thơ *Việt Bắc*, hay một Nguyễn Đình Thi vừa cơ hội, vừa lí láu kiếm danh... là yếu tố đáng kể trong việc gây ra oan sai *Nhân văn-Giai phẩm*. Điều đó hẳn có, nhưng không phải là những yếu tố quyết định. Ở thời điểm 56-58, họ chắc chắn nem nép trước những vị đàn anh lừng lẫy như Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh... và có dịp hẳn vẫn làm thơ chúc thọ Bác một cách hết sức chân thành.

Sau hiệp 1 và 2, trận đấu hiệp 3 có lẽ không còn gì dính đến *Nhân văn-Giai phẩm*, mặc dầu xuất phát điểm chung vẫn là công cuộc GPMN bằng võ trang. Ở hiệp 3, vấn đề có khác: chiến tranh "giải phóng" đã leo thang đến mức không xuống được nếu không tạo ra một tác động quyết định. Cuộc Tổng Công Kích và Nổi Dậy nhắm mục đích đó, và đối với những người không tin vào thắng lợi qua biện pháp quân sự thì đó là một phiêu lưu nguy hiểm^v. Vấn cứ đê tam nhân là ông anh Trung Quốc sát nách, một yếu tố có tính định đoạt lên nội tình chính trị Việt Nam. Mãi sau này, trong hiệp 4 - Hậu Đồi mới - với các ông Lê Đức Anh - Đỗ Mười bảo thủ một bên, ông Võ Văn Kiệt và những đảng viên tiến bộ bên kia, hình như lịch sử tái diễn ngày nay không khác chút nào những cơn nổi da xáo thịt của Đảng từ 50 năm trước. Nhưng đấu tranh quyền lực thì đâu mà chẳng có trên chính trường. Nạn nhân, nhiều người chẳng hay biết hậu trường quyền lực, lắm khi chỉ là bung xung (proxy fight) mà phải đổ nước mắt ngậm đắng nuốt cay đắng đắng hàng mấy chục năm trời. Mới đây: "... *Câu chuyện đã già nửa thế kỷ, cái gút văn học đã từ từ được tháo gỡ: các tác giả được khôi phục, được xuất bản tác phẩm, được giải thưởng. Trần Đức Thảo được giải thưởng Hồ Chí Minh từ 2000; đầu năm nay, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm được Giải thưởng Nhà nước. Phải chăng là „vụ án" văn học đã được xếp lại? Thế sao trong tang lễ Nguyễn Hữu Đang mới đây, 10/2/2007, đại diện chính quyền, trong điệu văn còn nhắc lại „sai lầm Nhân văn-Giai phẩm"? Phải chăng là thành ngữ Nhân văn-Giai phẩm có nhiều nội hàm khác nhau?*" Ông Đặng Tiến hỏi như thế là một câu đáng hỏi.

Tôi mạo muội góp một trong những câu trả lời: nội hàm của từ kép *Nhân văn-Giai phẩm* là nước mắt. Và xin mượn Dương Tường câu: „Tôi đứng về phe nước mắt". Đó là cách tôi viếng tang lễ ông Nguyễn Hữu Đang: ông sống khôn thác thiêng, lẽ nào đi chấp nhận chuyện trẻ con trong một bài điều văn rõ là cần thêm ít nhiều văn hoá.

Phục sinh, 06-04-2007

Phụ chú:

a Chuyện truyền kỳ: Stalin chỉ hai cái ghế, bảo một là chỗ cho công-nông, còn lại cho giai cấp khác, rồi hỏi Hồ Chí Minh: ông chọn ghế nào?
b «Tài liệu do chính Đảng sau này khéo léo phổ biến khiến người dân có thể nghĩ rằng ông Hồ Chí Minh không cưỡng nổi áp lực của Stalin và Mao trong phương sách tiến hành những cải tạo xã hội kiểu XHCN giáo điều. Ngay 1953, Việt Nam ta đã phát động một chính sách điền địa bắt chước kiểu Mao bên Cộng hoà Nhân dân Trung Quốc. Bắt đầu là 4 đợt Giảm tô giảm tức, rồi sau là 5 đợt Cải cách ruộng đất, chấm dứt vào 1956, tức 2 năm sau Genève. Song song với CCRĐ là phong trào Chính đốn tổ chức, tiến hành với sự chỉ đạo của các cố vấn Trung Quốc có kinh nghiệm là Lã Quý Ba về chính trị, Vi Quốc Thanh về quân sự và Kiều Hiểu Quang về CCRĐ. Rập khuôn Trung Quốc, ta cũng phải tìm cho bằng được 5% địa chủ cường hào, tịch thu của cải - gọi là *quả thực* - để phân phát cho bần nông. Nhất Đội nhì Trời. Và qui thành phần, đem đấu tố, rồi mang trước Tòa án Nhân dân mà kết tội, nhẹ thì tù đầy cải tạo, nặng thì tử hình. Ai không chịu tham gia, tức có liên quan thành phần, và thế là cũng có tội, bị cách ly với quần chúng cách mạng, bị ruồng bỏ.» Trích Nam Dao, tập bút ký *Những con người, những bóng ma*,

NXB Văn Mới, 2005, California in lại «Việt Nam, con người từ những bóng ma», *Văn học*, 6-2005 và Talawas 4-2005.

c Tác giả *Vietnamese Communism*, Cornell University Press, 1982.

d Nam Dao, sđd.

e Nam Dao, sđd.

f Mặc dù là Đại đoàn trưởng một đoàn Cải cách, Vũ Đình Huỳnh đã cứu kịp Vương Thừa Vũ! Đặng Kim Giang, Thiếu tướng, trách nhiệm hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ, cũng thất sủng khi hoà bình lập lại. Lê Giản bị cách chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ dưới áp lực của cố vấn Lã Quí Ba với lý do Lê Giản từng là thành viên của Việt Nam Quốc dân Đảng.

g Chuyện truyền kỳ: trong ăn bữa liên hoan chia tay sau hội nghị "đạt thắng lợi", ngồi giữa hai vị trưởng đoàn của hai Chính phủ miền Nam và miền Bắc Việt Nam, Chu Ân Lai hỏi ông miền Nam có đệ đơn xin vào Liên hiệp quốc không, và nếu có, Trung Quốc sẵn sàng ủng hộ. Ông miền Bắc, tức Phạm Văn Đồng, nghe mà chết sững...

h Philippe Devillier, *Saigon-Paris-Hanoi* (1944-1947), Galimard-Julliard, Paris, 1988.

i Tham khảo những số *Nhân văn* sưu tầm trên talawas.

j Đặng Tiến, bđd.

k Xem Lê Đạt, «Nói về Nhân văn-Giai phẩm», phỏng vấn do Thụy Khuê thực hiện, Hợp Lưu, 81, 2005, và Trần Dân, *Ghi 1954-1960*, td memoire, Paris 2001.

l Theo Nguyễn Ước (Ý kiến ngắn, Talawas, 8-04-2007), luật 10/59 có sau Nghị Quyết 15 của miền Bắc (xem phần dưới). Dẫu thế nào thì luật này cũng là một bước leo thang đáng kể, bạo liệt hơn NQ 15 khi đó vẫn còn ở thế giằng co giữa 2 cách nhìn ở miền Bắc.

m Trần Văn Trà, *Hoà bình hay chiến tranh*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003.

n Nguyễn Minh Cần, «Xin đừng quên, nửa thế kỷ trước: Vấy máu Cải cách ruộng đất», *Thông luận*, 01-2003.

o Nam Dao, sđd

p Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày*, chương 15, NXB Văn Nghệ, 1997

Về tiểu thuyết lịch sử

Viết tiểu thuyết lịch sử và truyện ngắn mang đề tài lịch sử (TNLS) có phải là trốn chạy hiện tại bằng cách lẩn mình vào quá khứ? Sự xuất hiện, trong cũng như ngoài nước, của một số TNLS và tiểu thuyết lịch sử trong thập niên vừa quaⁱⁱ là động cơ để trả lời câu hỏi đặt ra, trả lời cố nhiên với câu rào đón, theo thiên kiến, thì...

Thì sao? Trước tiên, lẩn vào quá khứ, nhưng quá khứ nào? Chính sử – thường kể những chuỗi biến cố và nhân vật sắp xếp lại thế nào để củng cố quyền lực đương đại – vẽ ra cái quá khứ với ý đồ biện hộ tính cách chính danh một triều chính. Tất nhiên, tốt đẹp phô ra. Xấu xa ta đậy lại. Và viết tiểu thuyết lịch sử theo cái quá khứ đó, nhà văn trở thành đồng lõa với quyền lực chính trị, làm công việc kẻ lông mày cho xác chết? Nhưng thế, để làm gì? Đi về đâu? Nhất là một khi người viết chẳng khác gì kẻ tô son vẽ phấn lên mặt mũi đã nhợt nhạt sinh khí trong phòng lạnh những nhà quan với những vòng hoa cườm!

Với một nhà văn, lịch sử không là những xác chết và những sự cố biên niên ù lì. Trong tiểu thuyết lịch sử, quá khứ là lịch sử nhìn bởi nhà văn, nhà văn như chủ thể. Đó là thứ quá khứ tái chiếm hữu và tái tạo từ vị thế hiện tại của chủ thểⁱⁱⁱ, với ý thức về giới hạn của sự truy lùng chân lý «khách quan», một từ lẽ ra không bao giờ nên có ngoài cái chúng ta quen miệng gọi là khoa học tự nhiên! Để tái chiếm hữu lịch sử, nhà văn phải nhìn ngược thời gian với một quan điểm triết lý (duy vật, duy tâm, biện chứng này nọ...), từ đó suy xét phân giải những sự cố, và thậm chí phán xử, cách này hay cách khác, những con người có tên tuổi trong chính sử. Minh

oan, buộc tội... tùy nặng nhẹ, nhà văn bắt họ đội mồ đứng dậy. Nguyễn Huy Thiệp và Trần Vũ trong những TNLS nặng về phán xử^{iv}. Nguyễn Mộng Giác thiên về phân giải một thời tao loạn. Hoàng Khởi Phong thì đánh thức Đề Thám từ một khúc hùng ca vang vọng núi đồi Yên Thế.

Tiếp cận quá khứ từ vị thế hiện tại dĩ nhiên đèo bồng vào lịch sử được tái tạo qua tiểu thuyết những vấn nạn hiện tại. Ở điểm này, đèo bồng đó đến khi thì từ ý thức, khi vô thức, nhưng ít hay nhiều đều nhằm truy nguyên nguồn căn của những vấn nạn, vì lẽ hiện tại nào cũng là tổng hợp những thành tựu và những thất bại trong quá khứ. Dưới mặt nổi của đời sống hôm nay có bao nhiêu dấu vết những người trăm năm cũ- tựa sách Hoàng Khởi Phong - tưởng như là không còn. Những dấu vết đó hiển nhiên là Sinh lý qua truyền giống, Tâm lý qua văn hóa. Rời Trí tuệ. Và cả Tâm linh. Nói gộp, đối tượng của tiểu thuyết lịch sử chủ yếu là văn hóa, không phải là sự cố và những con người có tên trong lịch sử. Xin được trích Lời Ngỏ trong tiểu thuyết Gió Lửa:

«...Nhưng nói cho cùng, lịch sử vẫn là sản phẩm của những con người suy tư và hành động trong một mẫu hình văn hóa nhất định. Vậy thì yếu tố nào trong mẫu hình kia có thể là nguồn căn của những cuộc nội chiến mà ta là nạn nhân của chính ta?...Tránh cho cảnh máu lại đổ lệ lại rơi, không thể không đặt cả cái mẫu hình văn hóa đó lên bàn giải phẫu để suy ngẫm, hội chẩn, và rồi cắt bỏ những phần nhiễm độc trong tâm thức. Chỉ có như vậy, phần nào tương lai mới rõ nét ngõ hầu hiện tại cựu mang được hy vọng... ».

Phần nói trên, là mặt tiếp cận quá khứ từ hiện tại. Mặt ngược lại, tiểu thuyết lịch sử mang khả năng phê phán hiện tại qua cách đảo ngược và xoay ngang những sự cố cũng như tính chất những con người trong quá khứ^v. Tưởng tượng, Nguyễn Huệ không chết sớm, Minh Mệnh không tàn sát giáo dân, Tự Đức nghe và làm theo điều trần của Nguyễn Trường Tộ, vv...thì hôm nay thế nào? Với cách nhìn như vậy, hiện tại mang cái khả năng " khác được ". Tiểu thuyết lịch sử, trên quan điểm này, không trốn chạy. Lấn vào quá khứ để chiếm hữu và tái tạo lịch sử, tiểu thuyết là sự dẫn thân của nhà văn nhằm phục sinh một hiện tại cần tháo gỡ hầu thoát khỏi những bế tắc tiêu vong^{vi}. Vì thế, tiểu thuyết lịch sử hoá ra một tập hợp những dự phóng về một tương lai có thể có được. Chính sự khả hữu này làm đổ mồ hôi trong công việc viết văn. Và tiểu thuyết lịch sử, nói cho cùng, phải là máu cũng như nước mắt người viết.

Như vậy, viết không phải là chỉ để chơi trò chữ nghĩa. Chữ - như điều kiện cần trong văn chương - đã đành. Còn Nghĩa. Và biết bao nhiêu hoài bão.

Nam Dao
Quebec
31-03-02

i Nhân đọc Nguyên Xuân Hoàng, Tiểu thuyết lịch sử, tại sao? Văn số 63-64.

ii Sự phân định giữa truyện ngắn và tiểu thuyết không phải chỉ ở cấu trúc mà còn ở lượng chuyển tải nội dung. Xem (vi) về một tiêu điểm.

iii Tạm kể về tiểu thuyết lịch sử: N M Giác: Sông Côn Mùa Lũ (tái bản NXB Văn Nghệ, California 2001); Nam Dao: Gió Lửa (NXB Thi Văn, Canada 1999), Đất Trời (Văn Mới, California 2002); Hoàng Khởi Phong: Người Trăm Năm Cũ I, II (NXB Người Việt, California 2002); Nguyễn Văn Khánh: Hồ Quý Ly (NXB Phụ Nữ, Hà Nội, 2001). Về TNLS: Trần Vũ: Cái Chết sau Quá Khứ (NXB Hồng Lĩnh, California 1992), Nguyễn Huy Thiệp: Như Những Ngọn Gió (NXB Văn Học, Hà Nội 1995). Đây chỉ là tạm kể, mong các nhà nghiên cứu văn học chịu khó bổ túc cho.

iv Trích Lời Ngỏ trong Gió Lửa :«... Ngoài dòng chính sử, còn có phần lịch sử hình thành qua trí tưởng tượng, óc phán đoán, và cao hơn là sự cảm nhận từ quá khứ những vấn đề của con người và xã hội hiện vẫn tồn tại. Ở đây, biến cố lịch sử trở thành đối tượng đem soi dưới lăng kính chủ quan, nhào nặn lại để rồi, qua ngòi bút người viết, thành tiểu thuyết dã sử. Hiểu như vậy, không ai phủ nhận được phần trách nhiệm của những tiểu thuyết dã sử. Soi rọi vào những vấn đề nhân quần xã hội và thân phận con người trong quá khứ là một cách đi tìm sự sống tàng ẩn trong lịch sử. Lịch sử đó là lịch sử sống. Nó tạo được khả năng nhìn vào tương lai dưới một góc độ nào đó. Chỉ kể ra những biến động và sự cố, loại chính sử biên niên đơn thuần ghi lại lịch sử chết. Nó thường bị ít nhất là một trong hai con mắt ta lại.»

v Họ qua Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh... để phán xử sự hung tàn của quyền lực. Có lẽ vì thế mà Điều 22 trong Luật xuất bản của nhà nước CHXHCNVN nêu rõ: Nghiêm cấm các xuất bản phẩm có nội dung : 1,2,3...và 4. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc.

vi Xem (v) để công nhận sự tinh vi của điều 22 nói trên.

vii Trích Lời Ngỏ trong Đất Trời :«... ..Thắng một cuộc chiến giành độc lập không phải chỉ có gươm giáo súng đạn đuổi giặc. Thắng, tối thiểu là giữ được văn hiến, gọi rộng ra là văn hóa. Thắng lớn, là phát triển văn hóa của mình. Giành được độc lập mà dân kiệt sức thì xã hội rã rã để buông thả vào những mô thức rập khuôn. Một khi đó lại là mô thức của những kẻ ngoại xâm thì thắng hóa ra là bại. Thời Nguyễn Trãi, dẫu có giữ được sức dân, nhưng rút cục nhà Hậu Lê phải dựa dẫm vào mô hình phong kiến Tống Nho. Cuộc chiến giành độc lập thời Minh thuộc chỉ tạo lại một guồng máy quan nha bản địa. Thế thì độc lập để vậy ư ? Thắng rồi không biết mình là ai, là gì ? Rút cục, thắng hay bại ? Và tại sao ? ».

Nam Dao/Nguyễn Mộng Giác

Như đã loan trên số báo trước, Văn Học xin đăng tải cuộc đối thoại bằng e-mail giữa nhà văn Nam Dao và nhà văn Nguyễn Mộng Giác về Tiểu thuyết lịch sử , lấy hai cuốn tiểu thuyết có chung một bối cảnh lịch sử là thời Tây Sơn (Gió Lửa của Nam Dao và Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác) làm căn cứ để thảo luận. Văn Học hy vọng trong thời gian tiếp theo, sẽ có nhiều văn hữu tham gia cuộc thảo luận hữu ích này.

Nguyễn Mộng Giác

Trước hết, xin thú thực với anh là đọc những cuốn tiểu thuyết lịch sử của anh (Gió Lửa, Đất Trời) vất vả hơn đọc các truyện ngắn và kịch của anh rất nhiều. Đó là kinh nghiệm của riêng tôi, không biết các độc giả khác thế nào. Tôi tự tìm hiểu, và thấy hình như khả năng thường thức tác phẩm văn chương của mình có phần cổ điển, và bị giới hạn của kiến thức. Tôi thích những vở kịch của anh nhất, sau đó mới tới truyện ngắn, rồi tiểu thuyết lịch sử. Lại tần mẫn tự tìm hiểu thêm, tôi nghĩ có lẽ khi anh dùng thể loại nào có chung một trục qui chiếu và thói quen cảm thụ với tôi, tôi dễ thông cảm với anh hơn khi anh dùng những thể loại có trục qui chiếu khác. Trở lại thể loại tiểu thuyết lịch sử, đề tài chúng ta thảo luận hôm nay. Khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi vẫn nghĩ mình đang viết một cuốn TIỂU THUYẾT-LỊCH SỬ, nghĩa là đang chịu những qui luật thành văn hay bất thành văn của hai thể loại “tiểu thuyết” và “lịch sử”. Tiểu thuyết, nói cho cùng (trừ những thí nghiệm khai phá muốn làm khác đi mà thất bại nhiều hơn thành công) là một thể loại văn chương nhằm thỏa mãn nhu cầu muốn ngóng chuyện thiên hạ của người

đời. Người viết tiểu thuyết là người kể. Người đọc tiểu thuyết là người muốn nghe kể. Người kể chuyện, giống như ông thầy đứng trên bục giảng giảng bài cho sinh viên ngồi phía dưới, phải kể thế nào để người nghe hiểu được câu chuyện của mình, nghĩa là cả hai bên phải nói cùng một ngôn ngữ, dùng cùng một tần số cho tín hiệu phát và thu, có chung một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt. Mà theo tôi, căn bản của tiểu thuyết là chuyện thế sự, là chuyện con người và cuộc đời. Ngay cả những tiểu thuyết truyền kỳ hay viễn tưởng bạo dạn nhất như truyện kiếm hiệp Kim Dung, phim khoa học giả tưởng Mỹ, truyện ma quỷ của Bồ Tùng Linh, truyện thần kỳ như Tây Du Ký, căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyền tưởng ấy cư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả. Con người, đời sống trong tiểu thuyết cần thiết cho thể loại này hơn bất cứ thể loại nào khác. Nếu Nguyễn Du viết một thiên tiểu luận sâu sắc về thuyết “tài mệnh tương đố” chắc ngày nay không ai thèm đọc, nhưng ông lại làm khác đi, thuật rất tài cái ghen lạ lùng của Hoạn Thư, tả rất giỏi cảnh lầu xanh ở tận bên Tàu. Xét về tư tưởng, Nguyễn Du là một nhà tư tưởng xoàng. Nhưng ông là một tiểu thuyết gia đại tài, một nhà thơ lớn. Còn nếu hỏi tả cái ghen hay như Nguyễn Du thì ích lợi gì, tả cảnh lầu xanh giỏi rồi... “so what?” thì lại qua một vấn đề khác.

Về “lịch sử”, hình như tôi cũng nhìn khác anh. Khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi chú trọng phần tiểu thuyết hơn phần lịch sử. Nhưng trong phần lịch sử, tôi không dám mạnh tay gạt phăng những gì còn ghi lại trong tài liệu lịch sử. Tôi chia nhân vật Sông Côn Mùa Lũ làm hai tuyến: tuyến những nhân vật lịch sử, tôi giữ lại những nét chính, chỉ giải thích hoặc cải chính những sự kiện lịch sử theo quan điểm của tôi, như giải thích vai trò mờ nhạt của Nguyễn Lữ, tô đậm con người văn hóa và dung tục của Nguyễn Huệ, công lao và vai trò lịch sử của Nguyễn Nhạc, thực lực và giá trị tượng trưng của La Sơn phu tử... Tuyến thứ nhì là đám đông dân chúng vô danh không ghi trong sử sách. Chính ở tuyến này tôi tự do tưởng tượng và dùng họ để diễn giải lịch sử theo ý mình, và qua họ, cho lịch sử thêm phần da thịt của tiểu thuyết.

Tôi giải thích dài dòng như thế về quan điểm viết tiểu thuyết lịch sử của tôi, để xin anh giải thích nhận định sau đây của anh Phạm Trọng Luật trên Hợp Lưu số 62 (Xuân Nhâm Ngọ tháng 12/2001 & 1/2002):

“Gió Lửa là tiểu thuyết lịch sử, đúng như tác giả đã giới thiệu, tất nhiên. Nhưng Gió Lửa của Nam Dao không đơn giản chỉ là một truyện dài về những biến động và con người trong đời sống chính trị xã hội Việt Nam, vào thời điểm Trịnh tàn Lê mạt ở cuối thế kỷ 18. Có gì trong mẫu hình văn hóa của chúng ta khiến đất nước này luôn luôn bị rình rập bởi một cuộc nội chiến? Đây là câu hỏi xuyên suốt từ quá khứ đến tương lai, mà bản thân tập truyện là lời giải đáp của chính tác giả. Bằng một câu hỏi tương tự, Nam Dao dường như muốn mời gọi độc giả thử nghiệm thêm một cách đọc khác. Với Gió Lửa, ngoài lối thường thức thông thường về khả năng tưởng tượng hay nghệ thuật hư cấu trong tiểu thuyết, ngoài cả sự thẩm định về tính đích thực hay tính chính xác của lịch sử, hãy cùng tác giả suy ngẫm về sự lặp lại của một phong cách hành xử và sự thích đáng của một mô hình tâm lý xã hội trong tác phẩm”

Nếu tôi không làm, thì nhận định của anh Phạm Trọng Luật cũng là nhận định của anh khi viết Gió Lửa:

Tìm hiểu nguyên do của một mẫu hình văn hóa VN từng khiến dân tộc chúng ta liên miên chìm đắm trong nội chiến và bạo lực, xây dựng một mô hình mới thích đáng hơn. Đó là những tư tưởng lớn cao vọng lớn. Nhưng giao phó những cao vọng và tư tưởng lớn ấy cho tiểu thuyết, liệu có nặng nề lắm không, cho tiểu thuyết gia? Liệu có thích hợp không, cho thể loại tiểu thuyết? Qua cách anh “mạnh tay” nặn lại tiểu sử Nguyễn Lữ, hay bạo dạn xây dựng một nhân vật thông kim bác cổ như Trọng Thức, tôi nghĩ anh “dùng” tiểu thuyết và lịch sử như những “phương tiện” để trình bày tư tưởng và cao vọng của anh. Nếu thực như thế, tại sao không viết thẳng các tư tưởng ấy ra bằng một biên khảo xã hội học?

Nam Dao

Về tiểu thuyết, anh viết:

Tiểu thuyết, nói cho cùng (trừ những thí nghiệm khai phá muốn làm khác đi mà thất bại nhiều hơn thành công) là một thể loại văn chương nhằm thỏa mãn nhu cầu muốn ngóng chuyện thiên hạ của người đời... Người viết tiểu thuyết là người kể. Người đọc tiểu thuyết là người muốn nghe kể. Người kể chuyện... phải kể thế nào để người nghe hiểu được câu chuyện của mình, nghĩa là cả hai bên phải nói cùng một ngôn ngữ, dùng cùng một tần số cho tín hiệu phát và thu, có chung một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt. Mà theo tôi, căn bản của tiểu thuyết là chuyện thể sự, là chuyện con người và cuộc đời... (Trong tiểu thuyết) căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyền tưởng ấy cư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả.

Điểm cốt tử của những nhận định trên ở về cuối tôi vừa trích. Tôi lan man một chút rồi sẽ bàn đến điểm này. Trước hết, tôi nghĩ rằng khi độc giả có tác phẩm trong tay, thử đọc, rồi gấp sách lại và quên tác phẩm đi thì quả thật tác giả không thể bảo rằng mình thành công với độc giả đó. Số độc giả có phản ứng tương tự là số đồng, ở thời điểm (đại) này, tác giả tất chỉ còn hy vọng rằng độc giả ở một thời điểm (đại) khác sẽ có phản ứng thuận lợi hơn. Tác giả, vì thế, phải làm thế nào để độc giả (thường là một mẫu hình trừu tượng) không gấp sách lại, bị ám ảnh. Thậm chí, ở mức hấp dẫn cao hơn, độc giả đó bị tác phẩm đẩy đến tình thế phải rà soát lại một số giá trị, quan điểm, nhận định. Và cuối cùng, anh ta thay đổi một số suy tư... trong khi, và nhất là sau khi, đọc tác phẩm. Và vì thế, dấu đồng ý với anh là... (Trong tiểu thuyết) căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm, nhưng tôi không hoàn toàn chia sẻ rằng văn chương chỉ nhằm... thỏa mãn nhu cầu muốn ngóng chuyện thiên hạ của người đời và bắt buộc rằng, bên kể và bên nghe chuyện, hai bên phải nói cùng một ngôn ngữ, dùng cùng một tần số cho tín hiệu phát và thu, có chung một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt.

Gần như một sự tất yếu, căn bản của tiểu thuyết là chuyện thể sự, là chuyện con người và cuộc đời... Nhưng anh viết (Trong tiểu thuyết) căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyền tưởng ấy cư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả. Tại sao? Anh nghĩ thế nào về nhân vật Don Quichotte trong tiểu thuyết của Cervantes? Bó nhân vật tiểu thuyết vào tâm thế, kiến thức của độc giả (nhưng độc giả nào? Là mẫu trừu tượng trong ý thức người viết?) dĩ nhiên là phát và thu cùng một tần số, nhưng điều này có đem lại được sự hấp dẫn nói rộng ở phần trên không? Muốn mới, nghĩa là có sáng tạo, tôi nghĩ tác giả phải nhắm phá vỡ một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt đã trở nên cái đã xuất hiện, mà xuất hiện nhiều lần thì dễ nhàm, và do đó tất nhiên không có khả năng hấp dẫn ở mức cao nhất là đổi cách nhìn của người đọc. Ở đây, xin nói thêm là tôi không hề có cái vé văn dĩ tải đạo trong đầu. Làm gì có cái đạo, hiểu như một tập hợp giáo điều luân lý, mà thật ra, lương thiện mà nói, chỉ có trong tác phẩm cách thế chủ quan của tác giả trước sự đời, sự người. Vì vậy, tôi luôn luôn xác nhận trách nhiệm của người viết. Anh ta muốn chia sẻ, thuyết phục người đọc. Và người đọc hành xử theo trách nhiệm của mình.

Về lịch sử, anh viết:

Về "lịch sử", hình như tôi cũng nhìn khác anh. Khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi chú trọng phần tiểu thuyết hơn phần lịch sử. Nhưng trong phần lịch sử, tôi không dám mạnh tay gạt phăng những gì còn ghi lại trong tài liệu lịch sử. Tôi chia nhân vật Sông Côn Mùa Lũ làm hai tuyến: tuyến những nhân vật lịch sử, tôi giữ lại những nét chính, chỉ giải thích hoặc cải chính những sự kiện lịch sử theo quan điểm của tôi, như giải thích vai trò mờ nhạt của Nguyễn Lữ, tô đậm con người văn hóa và dung tục của Nguyễn Huệ, công lao và vai trò lịch sử của Nguyễn Nhạc, thực lực và giá trị tượng trưng của La Sơn phu tử... Tuyến thứ nhì là đám đông dân chúng vô

danh không ghi trong sử sách. Chính ở tuyến này tôi tự do tưởng tượng và dùng họ để diễn giải lịch sử theo ý mình, và qua họ, cho lịch sử thêm phần da thịt của tiểu thuyết.

Quan niệm về Lịch Sử của tôi quả có khác: Tôi bị ảnh hưởng công việc chuyên môn, là khảo sát tính Động trong Kinh Tế và Môi sinh. Cho ba vật thể có chuyển động và để những chuyển động đó tương tác lên nhau (problème des 3 corps của H. Poincaré), tính động của cả hệ thống có khả năng trở thành không thể dự đoán, không có qui trình: hệ thống tiềm ẩn khả năng loạn động (dynamic chaos), có những điểm nhảy nhồm không liên tục (R. Thom, R. May), vv... Lịch sử xã hội, biết bao nhiêu yếu tố Động, và cái khả năng loạn động nói trên là có. Hệ thống loạn hay không, thật chỉ vì một yếu tố tưởng là nhỏ (cái vẩy cánh của một con bướm ở Costa Rica có thể là nguyên nhân cho một trận bão lớn ở Bắc Kinh, chẳng hạn), và thường là sinh ra do ngẫu nhiên. Vì thế, cái khiến tôi chú tâm là khả năng chuyển đổi của lịch sử. Câu hỏi trong công việc của tôi luôn luôn là: tại sao nó thế này mà chẳng thế khác (trong Gió Lửa, tại sao nước ta không canh tân như Nhật vào thế kỷ 17, 18? Tại sao khối văn hóa Hán với tư tưởng chủ đạo Khổng Mạnh ù lì trong khi Âu Châu, chiếm ưu thế kỹ thuật, đã sản sinh vào thế kỷ 18- 19 ra những tư tưởng về Dân chủ, quyền con người...? Giá mà Nguyễn Huệ không chết sớm thì ?????). Dĩ nhiên, cái thế này so với cái thế khác nói lên cái khao khát, hoài bão, và là những chọn lựa có ý thức của cá nhân tôi (đã thừa ở trên là văn chương, với tôi, không chỉ phục vụ nhu cầu ngóng chuyện thiên hạ, giải trí, tìm thấy mình vì những nhân vật huyền tưởng trong tiểu thuyết hư xử y như độc giả), những chọn lựa liên hệ mật thiết đến hiện tại một xã hội (là nước ta) và nhất là tương lai xã hội ấy. Nói như vậy, Gió Lửa là loại tiểu thuyết có luận đề (roman à thème), như tôi có nói rõ (để khẳng định trách nhiệm của người viết), cũng cùng nhận định như của Phạm Trọng Luật. Trong bài đó, cách nhìn Gió Lửa qua tổng quan của Weber là một cách nhìn tôi chia sẻ một phần. Thật ra, tôi có khuynh hướng diễn giải lịch sử một cách biện chứng hơn, và thích thú quan điểm của anh Tạ Chí Đại Trường khi anh đề cập đến sự xuất hiện một tầng lớp con buôn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hữu Chính), nhưng họ chưa có khả năng hoán đổi lịch sử...

Tôi xin khoan nói đến những điều đó, nay tâm sự đôi điều. Viết Gió Lửa là viết sau khi tôi đã dứt bỏ mọi ràng buộc tâm lý với những quyền năng quyền lực đương đại, giữ cho mình sự tự do gần như tuyệt đối, và chỉ chịu sự “kiểm duyệt” của chính mình và riêng mình mà thôi. Vì thế, Gió Lửa thai nghén hàng chục năm, sinh nở ở nơi không có kìm kẹp mà cũng chẳng phải là chuyện mẹ tròn con vuông. Hoàn cảnh Gió Lửa, khác xa với Sông Côn Mùa Lũ. Thế nhưng trong Sông Côn Mùa Lũ, anh vẫn giữ được cái tâm thế tương đối ung dung, đôi khi đến bàng quan, trong khi giai đoạn lịch sử trong Sông Côn Mùa Lũ là một giai đoạn đầy biến động...Độc, tôi đi tìm phần hồn của tác giả. Và đây là điều ngạc nhiên đầu tiên của tôi. Anh có thể nào cho tôi biết thêm về cái tâm thế của anh khi làm một công việc dài hơi là Sông Côn Mùa Lũ, trong một tình thế sống có thể coi là ngặt nghèo, về cả tinh thần lẫn vật chất?

Nguyễn Mộng Giác

Anh chưa trả lời câu hỏi của tôi, vì như anh đã viết, cả hai quan niệm về tiểu thuyết và lịch sử của chúng ta đều có nhiều khác biệt. Tôi xin trả lời về những câu hỏi của anh về tiểu thuyết trước, sau đó mới trả lời câu hỏi anh nêu ra ở cuối thư.

Anh nêu trường hợp Cervantes viết Don Quichotte để gián tiếp biểu lộ sự bất đồng với tôi khi tôi viết: “Căn bản của tiểu thuyết là chuyện thế sự, chuyện con người và cuộc đời...căn bản hấp dẫn lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyền tưởng ấy hư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả”. Vâng, thưa anh, tác phẩm của Cervantes có thể xem là một dấu mốc quan trọng của lịch sử về tiểu thuyết, không phải vì Cervantes đặt hẳn ra một trục qui chiếu mới, một thang giá trị mới vượt ra khỏi nhân gian, mà vì ông đã lật mặt nạ những hiệp sĩ trong các sử thi hoành tráng, cho độc giả thấy cái

yếu đuối, tầm thường, đáng thương của con người, nghĩa là đã kéo những mẫu hình lý tưởng do lý trí đặt định xuống tầm thấp thực sự của họ. Cervantes lớn lao vì ông xác định được vai trò của tiểu thuyết trong tiến trình của tiểu thuyết Âu châu. Tiểu thuyết không phù trợ tôn giáo và quyền lực để tô hồng những mẫu hình lý tưởng do các định chế ấy đặt hàng. “Lý do hiện hữu của tiểu thuyết là khám phá những gì mà chỉ có tiểu thuyết mới khám phá được”, như Milan Kundera viết trong *The Art of the Novel*. Lịch sử ghi ngày đó tháng đó một ông tổng thống đọc bài diễn văn hùng hồn phát động một cuộc chiến tranh “trừ bạo”. Tiểu thuyết gia không quan tâm tới nội dung bài diễn văn đó. Không cần đọc, đã biết trong đó chỉ chứa những lời sáo và rỗng. Tiểu thuyết gia tò mò muốn biết trong thời gian soạn thảo bài diễn văn đó, đám quần thần của tổng thống đã nói những gì, ai vắng tục khi nghe ý kiến mình bị phản bác, ai ngay ngáy lo bị ông tổng thống cách chức vì nịnh không được khéo, buổi tối trước ngày tuyên chiến bà vợ ông tổng thống có cho ông ngủ yên để ngày mai ông đủ sức khỏe biểu diễn sự hùng hồn cần thiết hay không. Tiểu thuyết gia cũng quan tâm tới những gì xảy ra cho người dân thường sau khi tổng thống tuyên chiến. Các bà vợ lính nghĩ gì, các bà mẹ có con sắp nhập ngũ lo âu thế nào... Toàn những chuyện ai cũng biết, nhưng ai cũng quên khi có những lời phỉnh nịnh hảo huyền rót vào tai họ. Nhờ Cervantes mở đường mà tiểu thuyết Âu châu về sau càng ngày càng đào sâu vào sự thực của con người và cuộc đời, nhờ thế con người qua tiểu thuyết ngày càng phong phú, huyền nhiệm, khó hiểu, không dễ dàng xếp họ vào một phạm trù có sẵn nào, kể cả phạm trù thiện ác, tốt xấu, chính tà. Nguyễn Du không cần Cervantes khai thị vẫn tạo ra được những mẫu nhân vật tiểu thuyết rất mới: chúng ta thử hỏi Thúc Sinh, Hoạn Thư là người thiện hay ác, tốt hay xấu? Khó trả lời lắm!

Tôi xin dành phần trả lời của tôi về lịch sử cho lá thư sau, để xin trả lời câu hỏi anh đặt ra cuối thư. Anh viết: “Hoàn cảnh Gió Lửa khác xa với Sông Côn Mùa Lũ. Thế nhưng trong Sông Côn Mùa Lũ, anh vẫn giữ được cái tâm thế tương đối ung dung, đôi khi đến bàng quan, trong khi giai đoạn lịch sử trong Sông Côn Mùa Lũ là một giai đoạn đầy biến động. Đọc, tôi đi tìm phần hồn của tác giả. Và đây là điều ngạc nhiên đầu tiên của tôi. Anh có thể nào cho tôi biết thêm về cái tâm thế của anh khi làm một công việc dài hơi là Sông Côn Mùa Lũ, trong một tình thế có thể coi là ngặt nghèo, về cả tinh thần lẫn vật chất?”

Vâng, tôi viết Sông Côn Mùa Lũ trong bốn năm từ 1977 đến 1981, là thời khổ nhọc gian nan nhất của đời tôi. Tôi có viết về chuyện này trong một bài nhan đề “Nhìn lại những trang viết cũ” đã đăng trên tạp chí Việt ở Uùc, và đã đăng lại trên Văn Học số 167 (tháng Ba năm 2000). Có thể nói những năm sống dưới chế độ Cộng sản sau tháng Tư 1975 đã làm cho tôi “chín” hơn. Trước 1975 tôi viết theo kinh nghiệm của người khác, cho người khác. Sau 1975, tôi viết theo kinh nghiệm của tôi, và viết cho tôi. Cuộc sống cả vật chất lẫn tinh thần quá ngặt nghèo, bất trắc; trong cùng khổ con người trở thành cùn mẫn tráo trở; trong sợ hãi mọi người co mình lại bảo vệ lấy bản thân hoặc hại người khác để mua lấy sự an toàn giữa cơn bão; những kinh nghiệm xót xa ấy, tôi nếm đủ. Khi bị hoạn nạn, dĩ nhiên bạn bè đều xa lánh. Chẳng những thế, họ còn nói thêm vào để người chịu nạn bị tội nặng hơn. Ban đầu, tôi ngỡ ngàng. Nhưng về sau, tôi hiểu. Họ vẫn hiểu tôi, thương tôi. Nhưng họ bất lực, không giúp gì cho tôi được. Rồi họ áy náy, cảm thấy lương tâm không yên. Rồi để cho lương tâm ngủ yên, họ phải tìm cách chứng minh rằng tôi đáng tội, họ không can thiệp là phải. Không có lửa sao có khói. Vô tình họ biện hộ cho người vung vãi quyền sinh sát lên đầu nạn nhân là người thân người quen của họ.

Với những kinh nghiệm chua chát ấy, đáng lẽ tôi phải thét lên căm hờn. Sông Côn Mùa Lũ đáng lẽ phải là cơn bão lửa. Nhưng không! Những chương chính trong Sông Côn Mùa Lũ tập 4, tôi viết giữa hai lần ở tù. Phần Kết từ viết sau khi được phóng thích khỏi Trại giam Cựu Chiến binh Vũng Tàu. Và như anh đã ghi nhận, khó tìm ra dấu vết những nhục nhằn gian khổ ấy trên các trang viết của tôi. Anh hỏi Tại sao?

Có lẽ là do bản tính của tôi. Tôi vốn nhút nhát, vụng về trong giao tế, phản ứng chậm trước các thử thách. Mỗi lần bị hãm hại hoặc bị chửi bới, dĩ nhiên phản ứng đầu tiên là giận dữ. Giận đến lú lưỡi nói cà lăm nên không thể trả miếng ngay người chửi mình. Chờ cho hết cà lăm, thì cái tính nhút nhát thụ động lại chi phối. Tôi tìm ra được những thắng lợi tinh thần theo kiểu Á Q., và

thế nào cuối cùng tôi cũng đi đến kết luận: Họ đáng thương hơn đáng ghét. Anh đọc kỹ chắc thấy Phần Kết từ của Sông Côn Mùa Lũ đầy cả lòng xót thương. Dấu vết của một thời loạn ly trong truyện của tôi đó.

Tôi đã viết kỹ hơn về chuyện này trên Văn Học số 176. Để anh khỏi mắt thì giờ lục lại đồng báo cũ, tôi xin trích lại một đoạn liên hệ:

“ Nguyên nhân sâu xa, là từ bản tính của tôi. Nhìn lại gần trọn đời mình, tôi xếp tôi vào loại “thường thường bậc trung” như đại đa số những người quanh tôi. Gia cảnh trung bình đủ ăn, kiến thức vừa đủ để hiểu những vấn đề thông thường, tính tình thì cũng nhàn nhạt không có gì độc đáo, nổi bật giữa đám đông. Trong Mùa Biển Động tập III, tôi đã tự vẽ chân dung mình khi cho Ngữ quan sát ông Văn bằng những dòng như sau: “Ngữ nhớ ông Văn qua hình ảnh một ông thầy cung cách chững chạc, mặc áo sơ mi trắng thắt cà-vạt, đứng trên bục gỗ giảng giải say sưa lời hay ý đẹp của cổ nhân. Lờ ông trầm bổng theo vui buồn của văn chương, từ cảnh bị rịn tiền đưa chồng ra trận trong Chinh Phụ Ngâm cho đến cảnh chết đứng của Từ Hải..Ông Văn trở thành mẫu mực của sự lựa chọn trầm tĩnh, của sự chịu đựng hiên ngang, của sự lặng lẽ đạt đạo. Ngữ vô tình thêm thất cho cha nhiều nét cao cả để làm cái mộc che mình, suy diễn những yếu đuối của cha thành sức mạnh tinh thần, nên chàng không khỏi hụt hẫng khi nhận ra rằng ông Văn cũng chỉ là một người bình thường như mọi người bình thường trên đời. Ông chậm chạp hơn là chững chạc. Ông rụt rè hơn là trầm tĩnh. Cách nói, ngay cả nói chuyện với con, vẫn dè dặt giữ kẽ hơn là hùng hồn thuyết phục. Một người “thường thường bậc trung” như thế, khó lòng sáng tạo ra những mẫu đời phi thường. Thay vì rán rướn lên tầm cao của những anh hùng liệt nữ, tôi lại kéo họ xuống thấp ngang tầm của tôi. Điều đó không tránh được. Dù tác giả có nguy trang khéo léo cách nào, nhân vật tiểu thuyết vẫn luôn luôn là bản sao của chính người viết. Thế giới tiểu thuyết là bản ngã tác giả phóng chiếu ra ngoại giới, tạo thành một thế giới mang trọn bản ngã ấy. Giới phê bình vẫn xưng tụng lối viết khách quan như một mẫu mực của tiểu thuyết. Đó là luật lệ dành cho đa số. Những tiểu thuyết gia bậc thầy như Feodor Dostoievski hay Milan Kundera xem thường luật tắc đó, nói thẳng với độc giả đây là những hình nộm tôi nặn ra để chúng thay nhau nói hộ tôi, sống hộ tôi. Trong khi nhiều nhà văn khác thích chọn những mẫu người phi thường, khác thường, dị thường, bản tính khiến tôi thích chọn những mẫu người, mẫu đời bình thường, tầm thường. Suy từ mình, tôi định nghĩa con người bình thường là con người thụ động, ích kỷ, nhút nhát, rụt rè trước quyền lực, làm được cái gì cao cả cũng phải bị hoàn cảnh thúc đẩy đến chỗ không có lựa chọn nào khác, và khi ra khỏi hoàn cảnh đặc biệt ấy, lại trở về với lối sống tầm thường cố hữu. Trong hai bộ trường thiên của tôi, ngay cả trong Sông Côn Mùa Lũ mà một trong những nhân vật chính - Nguyễn Huệ - là anh hùng dân tộc, nhân vật tiểu thuyết tôi dựng nên đều nói năng, hành xử, suy nghĩ, vui buồn theo tâm lý thường tình. Nguyễn Huệ của tôi không giống Nguyễn Huệ trong sách báo Miền Bắc, cũng không giống Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Thiệp. Có độc giả bảo đọc Sông Côn Mùa Lũ sao thấy Nguyễn Huệ thân quen gần gũi quá, không cách biệt oai vệ như trong sử sách. Tôi trả lời chỉ vì quý vị cũng thường thường bậc trung như tác giả Sông Côn Mùa Lũ, và chúng ta xài chung một món hàng thích hợp với khẩu vị. Đơn giản thế thôi.”

Nam Dao

Tôi vẫn nhớ câu anh hỏi, thế thì tại sao không viết “tiểu luận về...”, mà lại chọn tiểu thuyết để...Anh biết là “cẩn rắng” viết hàng trăm trang, lại làm cái nghề chuyên “tiểu luận” (về kinh tế) mà dám chuyển sang cái công việc viết văn (lại xông thẳng vào truyện dài về những vấn đề khá tổng hợp là lịch sử), lại bắt tay vào làm ở cái tuổi “tri thiên mệnh”, thì tôi quả là liều kiêu thí mạng cùi điếc không sợ súng. Nhưng trước khi “liều” mình (qua cái vốn thời gian ngày càng hạn hẹp với chúng ta), tôi bản khoăn trăn trở chẳng phải hàng năm mà là hàng chục năm, và hẳn tôi chẳng thể tránh né, sẽ trả lời anh. Nhưng xin anh cho khát vào đoạn cuối cuộc trao đổi thú vị này: tôi trả lời liền, nhờ chúng ta hết chuyện (chứ không phải truyện) ngay mắt thì sao?

Quay về Sông Côn Mùa Lũ. Tập 1, chuyện anh viết về “phát cò”, phát cò thì cò nào cũng được, miễn là thắng. Đọc câu ấy, tôi liền tưởng đến “ba ngọn cò” trong các bài nói về chính sách cách mạng vào thập niên 70, kéo cho đến thời kỳ gần cuối 80. Tập 4, anh nói về thân phận những người “chân đất”, hỏi rằng với cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã dẫn đến sự thiết lập một Đế chế mới với hoàng đế Quang Trung, liệu họ có “đổi đời” được không? Nhưng anh phớt qua câu hỏi, rồi tăng lờ câu trả lời! Và bằng cái hình tượng một cô bé có kính nguyệt lần đầu, anh mớm vào dự tưởng của độc giả rằng đời sống vẫn cứ nối tiếp, thì (tôi thêm vào) có hề chi? Dựa vào lịch sử, anh kể một câu chuyện (ch...) có đủ hỉ nộ ái ố lạc dục (dĩ nhiên ở cái mức độc giả ai cũng có thể identifier mình vào), nhưng ch chưa phải là tr, chuyện (có thể kể như trong thời chữ viết chưa phát triển) chỉ là cái cốt để viết truyện. Vậy giữa chuyện và truyện, cái khác ở chỗ nào? Cervantes viết như mũi xung kích đầu tiên vào “thần quyền” kiểu Trung Cổ bên Âu Châu. Gió Lửa thì kêu lên, đừng lấy đất nặn Thành hoàng rồi xì sụp vái mà quên đi thân phận mình, mất hết tự do, và “ù lì” hóa một lịch sử đầy máu và nước mắt lẽ ra có thể khác đi. Và tôi vẫn hoang mang, chưa thực sự nắm bắt và hiểu cái Sông Côn Mùa Lũ chuyển tải. Phải chăng, vì nếu tiểu thuyết là kể Chuyện, thì cái tôi gọi là Truyện không quan trọng, và chuyển tải của tiểu thuyết chỉ là tập hợp các chuyện kể? (Mở một dấu ngoặc về cái anh lăm lờ Kundera, tôi thích cái discours của anh ta về Diderot (cuốn Jacques, le fataliste) hơn là những ca ngợi kiểu hát thánh kinh về Cervantes, quên rằng truyền thống tiểu thuyết có trước Âu Châu (và khá quan trọng) ở bên Án Độ và Trung Quốc. Liệu người Việt chúng ta có quá bị ảnh hưởng văn hóa eurocentriste không? Nói thật, tôi đọc Tam Quốc, Tây Du Ký, Liêu Trai Chí Dị, chường Kim Dung... vẫn thấy khoái hơn đọc nào là Nabokov, G. Steiner, vân vân và lãng quăng phía trời Âu với những hậu hiện đại, hậu hậu hiện đại, trong và ngoài ngoặc, tuti quanti....)

Nay xin nói thêm về việc xây dựng tiểu thuyết lịch sử: trong Gió Lửa, cái khung lịch sử đã được sử dụng như phương tiện cấu tạo tiểu thuyết, và sau đó thì tiểu thuyết lại là phương tiện để tác giả thể hiện những tư duy, biện minh và dự phóng cho chủ đề trên lịch sử (Gió Lửa nhằm giải thích một trong những nguyên nhân của những cuộc nội chiến là cái tương quan giữa con người VN và quyền lực), tìm cách đến với độc giả, thuyết phục họ, nếu không được thì quấy rầy, kích động suy tư, gây ra những nghi vấn để tạo cái nhu cầu xét lại những điều tưởng đã là «đinh đóng cột» cho độc giả, không chỉ bằng và qua lý luận, mà vận dụng tất cả, từ cảm xúc đến trực giác, thậm chí từ những yếu tố siêu linh đến những cái ta thường gọi là mê tín dị đoan, nghĩa là bằng tổng hợp những chất người, thứ chỉ tiểu thuyết mới chuyên chở nổi.

Nguyễn Mộng Giác

Câu anh hỏi về chuyện “phát cò” và sự thất vọng của anh khi đọc xong bộ truyện vẫn chưa tìm ra “thông điệp” tôi muốn Sông Côn Mùa Lũ chuyển tải, chứng tỏ có khác biệt lớn giữa anh và tôi về chuyện viết để làm gì.

Tôi không đạo đức giả đến độ bảo “viết chẳng để làm gì cả, viết chơi thôi mà!!” Không ai đại dột chơi một trò chơi nhọc nhằn như thế. Có nhiều trò chơi nhẹ nhàng mà hấp dẫn hơn. Tôi viết do nhu cầu tinh thần của tôi trước tiên, không do thúc đẩy của thị trường. Nhưng tôi không viết cho một mình tôi đọc. Tôi viết “để” người khác đọc, mong họ chia sẻ với tôi những điều tôi ấp ủ trong lòng. Tới đây, anh và tôi có lẽ có cùng một suy nghĩ. Nhưng cũng từ đây, mỗi người đi mỗi đường. Tôi không biết giải thích thế nào nên mới vịn vào bản tính. Để người khác chịu đọc mình và chia sẻ tâm sự với mình, tôi cố gắng nói chung một “ngôn ngữ” với họ. Hơn thế nữa, do bản tính, tôi không bao giờ dám nghĩ mình có điều gì hay ho để dạy họ, có điều gì khôn ngoan để hướng dẫn họ. Qua thời loạn, tôi mới thấy sách vở, kiến thức, trí tuệ nhiều lúc không “sáng suốt” bằng trực giác và óc thực tiễn. Cùng lạng quạng như nhau, tôi với bạn đọc của tôi cùng đi nhau mò mẫm tìm lối thoát ra khỏi mê lộ này. Chúng tôi là bạn đồng hành, không phải là diễn giả và cử tọa. Cho nên thú thực với anh là trước khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi không có

một “thông điệp” nào rõ ràng để gửi đi cả! Ban đầu là một lời hứa với anh bạn Nguyễn Thành Hải trong quán cà phê, “viết về thân phận giới trí thức văn nghệ sĩ trong thời loạn”. Để tránh trước những tai họa bất ngờ có thể đến do chuyện viết lách, tôi chọn thời điểm hai thế kỷ trước làm bối cảnh. Nhưng càng tìm đọc tài liệu sử, càng thấy hấp dẫn, càng thấy con người trong thời loạn, nhất là giới nho sĩ, sao mà đáng thương. Có thể nói “thông điệp” của Sông Côn Mùa Lũ là lòng xót thương đó. Một thứ thông điệp mơ hồ, vô bổ, và yếu đuối, phải không anh? Anh viết tiểu thuyết với một thông điệp rõ rệt, và cũng công bố rõ đây là một cuốn tiểu thuyết luận đề. Lịch sử, tiểu thuyết là những phương tiện để anh chuyển tải luận đề đó. Tôi thì nghĩ mình chẳng sáng suốt gì hơn bạn đọc của mình, cái xe mình đang lái cũng cà rịch cà tang thôi, chớ mớ tâm sự rối rắm của mình còn ì ạch hướng hồ chớ thêm những thứ nặng nề như sứ mệnh này thông điệp kia. Trong thâm lặng, tôi phục anh sao lạc quan tự tin quá. Nhưng cũng trong thâm lặng, tôi nghĩ anh bắt cái xe văn chương chở những thứ hàng quá sức chịu đựng của nó. Tôi nói như thế, có đúng với chủ trương của anh về tiểu thuyết lịch sử hay không?

Nam Dao

Anh Giác ơi, tôi chẳng lạc quan tự tin đến thế đâu ! Sống cái thời nói chí ít là tao loạn vừa qua và vẫn còn tiếp diễn hôm nay, với mọi lọc lừa bỉ ổi của lịch sử chung (từ Giải Phóng dân tộc đến Cách Mạng vô sản, qua Đổi Mới (nói cũ), song lại vòng về Phong Kiến tân thời chung chấu Mafia ...) và với thân phận riêng (vô tổ quốc), tôi lênhênh trôi nổi, không sở cứ và căn cước, cuối cùng chỉ bám vào mình và cố gắng tồn tại trước những vắn nạn từ quá khứ còn kéo dài dài đến hiện tại và có khả năng tiếp diễn trong tương lai. Tôi tra vấn nó, và vì là một trong vô số nạn nhân, tôi mời gọi mọi nạn nhân cùng thân phận « đăit vấn đề». Thế thôi, chứ hai chữ «sứ mệnh» và «thông điệp» thì quả là quá tải cho tôi, và tôi e, nếu không cẩn thận mà nó thành «tuyên ngôn, chính sách », thì nó đề đến xum cổ xe văn chương thường rất dị ứng với những món hàng thể loại đó. Vì thế, cái tiêu chuẩn hàng đầu của tôi là Tiểu Thuyết. Sau là Lịch sử., với bối cảnh và những con người của quá khứ. Và khi xếp chung lại thành Tiểu Thuyết Lịch Sử thì khó mà tránh được luận đề. Chung cục của luận đề thì vẫn là con người, vừa là chủ thể và, có lẽ khá oái oăm, cũng vừa là nạn nhân của lịch sử.

Trong Tiểu Thuyết Lịch Sử, xin anh cho tôi bàn thêm về chuỗi tương quan Lịch sử => Tiểu thuyết => Lịch sử ? Nếu chỉ chuyển tải sự người sự đời, chỉ tiểu thuyết, cần chi đến lịch sử ở hai đầu chuỗi tương quan trên? Nói thế, tức là phủ định thể loại tiểu thuyết lịch sử ? Lịch sử nếu chỉ áp đặt lên tiểu thuyết những sự cố lịch sử, những con người có tên lịch sử (và dĩ nhiên là cái thành kiến của độc giả về những yếu tố và những con người lịch sử đó), tức là bó hẹp tiểu thuyết, vậy thì lý lẽ gì lại có thể loại tiểu thuyết lịch sử? Tôi xin phép nêu một câu trả lời, hy vọng soi sáng một vài nét trong Gió Lửa.

Sử dụng lịch sử, đối tượng của người viết là một tập thể có chung lịch sử đó trong quá khứ. Tập thể đó tồn tại, vậy nó có hiện tại và một tương lai nào đó. Quá khứ, hiện tại, tương lai nói trên qua tiểu thuyết sẽ thể hiện qua sự người sự đời không chỉ cho từng con người riêng tư mà là con người bất khả tách ra khỏi cái tập thể đó. Nếu quá khứ không có gì để đặt ra vấn đề, hiện tại là cái chấp nhận được, và tương lai, hệ luận của cái hiện tại đó, là điều bất biến... thì quả là lịch sử không cần nữa: lịch sử cáo chung, chẳng phải trong tiểu thuyết, mà là với cả quần thể con người, với xã hội, với cả một nền văn hóa (như cái tiêu đề của Fukuyama cách đây chục năm, The End of History and the Last Man, Mc Millan, NY, 1992). Còn viết tiểu thuyết lịch sử, có nghĩa là ít nhất đối với người viết, lịch sử chưa cáo chung: quá khứ còn mù mờ, hiện tại không chấp nhận được, và cái tương lai mong ước không chỉ là sự nối dài đơn điệu của hiện tại. Với tôi, tiểu thuyết lịch sử là một phản kháng toàn bộ và có ý thức của những cái đã thành lịch sử, để nhằm đến một tương lai khác với cái nối dài của quá khứ, kiểu nối dài đơn điệu máy móc, thụ động, không sinh khí. Vì thế, tiểu thuyết lịch sử gói ghém chủ đề cho một tập thể

chứ không chỉ ê a sự người sự đòi cá lẻ. Trong Gió Lửa ngay từ lời ngỏ, tôi thú rằng tôi bị những cơn nội chiến VN ám ảnh, và đề nghị tránh cái thảm họa đó trong tương lai bằng cách «cắt bỏ phần nhiễm độc trong tâm thức», tức là một giải pháp văn hóa. Chuỗi lịch sử => tiểu thuyết => lịch sử thành tương quan hai chiều lịch sử <=> tiểu thuyết. Phản ứng tức thời là, với một vấn đề đặt ra rõ đến thế, một thiên tiểu (hay đại đi chẳng nữa) luận về nội chiến, dẫn từ kinh nghiệm trên thế giới đến trường hợp VN, dùng nào là mô hình tâm lý, xã hội... này nọ, là cái hình thức trông tự nhiên nhất, hợp lẽ nhất... Nhưng câu hỏi tiếp là, ai đọc tiểu (đại) luận? Bao nhiêu người? Thành phần nào? Thế hệ nào? Và muốn đi đến với độc giả không chỉ qua lý luận và nhận thức mà còn muốn kết cấu sự đòi với cả cái tình người thì liệu hình thức tiểu (đại) luận có chuyên chờ được không? Tiện đây, xin nói thêm về mặt phản diện nhị nguyên của chuỗi tương quan Lịch sử => Tiểu thuyết => Lịch sử. Như mặt trái một đồng tiền, nó là Con người => Lịch sử => Con người. Như vậy, con người là chủ thể tạo ra lịch sử, nhưng đồng thời bị chính cái lịch sử nó o ép trói buộc như một nạn nhân, và vì thế là nạn nhân của chính mình. Nhìn dưới góc độ này, vấn đề văn hóa rõ nét. Tổng hợp lại hai mặt chính diện và phản diện trong quan điểm vừa trình bày, ta gặt chuỗi tương tác hai chiều Con người <=> Lịch sử <=> Tiểu thuyết. Tóm lại, tiểu thuyết lịch sử không chỉ là bối cảnh lịch sử, những danh nhân, sự kiện lịch sử... Đối tượng cuối cùng của nó, là con người trong một mẫu (mô) hình văn hóa. Và là con người ở dạng động của cuộc tồn sinh, nghĩa là luôn tra vấn cái mẫu hình đó ngõ hầu có một tương lai không cáo chung và phi lịch sử.

Gió Lửa viết ra, thiết nghĩ cách tôi trả lời những câu hỏi trên khá rõ ràng. Còn lại là sự tương quan giữa quá khứ, hiện tại và tương lai trong tiểu thuyết lịch sử. Xin trích góp ý của tôi trên báo Văn, số 65, tháng năm 2002, trang 17-21:

“... Với một nhà văn, lịch sử không là những xác chết và những sự cố biên niên ù lì. Trong tiểu thuyết lịch sử, quá khứ là lịch sử nhìn bởi nhà văn, nhà văn như chủ thể. Đó là thứ quá khứ tái chiếm hữu và tái tạo từ vị thế hiện tại của chủ thể, với ý thức về giới hạn của sự truy lùng chân lý “khách quan”, một từ lẽ ra không bao giờ nên có ngoài cái chúng ta quen miệng gọi là khoa học tự nhiên !

...Tiếp cận quá khứ từ vị thế hiện tại dĩ nhiên đèo bồng vào lịch sử được tái tạo qua tiểu thuyết những vấn nạn hiện tại. Ở điểm này, đèo bồng đó đến khi thì từ ý thức, khi vô thức, nhưng ít hay nhiều đều nhằm truy nguyên nguồn căn của những vấn nạn, vì lẽ hiện tại nào cũng là tổng hợp những thành tựu và những thất bại trong quá khứ.

...Mặt ngược lại, tiểu thuyết lịch sử mang khả năng phê phán hiện tại qua cách đảo ngược và xoay ngang những sự cố cũng như tính chất những con người trong quá khứ. Tưởng tượng, Nguyễn Huệ không chết sớm, Minh Mệnh không tàn sát giáo dân, Tự Đức nghe và làm theo điều trần của Nguyễn Trường Tộ, vv...thì hôm nay thế nào? Với cách nhìn như vậy, hiện tại mang cái khả năng “ khác được “. Tiểu thuyết lịch sử, trên quan điểm này, không trốn chạy. Lấn vào quá khứ để chiếm hữu và tái tạo lịch sử, tiểu thuyết là sự dấn thân của nhà văn nhằm phục sinh một hiện tại cần tháo gỡ hầu thoát khỏi những bế tắc tiêu vong. Vì thế, tiểu thuyết lịch sử hoá ra một tập hợp những dự phóng về một tương lai có thể có được. Chính sự khả hữu này làm đỡ mồ hôi trong công việc viết văn. Và tiểu thuyết lịch sử, nói cho cùng, phải là máu cũng như nước mắt người viết.”

Anh nhắc chuyện cụ Tố Như. Thật là may cho chúng ta, cụ không viết tiểu luận về thuyết Tài Mệnh tương đối, một mặt vì tự thân thuyết đó nó nhạt nhẽo vô duyên, một mặt nó lại do ông anh xénh xáng nào đó bên Tàu lấn thân bày ra trước. Cụ kể truyện tài mệnh qua chuyện nàng Kiều họ Vương, và sau khi được nghe giảng Việt văn thuở học trung học, tôi cũng biết là những Hoạn Thư, Tú Bà, Sở Khanh, Thúc Sinh, Từ Hải chỉ cần vài nét là đủ để cụ truyền đời cái tài họa bằng ngôn ngữ quả là đặc sắc của cụ. Nhưng cái cụ để lại, có phải chỉ là cái nét tài hoa đó không? Bây giờ, cứ xem phim thì thấy, chọn tài tử thiện, ác, hung, bệnh, tâm thần...thì mấy tay

experts ở Hollywood chúng nó cũng biết rằng Tú Bà mà “...nhờn nhọt màu da, ăn gì cao lớn đầy đà làm sao”, hay anh Từ Hải mà “râu hùm hàm yến mày ngài, vai năm thước rộng thân mười thước cao” thì thế là “lột” nhân vật lắm. Cứ thay họa bằng ngôn ngữ qua chính hình ảnh ở thời đại này với phim, video..., là xong (có thể vì thế, tiểu thuyết hiện nay lắm khi chẳng thêm tả nhân vật). Tôi nghĩ cụ Tố Như của chúng ta không lờ bởi cụ dám (tôi nhấn mạnh, dám) viết hơn hai ngàn câu thơ theo thể lục bát dân gian, bằng tiếng nôm, cái tiếng ta nói để truyền thông cho nhau, và cụ làm nó giàu lên, đẹp lên (tôi có kể, trong 1 bài ký, ‘Một vị thuốc đắng, một vị thơ’, rằng nhà thơ Hoàng Cầm có mắng tôi, dặn là phải đọc kỹ Truyện Kiều (Tr... chứ không phải Ch...) để mà vun xới cho cái vốn ngôn ngữ của mình). Cụ làm một cái việc công phá vào thành trì bảo thủ của các ông đồ cao giọng “nôm na là cha mách quế”, và công việc làm văn của cụ là một hình thái cao của Cách Mạng. Đó không là cái việc “mua vui thì cũng được vài trống canh” đâu ! Cụ khéo giấu cái “chủ đề” việc viết lách của cụ nên rao lên như vậy thôi. Và, tôi, tôi đâm ra cũng phải làm như cụ: tôi không viết tiểu luận. Tôi viết tiểu thuyết, và có chủ đề lịch sử, nghĩa là cho một không gian với quá khứ, hiện tại và tương lai, nên tiểu thuyết của tôi là tiểu thuyết lịch sử. Xin lưu ý anh, với chủ đề không là lịch sử mà là huyền thoại thì tôi sử dụng không gian khác, như trong Tiếng Cồng, truyện dài (Thivăn, 2000) dùng văn phong hiện đại hơn, khác với văn phong cổ điển trong Gió Lửa và Đất Trời. (Mở ngoặc, tương quan giữa thể loại tiểu thuyết và văn phong là một vấn đề rất thú, nhưng ta hãy để bàn nhau sau).

Đến đây, tôi thế là đã trả lời câu hỏi còn nợ anh. Đọc lại, thấy trao đổi trên quá trừu tượng. Bây giờ, làm thế nào để cụ thể hơn? Có lẽ ta nên đi sâu vào việc xây dựng tiểu thuyết, và hy vọng sẽ từ những vấn đề xây dựng nhân vật, chọn lựa sự kiện lịch sử vv... chúng ta nêu lên những điểm tương đồng cũng như dị biệt giữa Sông Côn Mùa Lũ và Gió Lửa.

Trước tiên, Gió Lửa chỉ có 150 trang gồm chương 8, 10, 11 và một chút trong chương 12 trong tập 2 (Gió Đàng Trong) là dính đến nhà Tây Sơn và các nhân vật lịch sử như Huệ, Nhạc, và Lữ. Trong số 150 trang đó, trọng tâm là hư cấu ra Lữ, con Nguyễn Thiếp, một người có tầm cỡ vì tầm nhìn, yêu con người, mong muốn hòa bình, tạo yếu tố hoà hợp hòa giải với Nguyễn Ánh, sẵn sàng mở ra với Tây Phương, trọng đạo và phần tâm linh. Lữ may chữ Tâm dính vào cờ đỏ Tây Sơn nhưng chung cục thì lấy cờ quán làm khổ rồi theo Sơn nhân lên rừng, thôi không ở với đám người tầm tối trong chém giết quyền lực. Đồng thời, cũng trong 150 trang đó, sự việc xoay quanh cách hành xử và can thiệp của Toàn Nhật và Trọng Thức, là hai nhân vật tiểu thuyết 100%, cộng vào với những nhân vật phụ như Nguyễn huy Tụ, Nguyễn Du ... Vì thế, Gió Lửa hư cấu chính lịch sử, tạo ra cái khả năng khác với lịch sử ghi bằng biến cố và sự kiện có chép trong chính sử (độ thực hư, nguyên nhân và hậu quả của những sự cố đó thì tùy diễn dịch, không có gì ở đây có thể gọi là khách quan được). Cái khả năng khác đi được đến từ Trọng Thức, kẻ lệnh đênh qua Pháp tháp từng Hoàng tử Cảnh, có được sự hỗ trợ chừng mực và tính toán của Huệ, được đưa ra trong Gió Lửa như một minh quân chứ không đơn thuần là một tướng tài bách chiến bách thắng. Ngược lại, Sông Côn Mùa Lũ gần 2000 trang, xoay quanh nhà Tây Sơn với những nhân vật hư cấu (gia đình Giáo Hiến chiếm phần quan trọng) sống thân gần Huệ, Nhạc, và phần nào Lữ, vẫn mờ nhạt như hình ảnh Lữ trong chính sử. Ra đời sau Sông Côn Mùa Lũ, tiểu thuyết về gia đình Tây Sơn và nhân vật Nhạc, Huệ, Gió Lửa chỉ dính dấp một tí đến chuyện riêng của Huệ qua cách “mượn” nhân vật An trong Sông Côn Mùa Lũ, nhằm quay trở lại cái tiêu đề hạnh phúc bình thường của con người, cái mà Huệ không cho được An nên nàng mới lấy người khác. Để hiểu nó qua cái đói, Huệ cuối cùng chạm mặt cái chết, phút lìa đời vẫn không gặp được người yêu, kêu “An xem, chết thế này bình thường chứ hả?” (trang 414). Trong khi Sông Côn Mùa Lũ là tiểu thuyết trên cuộc “trần ai” của Huệ, Gió Lửa dàn trải ra nhiều cảnh đời. Nhưng cái thói quen thích “anh hùng” và danh nhân khiến người đọc chỉ chú tâm đến Huệ, nhân vật rất thú yếu trong tiểu thuyết Gió Lửa, quên mất biết bao nhiêu nhân vật khác chuyên chở tình người và sự đời, có những kẻ thật tầm thường mà lại rất quan trọng. Như lão Hải, người lính già. Như Mai, vợ Trọng Thức. Như bà vải treo cổ chết sau khi

cho một đám lính trẻ sắp chết thỏa nhục tình với mình...Xin tạm ngưng trên khía cạnh này, để giữ nối tiếp với thư anh gửi.

Ở đây tôi muốn quay lại câu anh trả lời tôi, đào sâu một vấn đề, là sự phóng chiếu của tác giả trên những nhân vật tiểu thuyết mà trong trường hợp Sông Côn Mùa Lũ anh tự cho mình là “thường thường bậc trung” và rồi anh hùng hào kiệt đều bị kéo xuống cái mức ta cứ tạm cho là đời thường ấy. Nhưng với những thành tựu lẫy lừng, Nguyễn Huệ trong lịch sử là một nhân vật khác thường. Những kẻ làm ra lịch sử như Huệ có thể nào mà “thường thường bậc trung” được không? Chẳng chỉ Huệ, rồi những Nhạc, Chinh, Sở, Nhậm,...cũng vậy, thời thế đẩy họ khiến khó mà họ tồn tại theo phương cách “thường thường bậc trung”. Và nếu nhân vật tiểu thuyết lúc nào cũng là sự phóng chiếu của tác giả thì tôi e rằng...không tránh được sự đơn điệu bởi tác giả thì chỉ là một cá thể với một số cá tính nhất định. Dĩ nhiên, tiểu thuyết là 100% chủ quan, người viết thể hiện cái Tôi, như anh kể Kundera với Dostoevski (và hàng trăm người khác kể từ trào lưu Lãng mạn ở Tây phương). Nhưng cứ đơn cử Dos, ông ta có đâu đơn điệu. Thế có nghĩa là ông ta không chỉ phóng chiếu tính chất cá nhân của riêng mình lên nhân vật. Trong toàn bộ tác phẩm của nhà văn kỳ tài này, nhân vật đi từ mức thiên thần xuống mức quỷ sứ, lúc thế này, lúc thế khác, cứ như con thoi chạy giữa những thái cực của sự khả thể trong đời sống con người nói rộng, chứ không bó vào một cái khung nào, kể cả phong cách tác giả. Và anh nghĩ sao nếu có người bàn rằng tiểu thuyết là “vượt thường”, vượt nhưng “cứ như là không” là tiểu thuyết hay, và sau, nếu sự vượt thường thành ra lẽ đương nhiên và chuyện tất yếu, thì đó là đại tác phẩm?

Nguyễn Mộng Giác

Chúng ta lại qua một phạm vi khác là: Viết thế nào? “Vượt thường” (như anh nhấn mạnh, từ chuyện phải nâng lên thành truyện) hay cứ “thường thường bậc trung”? Những danh nhân lịch sử như Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hữu Chinh, Ngô Thì Nhậm ...làm sao “thường thường bậc trung” được? Tôi cho các “ngài” tai to mặt lớn có tên trong lịch sử thực chất cũng chỉ là người tầm tầm như đa số chúng ta thôi, cái hào quang họ có không do thực chất của họ, mà do thứ quyền lực xã hội họ có trong tay, làm người khác phải run sợ khép nép. Tôi kinh nghiệm điều này nhờ cuộc đổi đời lớn lao sau 1975. Những ông một thời hét ra lửa, sao nhấp nhánh trên cổ áo, kẹp ba-tong đi duyệt binh, trong thất thế trở thành những ông già nhếch nhác, than thở luôn miệng và lảm cẩm một cách chân thành. Đây là con người thật của ông tướng thất thế ấy? Tôi không tin những người làm chính trị có thiên mệnh nào (dĩ nhiên ngày nay không ai tin những điều phù phiếm ấy) nhưng tôi cũng không tin họ có khả năng vượt trội hơn đa số. Họ chỉ hơn ở chỗ “dám làm” những điều đa số không dám làm. Như chuyện giết người hàng loạt chẳng hạn. Lỡ nghĩ như thế, làm sao tôi cho họ “vượt thường” được. Cũng có những người làm chính trị vượt thường ở chỗ họ dám phủ nhận toàn diện những cái đang có, và xây dựng một tổng thể mới hợp lý hơn, hứa hẹn một thứ hạnh phúc vĩnh cửu và chân lý toàn diện. Kết quả của những giấc mộng vượt thường ấy ra sao, chúng ta đã chứng kiến hết thảm họa trong thế kỷ vừa qua. Thành thử tôi rất ngại những giấc mộng lớn. Những giấc mộng con con, theo tôi, dễ thương hơn.

Nhưng nói rộng ra, chuyện này thiên hạ đã nói nhiều. Các nhà lý luận, tùy khẩu vị từng thời, phân chia văn chương thành hai dòng song hành: vị nghệ thuật và vị nhân sinh, dương tính và âm tính, cái cao cả và cái dung tục, vĩ mô và vi mô, hay như mới đây trên Hợp Lưu số 66 (tháng 8 & 9/2002) anh Ngân Xuyên có dịch một bài của nhà phê bình Nga Fazil Iskander, trong bài đó ông dùng một thuật ngữ mới: văn chương ở nhà và văn chương vô gia cư.

“Văn học ở nhà có đặc điểm nhân tính giản dị khiến anh muốn được sống bên cạnh các nhân vật của nó, anh được ở dưới mái nhà bè bạn, anh được che chở tránh những cơn bão táp thế giới, anh sống cùng những người chủ nhà thân thiện, dễ mến. Và ở đây, trong ngôi nhà ấm

cúng và hiếu khách, anh có thể cùng với chủ nhà suy tư đàm luận về các số phận của thế giới cũng như về những tác động của các cơn bão thế giới.

Văn học vô gia cư không có bức tường nào che chắn, nó mở toang ra trước mọi cơn bão thế giới, nó dường như thử thách anh trong những hoàn cảnh của cơn bi kịch thực sự, anh bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi cảnh tượng vực thẳm của cuộc sống, nhưng anh không bao giờ muốn sống bên cạnh vực thẳm đó. Và chẳng điều này còn phụ thuộc nhiều vào tính cách người đọc. Văn học ở nhà, chủ yếu là sự hiền minh (Puskin, Tolstoi). Văn học vô gia cư, chủ yếu là trí tuệ (Lermontov, Dostoievski)..."

Nếu theo cách phân loại trên, thì vâng, tôi là người chủ trương văn chương ở trong nhà, cuộc đời này dù sao vẫn còn rất đáng sống, con người dù sa đọa đến đâu cũng rất đáng thương, vòm đời bụi bặm này dù sao cũng là một mái nhà che mưa che nắng cho tất cả chúng ta. Anh thuộc các nhà văn vô gia cư, báo động một trận đại hồng thủy nhân loại đang cận kề mà không ai hay biết. Họ điếc, anh phải hét lớn vào tai họ, mong họ thức tỉnh.

Nam Dao

Vâng. Quan điểm của tôi cũng có những chỗ giống với Fazil Iskander. Nếu có hét, trước hết tôi hét lên nỗi kinh hoàng của tôi đã. Hét rồi tỉnh dậy, tôi kể lể cơn mộng ác để tự an thần, với thành tâm mong mỗi chẳng sẽ còn một ai cũng mộng寐 kinh hoàng như tôi. Và hét để giải mộng ác bây giờ, hầu hy vọng mộng lành về sau. Hy vọng thôi anh ạ, biết đâu cũng chỉ lại là lạc quan tếu !

Phân loại trên quan điểm nhân sinh, tôi cũng nghĩ, có hai loại văn: thứ văn chương của hiền giả, tin vào và tạo ra trong tác phẩm sự an bình hằng cửu, lấy gốc là đời sống. Đời sống sẽ tiếp nối qua những bẽ bàng lịch sử, và có gian nan, cay đắng thì rồi sẽ cũng qua, cái còn là nhân tính, là con người. Ví dụ, Tolstoi, Balzac trong văn chương, hoặc Renoir trong hội họa, chẳng hạn. Người viết có thể quẩn quại với hoàn cảnh sống (và viết) của mình, nhưng văn chương (nghệ thuật) họ lại biểu tỏ điều ngược lại, vẫn chừng mực, trầm tĩnh, sâu xa, hài hòa và mang niềm hy vọng như cái nền trên đó lịch sử tiếp tục. Tôi có cảm tưởng đó là cái nét chính của văn chương Nguyễn Mộng Giác, chứ cái lẽ vì anh "thường thường bậc trung" nên ...anh hùng hảo hán bị kéo về cái mức "bậc trung" là cách nói dễ thương, nhưng nói cho có mà thôi. Loại thứ hai, là văn chương của đập phá và tuyệt vọng. Kể như Dostoevski, Kafka làm thí dụ... Thứ văn chương của tôi thuộc hạng thứ hai: nó hướng về sự hài hòa như một lý tưởng. Nó không mang đủ niềm tin về tương lai và coi hy vọng là lẽ đương nhiên. Trong cái bẽ bàng của lịch sử, đời sống (cho ra sống) và nhân tính có thể bị vùi dập đến độ hoàn toàn triệt tiêu. Vì vậy, như chủ thể, con người phải đương cự và tạo ra cái lịch sử của mình, với ý thức về sự bất ổn có tính cơ cấu, và sự phủ định niềm tin nói trên như đương nhiên. Chính vì thế mà trong Gió Lửa, mang mang một niềm gì như tuyệt vọng, chí ít thì là thất vọng. Và từ đó, nó thành một lời kêu, kêu thương rồi kêu gọi. Một đảng là thân phận thiết tha, đảng kia là chủ thể quyết liệt giữ lấy sự tồn sinh của mình. Nếu văn chương của Sông Côn Mùa Lũ là loại hiền giả nhân đạo, bao dung, thân thiết với độc giả, tạo ra một mái ấm văn chương mời độc giả vào bình tĩnh luận bàn về thế giới, quá khứ và tương lai con người, thì Gió Lửa thuộc loại văn chương thứ hai. Nó bắt người đọc vào một cuộc tự xét xử, với đe dọa của thứ tương lai bấp bênh, quá khứ mù mờ và niềm bất ổn hiện tại. Nó đẩy độc giả vào một thử thách chênh vênh bên bờ vực thời gian, phải đi tới, và xin chớ tin vào định mệnh. Nghịch lý thay, thế mà Sông Côn Mùa Lũ lại được sinh đẻ trong hoạn nạn cùng cực, giữ được tâm thế hiền giả, trong khi Gió Lửa, thì bà đỡ là bà đỡ trong một thế giới an bình, nhà hộ sinh đủ tiêu chuẩn vệ sinh một nước tân tiến, và không hề có một điều gì trong đời sống cá nhân tôi buộc văn chương của tôi phải bi phẫn, khóc liệt và lảm lức cực đoan, đòi sám hối như với lời nguyện của Chế Mân trong chương kết của Gió Lửa. Nhưng nghĩ cho cùng, thật đó có phải là điều nghịch lý hay không? Phải chăng có sống ở cực này thì mới có

điều kiện tâm, sinh lý để nhìn vào một cái cực đối nghịch kia, như một phương cách giữ thăng bằng trên bước đi chông chênh của văn chương?

Đọc Sông Côn Mùa Lũ, tôi bị những nhân vật đời thường quyến rũ, và tự hỏi, tại sao? Cũng như khi mới đây tôi đọc Tuyển Tập Võ Phiến, những nhân vật ở quê anh với bao cảnh đời bi đát trong thời cuộc đã chinh phục tôi. Đó là những nhân vật “có thật”, và sức thuyết phục của chữ nghĩa cũng đến từ cái “thật” ấy. Nhớ lại, Naispaul cũng có quê, và có những nhân vật “có thật”, để viết. Rồi Marquez, ông ta chẳng nói rằng ông viết đi viết lại mãi những cuộc đời ở quê ông, làng Aracataca, thành thị phố Macondo trong Trăm Năm Cô Đơn sao? Thì ra họ là những nhà văn có quê hương. Tức là một cội nguồn sâu thẳm, có đất, có người. Họ viết, viết mãi về cái họ sở hữu trong tâm hồn, như tiếng chuông leng keng trong một truyện ngắn của Võ Phiến. Trong tác phẩm của anh, như nói ở trên, những An, Lãng, Kiên, ông giáo Hiến, Lợi... là những nhân vật gây cho tôi ấn tượng. Và đến bộ Mùa Biển Động, họ lại xuất hiện dưới những tên khác, sống những tình thế khác, nhưng rồi hình như họ tiếp nối cái thân phận, cái dở dang ...trong Sông Côn Mùa Lũ. Phải chăng, các anh có quê hương, các anh có thể viết mãi về cái các anh có trong tâm hồn? Còn tôi, phải chăng tôi viết về một quê hương huyền tưởng, thứ quê hương của đứa con lãng tử trên bước đi hoang không có ngày về? (Như anh biết, tôi rời quê hương khi chưa hẳn thành niên. Và tôi sống cái thảm kịch chiến tranh VN qua TV, radio, báo chí) Đó có phải lý do Gió Lửa vừa thực vừa ảo? Người viết nào mà chẳng viết trong cái thân phận của chính mình? Tất cả là ở đấy, từ phong cách văn chương cho đến cấu tạo tiểu thuyết! Và đi cho đến tận cùng cái thân phận của mình là cách duy nhất để xác định mình hòng tự cứu rỗi ở một hiện tại chưa “thỏa hiệp” được!

Nói đến đây, đã rõ là tôi không phản bác một quan niệm tiểu thuyết lịch sử khác với công việc viết văn của tôi: như trình bày với anh, nó gắn bó hữu cơ với cái thân phận của tôi, và điều này, nói cho gọn là do ông Trời (viết hoa, và ca thán làm chi). Ngược lại, tôi thêm có một quê nhà, như anh Phiến, như anh... để giảm cái phần hư cấu “hiện thực huyền ảo”. Quê tôi nó chấp chờn: 9 tuổi di cư, vừa quá 18, du học.. và sang năm là kỷ niệm tứ thập niên lưu vong! Theo thời gian lịch sử, Đất Trời rồi Gió Lửa. Sau Gió Lửa, thì đến Bể Dâu, viết về một thời cận đại. Một trong những tiêu chí tôi tự đặt cho mình là sẽ bớt huyền ảo, mong có thể hiện thực hơn, nhưng để nó thành một bộ Đất Trời - Gió Lửa - Bể Dâu, tôi đã bị cái văn phong trong Đất Trời và Gió Lửa nó bó chân bó tay một phần nào đó rồi...

Nói chuyện về Gió Lửa với anh, và phần nào sự mang nặng nề đau ra nó, là để tâm sự: từ đó, anh hẳn thấy cái giới hạn của tác giả, và sự bất toàn của tác phẩm nhìn dưới một góc độ. Đó cũng là cái bất toại của chữ nghĩa, bởi những con chữ cũng không thể có được sự toàn năng huyền diệu khiến tác giả và độc giả thành Một. Nhưng biết đâu chính cái khúc khuỷu quanh co trong tương quan đọc-viết lại chẳng là bước đặt chân cho những sáng tạo mới. Hy vọng là lịch sử cũng vậy.

Nguyễn Mộng Giác

Tôi đã có nhiều cơ hội để nói về những “mang nặng nề đau” của hai bộ trường thiên tôi viết. Cuộc đối thoại của chúng ta đã dài. Xin anh dùng lời cuối để nói về những “mang nặng nề đau” Gió Lửa.

Nam Dao

Mang nặng nề đau Gió Lửa ra sao? Có lẽ tôi cũng như nhiều người cùng thế hệ trần trở với thế cuộc, nỗi ám ảnh về một cuộc nội chiến kéo dài (từ thời Mạc triều?) đau đáu trong lòng từ khi biết nghĩ. Khi xưa (cũng chẳng xưa lắm, cách đây dăm ba năm thôi) tôi buồn thì vẽ làm thơ, không thể dành thời gian nghĩ đến viết tiểu thuyết hay bất cứ thể loại nào cần dài hơi như Kịch,

Truyện ngắn... Ở tư thế một người yêu văn chương, tôi có cái duyên may quen biết nhiều nhà văn, nhà thơ. Họ già cũng có, trẻ cũng có. Tiếng tăm cũng có, không tiếng tăm cũng có. Và tôi gặp Trần Vũ, kết bạn, vừa thích văn chương vừa thích rượu chát nên chén chú chén anh linh tinh, hết tiền thì rượu 5 Francs một chai cũng vẫn cứ ngon. Năm 97, chúng tôi đi xem El Sola múa ở Paris, xem xong thì một bạn, có Vũ Hồi Nguyên, Phan Nguyên, Trần Vũ và bạn là T, rồi tôi cùng nhau lạc vào 1 cái hầm rượu trên đường St Germain. Nhạc rầm rầm, rượu thì Vũ Hồi Nguyên khai là “nhân” ngày sinh nhật nên chẳng ai chê, và chuyện không biết thế nào mà chuyển đến đoạn Trần Vũ rên là thơ VN lạ phát, đọc không zô, và vv và vv. Tôi len vào, bênh cho nàng thơ tội nghiệp. Rượu vào lời ra, tôi chê văn để vớt vát “cứu” thơ, bảo văn Trần Vũ không có tư tưởng, chưa là cái gì cả (nói thế chứ Trần Vũ sáng giá lắm) và chàng tuổi trẻ này liền xạc lại “anh ngon anh viết (dĩ nhiên là văn) coi!”. Chết, làm thế nào đây. Hay là...liều (nói vui thôi, bất bình tắc mình, chứ ai lại lao vào một cái nghiệp chỉ vì một câu khích bác!).

Thì liều. Chọn đề tài, đề tài đã và đang ám ảnh, không khó. Vấn đề dàn trải trong lịch sử, vậy cái thể tiểu thuyết lịch sử là bắt buộc (viết tiểu luận thì để Trần Vũ ôm bụng cười à?). Nhưng có chủ đề, đã có gì là tiểu thuyết đâu! Muốn viết tiểu thuyết, viết thế nào, cấu trúc ra sao, văn phong gì. Rồi nhân vật, tình tiết cho những chuyện kể. Về cấu trúc, nhân dịp tìm Walter Scott, kể khai sinh ra tiểu thuyết lịch sử Âu Châu xem sao. Đọc, chán phèo. Nhớ đến Ba Người Ngự Lâm Pháo thủ, không lẽ thế, đùa nghịch kiểu phiêu lưu ký không hợp cho mục đích viết theo chủ đề. Đọc Tam Quốc, Thủy Hử, Đông Chu Liệt Quốc. Thú vị hơn, có lẽ Ta mang nhiều đặc thù văn hóa Tàu. Nhắm đại chúng, thôi, nhất là Kim Dung rồi. Gió Lửa phải viết kiểu chương hồi, nhưng làm thế nào mỗi chương là một truyện ngắn, thế mới có thể gửi đến báo văn học hải ngoại chứ. Như vậy, để hấp dẫn bạn đọc thì chẳng lẽ đánh chương, phát chỉ lục, khua kiếm Độc cô cầu bại rồi để kết thì “..ghé vào tai bảo như vậy, như vậy...”. Chết, báo đứng đắn ai người ta in cho kiểu đó. Thử ghé mắt vào chương hồi Tây xem ra sao vậy. Đọc J Cortazar, không, không phải cái Ta khoái. Hồi Trần Vũ, chàng tuổi trẻ chỉ Péruz. Dờ ẹc. Thôi, tìm cái cách của mình, kết hợp Tây- Ta, có dịp thì nhét Bồ Tùng Linh pha chế với Marquez hay Borges, có sao đâu. A, zậy mà không phải zậy. Trần Vũ kêu, văn phong phải mới. Thử nghiệm: mới mà tổn hại đến độ làm biến đi cái không khí lịch sử thì sao? Thì lại quay lại văn phong cổ điển, vừa vừa phải phải. Thật là kỳ thú: văn chương có khác chi nấu nướng cho lắm đâu. Nhưng có kẻ nhắc, cẩn thận, cái khẩu vị người ăn là quan trọng. Ai ăn? Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ còn ăn nước mắm không? Vậy thì cứ viết theo đúng khẩu vị mình. Văn chương thiên cổ sự, Thất đắc thốn tâm tri. Nói theo Đỗ Phủ quả là an tâm.

Chương nhập của Gió Lửa, là Tiếng Đá, đăng trên Thế Kỷ 21 làm hai lần (quên là phải viết ngắn ngắn, sợ lố lăng giành chỗ người khác như ở chợ). Rồi sau là Chim trong lồng (Văn Học), Ân sủng (Hợp Lưu, gọi là ân sủng)... Có tiếng vọng từ Hoàng Khởi Phong. Tôi gửi cho chàng này bản thảo tập 1 (Lửa Đàng Ngoài), và ít lâu sau có hồi âm, khuyên “nói ra, ông viết như người ta lên lúa, đọc mệt quá!”. Nhưng có tí hồi âm, bớt cô đơn. Nhà thơ Lê Đạt đến Paris “bị” đọc 2 chương đầu, “dội”, và an ủi tác giả bằng cách nói, rất nhỏ nhẹ, “..cậu viết cũng được!”, và tác giả phản ứng, như một cầu thủ bóng đá “...thế nào là cũng được? Cũng, cũng là cái đ...gì!”. Kể lại, dĩ nhiên là co ù chút gì như cái nét “ngựa non háu đá” (hoặc dùng chữ Lê Đạt, chú mày làm như chú là Tiểu Ngạo Giang Hồ), nhưng tình thực để thú với bạn, rằng khi viết Gió Lửa thì tôi rất “run”, chẳng biết nó đi về đâu. Và như hệ luận, thế thì mình là ai! Lê Đạt nhắc, trong thân tình, “ta thấy chú mày dọa chúng ta thì dọa đã nhiều, nhưng chưa thấy chú mày viết lách gì...”. Thế là tôi viết một lèo. Hết đi nỗi sợ viết, viết ngắn hay dài, nhưng cứ canh cánh, độc giả của Gió Lửa là ai? Mười bốn tháng thì viết xong Gió Lửa, nửa năm sau đó Mai Ninh tổ chức cho “ra mắt sách” ở nhà Phan Nguyên. Trần Vũ đọc đít-cua, thừa quý vị, tác giả trẻ này bỏ làm thơ và vì thế tác phẩm đầu tay là một cuốn tiểu thuyết lịch sử gần 500 trang. Nghĩ lại cái kỷ niệm trong hầm rượu ở St Germain lại vẫn trạnh lòng! Và biết ơn các bạn văn đã, dẫu không khỏi ngờ vực, vẫn luôn ủng hộ tinh thần! Sau khi Gió Lửa chào đời, có thêm Phan Huy Đường, Phạm

trọng Luật, và Nguyễn thanh Nhã quan tâm. Nguyễn Gia Kiểng cũng chia sẻ với tôi một số quan điểm, và bên Cali, Đoàn Nhã Văn viết về Gió Lửa với cái cảm nhận khá đặc biệt.

Hẳn là còn rất nhiều điều để “thừa thốt”, nhưng cả anh và tôi, có lẽ chúng ta phải dành chỗ đó cho những nhà biên khảo phê bình. Tôi xin phép không đào sâu vào cả Sông Côn Mùa Lũ cũng như Gió Lửa qua cách tạo nhân vật, dựng tiểu thuyết, tâm lý, sự cố, tính chính xác và không chính xác ... Vì sao? Để trả lời, xin kể lại một câu chuyện (ch chử không phải tr): Genet là một tội phạm nhưng viết văn, văn hay đến độ nhiều nhà văn Pháp vào đầu thập niên 50 viết thư xin ân xá cho ông, trong đó có Sartre. Nhà văn kiêm triết gia này đã giới thiệu văn chương Genet bằng cách viết gần 700 trang “tiểu luận” về tác phẩm của Genet dày chưa đầy 300 trang (đăng lại trong tuyển tập văn Genet do nhà Gallimard xuất bản), và Genet, quảng tập bản thảo khi gặp Sartre trong một quán cà phê khu St German-des-Pres, sau đó không viết lách chi được khoảng bốn năm để thoát ra khỏi cái thành kiến Sartre để vào đầu độc giả về những tác phẩm của mình. Khi chúng ta viết về việc mình làm, tôi không khỏi có cảm giác vào một nơi bên ngoài đề XXX, đèo vào hàng chữ no cover, no minimum, và phải trình diễn một cái gì đó có lẽ chúng ta chẳng nên phô trương. Cho đến nay, tôi vẫn thấy rằng tác giả phải để tác phẩm một mình đi suốt cái thân phận của chính nó. Một mình, không cà kheo, như dạng những Lời Ngỏ trong Gió Lửa và Đất Trời, chỉ vì cái lỗi tác giả chưa thực bụng tin độc giả. Mea culpa. Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng. Nhưng một ngày nào Đất Trời và Gió Lửa sẽ đến tay bạn đọc không cần Lời Ngỏ. Ngày ấy, chỉ còn tác phẩm. Tôi không can dự...

Mặt nạ

Hư cấu trên năm, bảy mảnh đời cốp nhặt tạo ra những nhân vật của truyện ngắn này. Chúng không là những người bằng xương bằng thịt, tức có thật, hoặc tưởng là mình có thật, kể cả (và nhất là) nhân vật mang danh xưng Tôi trong truyện. Tôi, phần nào phải, nơi điều hành tâm và tình, trong truyện này mâu thuẫn với phần nào trái, nhân vật tên Th, mang chức năng sai khiến lý tính. Khi mâu thuẫn biện chứng - lý và tình - bế tắc, thực tại mang tính định mệnh, một loại tổng hợp mang nét ngẫu nhiên, có người cho đó chính là chữ Duyên trong Phật pháp. Tác giả nói quanh, xin lỗi bạn. Có lẽ bạn muốn xem hẳn kể chuyện thế nào cho thành truyện, thời giờ đâu mà viễn vông.

Tôi ra đứng trên sân ga. Trời mù sương, chỉ cách mươi thước là không thấy những đường ray lượn vòng. Để túi xách xuống, tôi châm thuốc, co người chống cái ấm lạnh đầu thu. Đứng thật im, tôi lặng lẽ nhìn. Tất cả có, nhưng tôi đâu rồi. Sợi khói thuốc tan ra chỉ để lại một thoáng mờ hồ. Và gió. Gió lên.

Xuống triền đồi, tôi đi ngược lên phía Thánh Đường trắng toát tôi đoán là nằm ở trung tâm một thành phố nhỏ tí. Không giống hẳn cấu trúc La Tinh, Thánh Đường nhọn hoắt vươn cao đầy cây Thánh Giá ngạo nghễ chọc thẳng lên trời. Men đường thành vòng vèo bằng đá xưa dùng như công sự phòng thủ, tôi chậm bước, lòng hoang mang. Tôi đến đây làm gì? Gặp nàng ư? Tôi chỉ biết nàng dọn về một nơi ở cuối Quảng Trường tôi không biết tên. Và nàng, nàng làm sao biết được tôi đang đứng đây, nhìn mái Thánh Đường và những con bò câu lui cui trên mặt sân lát đá, thỉnh thoảng lại cất cánh bay khi có tiếng chân người. Ngồi nép mình tránh gió một góc khuất, tôi tưởng tượng nơi nàng làm chẳng xa, và đến giờ xong việc thì nàng sẽ phải qua

đây, nơi nàng từng nói là hàng ngày nàng đi ngang một bức tượng, đến cuối đường thì rẽ trái. Nhưng quảng trường hình vòng cung, sau bước tượng bằng đồng mun này có tới ba nơi đều có thể gọi là cuối đường. Hay nhất, tôi ra ngồi dưới chân bức tượng, chỗ nhìn được ra xa, và khi có bóng dáng nàng thì tôi sẽ lần đi, thật nhanh...

Lá vàng rơi tả nhào lộn khi gió lại lên. Vào cuối Thu, ẩm khiến cái lạnh đậm buốt thịt da. Tôi thu mình, kéo áo, quấn chiếc khăn bằng lụa tím viền đen quanh cổ, buốt miệng "... vì lẽ nơi đây nặng tình, từ đó tôi chìm giữa mênh mông"¹ đúng lúc nàng hiện ra nơi đầu quảng trường, phía bên kia, mong manh, hư thực như một bức tranh cổ.

*

Theo cơn gió, tôi lên vào khi nàng mở cửa. Choàng áo len khoác ngoài dài đến gối màu tím sậm, nàng chậm rãi bước lên thang, dáng uể oải, miệng hát khe khẽ. Đằng sau, tôi thoáng ngửi thấy mùi thơm nhẹ của loài Hạ Tử, thứ hoa tím nở cuối hè. Đến tầng ba, nàng lôi từ túi xách sâu chìa khóa, tiếng kim lách cách như tiếng chim. Cửa mở. Trước khi đóng lại, nàng cúi xuống cời ủng dài tới gần đầu gối, xỏ chân vào đôi dép nhựa.

Nàng chẳng thể tưởng tượng tôi vào theo nàng cùng lúc bóng chiều nhập nhoạng biến mọi hiện thực thành những chiếc bóng hiu hắt trên tường. Tôi nép sau cánh cửa phòng nàng, nén hơi thở, ngực phồng lên như một cánh buồm căng gió. Nàng lặng lẽ thay áo quần, khoác lên người chiếc áo ngủ bằng lụa màu nâu nhạt, đi vào phòng tắm. Tôi không dám theo, đứng ngoài nghe tiếng nước ồ ồ chảy vào bồn, khe khẽ hít hơi nước nóng lách khe cửa bay ra ngoài. Nàng hát, giọng buồn buồn, "đời vẽ trong tôi một ngày, rồi vẽ thêm đêm thật dài, từ đó tôi sẽ rong chơi...". Thật lạ, đó là lời bài tôi lắm bả hát một mình khi còn ngồi ở quảng trường gió lên. Chẳng có lẽ bài hát đó làm riêng cho chúng tôi, hai kẻ cùng lẽ nơi đây nặng tình, chẳng biết rồi sẽ chìm dưới mênh mông thế nào.

Rong chơi. Thời đại này có thể ngồi một chỗ, và thỉnh linh nhận e-mail một ai đó viết em thích bài thơ anh hiển thị, em cũng tập tễnh làm thơ. Như thế đó, tôi gặp nàng trên mạng, lúc hàng trăm con chữ lượn lờ khắp thế giới hợp lại thành ngôn từ hiển thị trên màn ảnh máy tính của nàng. Thật dễ, hỏi em có khoẻ không? Hôm nay làm gì? Đêm qua ngủ ngon chứ? Nằm mơ thấy ai? Bao giờ ta gặp nhau? Còn anh? Anh cũng thế, nghĩ đến em! Ai ngủ ngon được khi ngủ một mình (thật may nàng không nghe tiếng chếp miệng có chút dỗi lừa)! Còn nằm mơ, cứ bịa ra thứ hiện thực huyền ảo ẩn dụ đa nghĩa cho đến khi quyết phải có câu trả lời bao giờ ta gặp nhau. Thì cứ để tình cờ, anh ạ, đời mà! Nhưng tôi vốn là kẻ yếu đuối nhưng, than ôi, lại quá nhiều tưởng tượng, kể cả về những cái tình cờ. Tôi bảo, tôi muốn yêu em trong ba chiều vật thể. Quan trọng gì anh, còn chiều kia là tâm hồn? Chiều này - tâm hồn em - thì đã thành máu thịt trong tôi mất rồi. Em bảo, thế là đủ. Tôi bảo, không, hiện tôi chỉ có những con chữ của em trong hai chiều màn hình. Tôi nhấn mạnh, tôi là một sinh vật giống đực, em có biết không. Em bảo, đừng nói thế. Tôi lải nhải, vô nghĩa yêu trên màn ảnh hai chiều. Cả một đời tôi ảo rồi, yêu nước, yêu nòi... và chẳng lẽ nay yêu em, cũng lại là yêu ảo như một cách thủ dâm linh hồn tôi sao? Em bảo, em không biết làm đàn bà... Lặng người đi, tôi làm sao kết luận gì khác hơn tôi chỉ là món đồ chơi trong một ảo trường những con chữ lòng vòng bốn biển rồi tụ nhau thành lời. Em bảo, đời em có những góc khuất, tôi không thể hiểu. Tôi tắt máy tính, thu người trong tâm nín. Mấy tháng sau, thật bất ngờ, em viết: em gặp người theo đuổi em, khóc rồi bảo nếu anh muốn thì em sẽ về sống với anh! Anh ta buồn, hỏi em yêu ai mà tuyệt vọng đến vậy? Rồi anh ta đi, biệt tăm. Tôi lại online với em, lại đòi đến thăm em... Nhưng em đẩy đưa, chùng chình. Để tôi lại hỏi tôi, hôm nay, tôi đến đây làm gì?

Em bây giờ là em của ba chiều vật thể, nhưng sao tôi chỉ cảm được cái ẩm buốt của những ngày cuối thu?

*

“Lạc rồi. Th đã quá bến xe Kh một chặng! Bây giờ gọi Taxi đi ngược lại đây!”

“Em đợi Th vậy.”

Taxi cặp vào con lộ vòng bến xe. Từ xa, em đứng chông chênh, co ro, hai vai rút lên. Th xuống, lòng đập chùng, chỉ thốt Em rồi nghẹn lời. Hai người vào phòng đợi tránh những cơn gió buốt. Em gỡ kính đen xuống, nói nhỏ:

“Bác sĩ bảo em phải kiêng gió. Nếu không, mắt lại nhức!”

Th nắm lấy bàn tay em nhỏ nhắn, chẳng biết nói gì. Chắc em cũng vậy, im lặng.

“Th có mệt không?”

“Không em ạ. May em nhờ người ra đón trên Pr, nếu không thì một mình chẳng biết làm sao về đến K được!”

Em cười.

“Cảm ơn Th đến thăm em...”

Th cười.

Đến giờ xe buýt chạy, Th xách vali, đeo túi khoác. Hai người lên xe. Ngồi cạnh, Th thoáng ngửi mùi hoa Hạ Tử. Băng trước, một cô bé lễ phép chào. Em nói, bé này sinh ở đây, chẳng những nói mà còn viết báo được bằng tiếng Việt mình. Th mỉm cười, lắng nghe câu chuyện về đội bóng thành phố K đá cứ thua hoài, có cảm tưởng em nói cho đỡ ngượng ngập. Nửa giờ sau xe đến K. Th kéo vali, leo những bậc đá lên đồi vào thành phố nằm trên bên kia bãi xe buýt. Lách qua một cái hẻm chỉ vừa vặn một người đi, em nói:

“Đây là ngõ Dao Phủ. Truyện kể một ông vua chém bà hoàng hậu, đao phủ đi ra từ cái ngõ này...”

Bà hoàng ngoại tình, và ông vua đổi cái thất tình của ông bằng sự chết của người ông yêu, em kể. Th ngậm ngùi:

“Th gọi là ngõ Thần Chết, những cái chết vô tích sự vì bản năng chiếm hữu. Tình là cái cho, không buộc được!”

Câu nói rơi như một chiếc lá thu buổi tàn mùa, nhẹ và chẳng gây được chú ý. Ra khỏi cái ngõ hẹp, em trở tay:

“Bên kia quảng trường là nhà em, cái quảng trường em nói với Th đấy. Sau lưng mình, là Thánh Đường. Và tít đằng kia có bức tượng, đến đó mình rẽ trái về nhà!”

Th nghe hai tiếng về nhà, lòng bỗng rưng rưng. Lâu lắm rồi, Th không có nơi để về. Nhất là về nhà.

*

Nhà em là căn hộ ba phòng. Ngăn nắp, có gu. Chủ nhân nó yêu sự gọn ghẽ, và cái đẹp. Phòng em, bàn phấn, một cái clavier đàn điện, giường ngủ và tủ treo quần áo. Phòng khách đơn giản. Bàn thấp, nơi em ăn, ghế ngồi là những cái nệm đặt trên thảm. Trước mặt, cái TV. Trong bếp, sạch tưng, và không có mùi nước mắm như thường người thấy trong những căn hộ người mình. Cạnh bếp, một phòng ngủ bỏ trống. Cửa sổ nhìn ra bức tường nhà bên, cây leo lá vừa đỏ sắc vàng, mái ngói đỏ sậm, lâu lâu dăm con sê về đậu, bơ vơ như những chiếc lá rụng cuối thu. Xa xa, bóng những triền đồi cây trụi lá cong lên chọc vào trời như lưng những con voi già thời tiền sử. Th châm thuốc, mở cửa sổ cho khói thuốc bay ra. Em đến bên, nhỏ nhẹ:

“Em mở nước cho Th nhé... Th đi xa, tắm cho khỏe.”

Khi Th vào phòng khách thì em đã thay quần áo. Nhỏ nhẹ, em khẽ khàng:

“Th đói thì có thể ăn ngay, nhưng chưa thì chờ, em tắm đã. Nhanh thôi...”

Th lại nghe tiếng nước chảy. Rồi tiếng em. Em hát nho nhỏ “đời vẽ trong tôi một ngày, rồi vẽ thêm đêm thật dài, từ đó tôi sẽ rong chơi...”

Em bước ra, những giọt nước đọng trên má, trên môi. Có cả những giọt đọng dưới khoé mắt, nhưng Th tin không là những giọt nước mắt. Th chậm rãi lau những giọt nước, từng giọt một,

như trong một giấc mơ lạ kỳ có những bà tiên tay cầm đũa thần mang phép lạ biến cuộc trần gian này thành niềm an bình miên viễn.

Th khen:

“Hành ta em thái xiên xiên, vừa đẹp, ăn lại ngon hơn là cách Th thái thẳng. Bát phở gà này là bát ngon nhất Th được ăn từ nhiều năm nay...”

“Si... Th nịnh, chẳng tin đâu...”, em khúc khích.

Nhìn ánh đèn cửa sổ phía trước đã thấp sáng một vùng, Th nói như nói chỉ cho mình nghe:

“Tối nay là một tối thật êm đềm. Xin cảm ơn Trời Đất! Và cảm ơn em!”

Đêm vội bước về với bóng tối đồng lõa mọi gọi mời. Từ ngàn xưa...

*

Nàng vào phòng, ngồi trước bàn phấn, tóc vén quá gáy. Tôi theo, đứng ngay sau nhưng nàng làm như không biết. Đêm từng sợi tóc măng mỏng mảnh, không dần được, tôi áp môi vào. Nàng rùng mình, nhưng vẫn không biết, đưa tay ra sau vuốt gáy. Tôi lúi vào góc phòng, đầu đón. Tôi chỉ là một cơn gió thoảng thôi sao? Bóng tối tràn ngập, trong tôi. Nàng bật đèn, bóng nhỏ xíu, sáng đủ để thấy tôi đang tồn tại trong ba chiều của cái không gian vật thể này. Cúi gằm, tôi đưa tay che mặt. Tay tôi ướt nhoe những giọt sương muộn. Không kìm được lòng, tôi thẳng thốt gọi Em ơi!

Nàng đáp, Em đây!

Nàng quay lại. Mặt nàng đắp một lớp bột trắng, khóe mắt bên trái long lanh một giọt lệ đang ứa ra, khóe bên phải chảy xuống một giọt máu đầu quay ngược mang hình con tim tật nguyên. Tôi van vỉ, hãy bỏ cái mặt nạ kia xuống, em ơi, tôi muốn nhìn thấy em cơ. Nàng đáp, em làm thủ tục buổi tối, phụ nữ chúng em đắp mặt để sáng ra tươi hơn, hy vọng mang lại những nụ cười cho đời. Vả lại, mặt em có tàn nhang, đắp thế may ra đỡ xấu... Mím môi, nàng nhếch miệng lên cười, cái cười nhăn nhúm những thách thức chông gai, nhưng ngoan cường, ngạo nghễ. Nắm bàn tay em, tôi ngậm ngùi, tôi chỉ là một cơn gió muộn. Nàng khúc khích, cơn gió muộn nhưng ám lòng như một trận gió nồm đăm mê. Rồi nàng kể, bà phù thủy người địa phương đây nói kiếp trước em là một nàng công chúa có kẻ hầu người hạ, kiếp này phải nhọc nhằn trả nợ cho công bằng mà thôi. Thế kiếp trước tôi là gì đây? Nếu là cơn gió nồm kiếp này, chắc xưa tôi là ngọn cỏ may chẳng ập ủ được nàng công chúa kia khi mùa trở dạ đông hàn. Chúng ta nợ nhau những cơn ấm lạnh của đời, nàng thủ thi khi tôi hôn lên những sợi tóc măng sau gáy nàng. Lấy bông thấm nước. Tôi nhẹ nhàng lau giọt nước mắt bên trái, rồi giọt máu bên phải, nhắc đi nhắc lại, tôi muốn em hạnh phúc. Cho đến khi tôi thấy nàng trở về nguyên sơ. Không son phấn, không mặt nạ, chỉ còn triu mến và bao dung. Cho đến khi tôi nhận ra mình chẳng chỉ là một cơn gió đăm mê. Em là lượng đất trời cho tôi, còn tôi, tôi chỉ mong trở thành mùi hoa Hạ Tử trong đời để ướp em thơm đến thiên thu.

Chúng tôi ngả người trên thảm. Lòng tôi như sông như suối. Trôi đi, những giọt nước an lành. Trôi và trở về biển bao la. Tôi đặt môi lên cơ thể nàng. Từng phân vuông, tôi thăm dò chất quặng quý hiếm dấu sâu dưới nòng nân thịt da, mong nàng sẽ không bao giờ nhắc câu nàng nói, em không biết làm đàn bà. Tôi nhẹ nhàng đẩy chân nàng, lách đầu vào, mặt úp xuống. Nàng nghiêng răng kim tiếng rên, môi căng cứng, tay bấu vào lưng tôi, đầu vật ngửa ra sau, bay lên như một cánh chim lộng gió. Cơn gió ấy là tôi, là tôi đấy, trong một trời đầy sao băng, những vệt sáng vụt đến chạm trở vào tâm khảm những mảnh xà cừ lấp lánh.

Tôi yêu em, em biết không?

Cứ thế tôi nhắc đi nhắc lại cho đến kiệt lực thiếp đi.

Khi tôi mơ màng thức giấc, nàng đã lên nằm trên giường. Tôi nghe tiếng nàng thở đều đặn.

Ngồi dậy, tôi lặng lẽ đến bên nhìn nàng ngủ. Gục đầu vào ngực nàng, tôi chìm trong niềm an lạc cho tới lúc nàng lùa tay vào tóc lay tôi dậy với bình minh một ngày tinh khôi vừa đến .

*

“Đưa Th đến Ka, thành phố có phim trường và suối nước nóng cách đây không xa, Th nhé! Đi xe lửa, mất độ gần một giờ!”

“Tùy em...”

“Trời đẹp nhưng hơi lạnh, Th mặc áo ấm cho em.”

Hai tiếng cho em ngọt ngào như húp chè đậu xanh ngày hạn. Th nghe, ngoan ngoãn như một đứa trẻ, quàng quanh cổ chiếc khăn lụa tím có viền đen. Em bảo, khăn đẹp, em thích màu tím, màu Hạ Tử Hương. Thì em giữ, xin tặng em. Em cười, tay cầm khăn, nói như reo, chiến lợi phẩm đầu của vụ trấn lột đây.

Trên đường ra ga, hai người đi quanh co ven con đường có những tác phẩm điêu khắc. Em dịch tên những bức tượng, nói ríu rít như chim, mắt chan hoà nắng mai màu hoa cúc. Th bước theo, nghe những âm giai lòng mình rung trên cung bậc một cây đàn bỏ quên mới tìm lại. Th thầm nhủ, nếu có, thì phép lạ là thực hữu, là lúc này, ngay bây giờ. Em cất tiếng hát nhỏ nhỏ, tiếng là sợi tơ mỏng mảnh giăng ngang, lời thì vẫn muôn đời là chuyện tình yêu. Nhân loại cứ thế hát, từ nguyên sơ, không chán, không mệt, dẫu lở làng dang dở.

Đến Ka, em đưa Th vào một công viên. Lá vàng dẹt thảm, gió thu đông đưa, và trời lành lạnh. Trên không, cao vót, những cụm mây trắng hiền hòa lơ lửng trong nắng hanh tươi như sắc một người bệnh vừa hồi phục. Bỏ câu nghe tiếng chân chạy dạt ra, nhưng không bay, đứng xa xa chờ người ném những vụn bánh. Em vung tay, bỏ câu loăn xoăn sấp gần, tranh nhau mổ. Em khúc khích, chụp cho em vài bức ảnh kỷ niệm. Và em tạo dáng, khéo như người mẫu, chân duỗi dài, tay vén tóc. Th ngây người, ngắm, bấm, nghe tiếng lao xao từ chiếc ghế đá sau lưng. Hai cô bé, một tóc vàng, một tóc màu hạt dẻ, chỉ trở rồi cười phá lên, miệng nói thứ ngôn ngữ Th không hiểu. Hỏi hai cô bé này nói gì, em cũng cười, tinh quái dịch lại, mắt ánh lên chút thỏa thích. Th không hỏi thêm, nhưng em nhắc lại. Th cười vàng như mùa thu gió bắt đầu thấm vào da thịt. Tự nhủ, hãy để phần não bộ bên trái xung động, cái phần tạo tác lý trí chỉ huy nửa người bên phải, Th đưa tay vuốt tóc, tay phải, vuốt tóc phần đầu bên trái, phần não bộ đang run rẩy chống những cảm giác hững hờ của kẻ không biết bơi bị ném vào một dòng sông lạnh ngắt. Sông lạnh. Và những ngum nước suối nóng phun từ hàng phong-ten đặt dài dài hai bên lối đi không đủ để Th thôi rùng mình.

Gió lên. Em đưa tay che mắt trái. Th nhìn, những gân máu đỏ hoe. Chuyện em đau mắt đến độ có thể phải làm phẫu thuật đã khiến Th cố bỏ ra ba ngày bắt máy bay qua thăm em trong thời gian eo hẹp của một chuyến vượt Đại Tây Dương. Th bùi ngùi, nói em đeo kính vào đi, che gió chứ không thì làm sao khỏi. Em đáp, khoan, để em chụp thêm một bức ảnh. Th xem trước mặt cái đường hầm bắt ngang, đằng sau là đèn đường mới lên, đẹp làm sao. Th thầm nhủ, cái đẹp có thể cứu rỗi, nhưng cứu rỗi tâm hồn chứ không chữa lành được mắt trái em, nay thị lực chỉ đâu còn 5 trên 10. Và tự hỏi, em thấy gì, sau cái đẹp của những tượng hình vật thể, nhất là khi một mắt em chỉ còn một nửa?

*

Đợi nàng thờ đều đều, tôi rón rén ngồi lên. Đèn đường hắt qua cửa sổ nhuộm căn phòng một màu vàng da người sốt rét. Co chân, nàng nằm quay mặt vào tường, chặn mỏng đắp lên người, tóc xõa trên gối. Nàng nằm, ngoan như một con mèo ngủ, móng sắc dấu dưới áo ngủ màu nâu nhạt mềm mại ôm lấy thân thể. Tôi đến bên, thật khẽ, và nhìn khuôn mặt thanh tú, gò má phải có những chấm tàn nhang nàng dẫu muốn cũng chẳng tẩy được. Cựa mình, nàng nói mê, nghe như than vãn nhưng môi lại nhếch lên cười. Cái cười tôi đã thấy chiều nay, chỉ thiếu ánh mắt nàng tinh quái khi hai đứa bé ré lên cười. Nàng dịch, chúng nó bảo, cô con gái đẹp thế mà sao ông bố già xấu đến vậy. Ông bố chỉ có thể là tôi. Già và xấu. Cấn răng, tôi kìm nổi xót xa. Cấn răng, tôi nuốt nước bọt. Cấn răng, tôi nhớ một nhà thơ già đã viết tặng tôi thanh xuân = hạnh phúc ngày tôi bằng tuổi nàng cách đây một phần tư thế kỷ. Cấn răng, tôi bật máu miệng, đầu mê mị cho đến khi có ai đó lay tôi.

Mở mắt, tôi thấy một người đàn bà gù, tóc trắng xóa màu bạch kim, tay chỉ, miệng nói sắp mở một dạ vũ hóa trang rồi, hãy xem có thích gì trong cái hòm gỗ ở góc phòng không? Tôi không còn tự chủ, hai chân nhấc lên, người bay là là, tay nâng nắp hòm. Hòm đầy mặt nạ. Có cái mặt nạ nhìn dần dần. Có cái mặt nạ nhìn hiền hiền. Có cái mặt nạ vênh vang tự hãnh, mắt viền đen trên nền phấn trắng bệch. Có cái mặt nạ mắt nheo miệng nhếch tinh quái. Có cái mặt nạ trông ngây thơ, nửa kia điểm đàng lẳng lơ. Có cái cười thỏa mãn của một con cái khi con đực cắn miếng môi câu quết mặt. Có cái mặt nạ môi mím chặt răng nanh thò ra như trong truyền thuyết ma cà rồng hút máu. Có cái mặt nạ tôi đã thấy đêm đầu, dưới lỗ đục cho mắt phía trái đong một giọt máu. Còn mắt bên phải, một giọt lệ.

Bà già bảo, chọn đi, ai cũng phải hóa trang. Tôi lắc đầu. Tôi sợ đeo vào rồi chẳng bao giờ cởi được mặt nạ ra cả. Tôi lăm bằm, không. Bà già đưa hai bàn tay xù xì nâng mặt tôi lên, nhìn chòng chọc, quát nhỏ vừa già vừa xấu, không đeo mặt nạ thì ai nhẩy nhót với mi. Tôi xấu, đi mỹ viện tôi sẽ kéo da cho trán đỡ nhăn, tẩy những vết chân chim cuối mắt, và nhất là thay máu mới cho trái tim trẻ lại. Nhưng còn già ? Tôi nhìn về phía nàng cầu cứu, thì thào, chẳng ai ngoài em có thể quay ngược được cái kim đồng hồ cho tôi. Nàng vẫn ngủ, bất động. Như một con mèo co móng giấu vuốt dưới lớp chăn mỏng.

Có tiếng hai đứa bé gái lại khúc khích cười. Cô con gái đẹp thế mà sao ông bố xấu đến vậy. Nhưng làm nát lòng, không phải thế mà vẫn là cái nhìn thỏa mãn tinh quái của nàng. Bỗng tiếng clavecin cất lên, hòa với tiếng vĩ cầm và tiếng sáo. Nghe đâu là khúc Đồng trong Bốn Mùa, những mùa thời trung cổ, lẫn trong tiếng cười đùa, tiếng reo hò, tiếng pháo, tiếng ngựa hí. Đến bên cửa sổ, tôi nhìn xuống. Đường phố đầy người áo quần sặc sỡ nhẩy múa. Sau hai hàng lính vũ khí sáng choang, một đoàn xe ngựa lừng lững vào quảng trường, vó đạp lộp cộp, lẫn vào tiếng hô vang vang. Vua đã đến, hỡi thần dân, đêm nay là đêm của mọi hoan lạc. Dưới những chiếc mặt nạ đủ thứ hình thù, người không phải là người của những trói buộc thường nhật, kể cả trói buộc đạo lý. Các người được giải phóng. Các người là người tự do, trong một khoảnh thời gian Thượng Đế ngủ quên để chính các người lên ngôi thiêng cao ngất ngưỡng của bản năng nhục thể.

Quay nhìn, bà già tóc trắng không biết biến đi đâu. Trên giường, chỉ còn chiếc chăn mỏng chơ vơ, nàng cũng chẳng biết đã xuống đường tự lúc nào. Choàng áo lạnh, tôi vội vã lao ra. Trong những góc khuất, có tiếng rên rỉ khoái lạc. Tiếng chửi trong hưng phấn. Và tiếng van xin, nửa đi, nào nửa đi. Tôi chạy giữa đám mặt nạ, mắt trương lên, tìm nàng. Làm sao tìm được em đây trong một thế giới chỉ toàn mặt nạ? Đến trước chiếc xe ngựa trên có kiệu vua, tôi phủ phục, xua ngài đã cho chém một bà hoàng hậu phản trắc ngoại tình, nay xin ngài rủ lòng, bắt mọi người bỏ mặt nạ dăm phút, để tôi tìm ra nàng. Vua ngoắc tay, một người to lớn, mặt trắng nhợt, râu hung tua tủa như râu ngô, tay cấp đại đao tiến lại. Chắc người này là tay đao phủ đã đi vào huyền thoại mang tên ngô Đao Phủ đây. Người đó nghe Vua phán, nhếch mép cười khinh, xăm xăm bước đến gần tôi, rồi thốt một tràng thứ ngôn ngữ tôi không hiểu. Tôi đáp, nhưng hần cũng chẳng biết tôi nói gì. Hần vung đao lên, ánh mắt dọa nạt. Tôi lùi lại. Thành linh, tôi chợt nghĩ ra tôi có thể tìm ra nàng bằng mũi. Nàng dùng nước hoa mùi Hạ Tử Hương mà. Thế là tôi nhắm mắt, bịt tai, chỉ để khứu giác làm việc. Tôi quay lại, chen chân vào đám đông, mũi hình lên, não bộ tập trung vào phân loại đủ thứ mùi. Và chao ôi, lạy những đấng thần linh, mùi hoa phảng phất đâu đây.

Khi tôi quay người một cô gái bé nhỏ thơm mùi hoa Tử Hương lại, tôi thấy chẳng hiểu có phải là em hay chỉ một chiếc mặt nạ, mắt bên trái đỏ hoe, và gò má bên phải có những vết tàn nhang.

*

Vào bếp, tôi làm một tách cà phê, rồi sang trái bên cạnh. Tôi nhồi thuốc vào tẩu, bật lửa. Đứng bên cửa sổ, tôi co người, mắt nhìn vào giấy đòi bao quanh thành phố nay thấp thoáng những

ánh đèn xa tấp. Tiếng đàn hát buổi dạ vũ hoá trang đầu đó vắng trong trí nhớ vẫn chập chờn tình mê. Th ở đâu bỗng hiện ra, đứng cạnh tôi như một chiếc bóng bám vào hình. Ngày hôm qua, chẳng biết nàng đùa hay thật, nói:

“Chúng mình hãy để em bé nhé, một đứa gái, em muốn thế. Chúng ta cùng đứng tuổi, sống với nhau thì sẵn sóc được cho nhau lúc tắt lửa tối đèn.”

Th ngần ngừ, đáp, ở tuổi anh, chỉ năm mười năm là nó mò côi cha, anh chẳng thể chống nổi cái kim đồng hồ cứ xoay tròn dưới ánh mặt trời. Em nghe hai đứa bé ở công viên nói đấy, chẳng già và xấu sao. Và còn em, chẳng bao nhiêu năm mà góa bụa, làm sao anh trách nhiệm cho nổi. Anh biết, chuyện em phải xa đứa con trai để cho mẹ em nuôi vài năm nay khiến em day dứt, thậm chí có lúc ân hận mình ích kỷ đến vô tình, lắm khi không còn hiểu tại sao em tiếp tục tha hương cầu thực như những con sê non sà vào khung cửa lạ chờ một mẩu vụn bánh mì vương rãi. Em nên về quê hương, rồi thế nào em cũng tìm ra một tấm chồng, chưa già và không xấu, dựng một mái nhà bắt đầu lại tất cả trong tình yêu. Mặt cứng lên, môi mím, em nghiêng răng bảo:

“Em không về, và Th hứa đi, đừng bao giờ bắt em lấy chồng. Điều này quá dễ, nhưng em chỉ lấy một người thôi, đúng như lời bà phù thủy nói với mối tiền duyên này em sẽ hạnh phúc.”

Định hỏi thế nào là hạnh phúc, nhưng biết mình hỏi điều khó có câu trả lời, Th im lặng, vẫn đứng cạnh tôi, chiếc bóng bám vào hình. Một chiếc bóng khổ sở, thờ dài trong bóng đêm gàn tan. Tôi bật miệng:

“Mi ngờ vực?”

“Ta ngờ vực cái gì?”

“Mi nghĩ nàng cuối tuổi xuân tìm một chỗ yên ấm dung thân!”

“Không, đó là chuyện tự nhiên...”

“Thế mi ngờ vực chuyện gì? Tình yêu!”

“Tình yêu của nàng? Nó như một cơn hoang tưởng của kẻ thất thần... Những cơn giông bất ngờ, sáng mưa, chiều nắng...”

Tôi phá lên cười, nắm vai Th lay cho hấn tỉnh. Trầm giọng, tôi nói, từng chữ:

“Tình yêu không của ai, kể cả mi, kể cả nàng. Yêu, là thiên thần bay quanh hình tượng Thượng Đế... Yêu là yếu tính khi tâm linh chạm vào bản thể nhiệm màu của Đấng Trời, không thời gian, không gian, không đư-ợc-mất, có-không. Từ đó, là sự tái sinh. Và là hòn đá đặt chân cho sinh tồn của loài người. Nàng mong có đứa con gái, ta hiểu đó là tình yêu mà mi cho là hoang tưởng để non từ cái tính toán so đo của phần não phía trái... Tội nghiệp cho mi!”

Th vùng vằng:

“Nhưng ta già mất rồi... Giờ này lấy vợ để con là những chuyện không tương lai. Và già rồi tất sẽ bệnh, lúc ấy ta là gánh nặng cho người khác. Hiện thực là thế, ta không muốn mang trách nhiệm xâm hoại đời người ta yêu...”

Tôi thảm nhủ, tình yêu tự nó là đủ, đâu cần những nào là hiện thực, rồi tương lai, và trách nhiệm. Tôi quát nhỏ:

“Nhân gian này mà cứ chỉ hiện thực, hiện thực... thì đã tận tuyệt từ lâu rồi. Chính có thể thăng hoa mọi hiện thực mà con người tiếp tục tồn tại. Muốn thế, phải tái sinh, điều kiện cần duy nhất là tình yêu, cái mà người đời lắm khi hạ thấp xuống gọi thành bản năng nằm ngoài lý trí...”

Cổ kim nóng giận, tôi nhỏ nhẹ:

“Mi hãy nghe Khalil Gibran: “nếu trong sợ hãi các bạn chỉ tìm kiếm yên bình hay lạc thú của tình yêu, lúc đó, nên che lên sự trần trụi của mình và bước ra khỏi sân đập lúa của tình yêu, rồi vào một thế giới không mùa, nơi các bạn sẽ cười nhưng không trọn tiếng cười và khóc nhưng không trọn nước mắt.”²

Th ấm ức:

“Ta phải làm gì?”

“Thì làm điều con tim mi thầm thì. Đơn giản thế thôi. Mi làm sao mà giàu ta được. Chẳng phải mi từng toan tính về nước với nàng, rồi cùng nhau ra sống ở Nha Trang. Mi sẽ mở một cái cửa hàng để nàng buôn bán vật vãnh. Còn mi, mi ngồi dịch những cuốn tiểu thuyết mi thích hay sao? Nắng và sóng sẽ nuôi nắng tình yêu, mi chần chờ gì mà không nói cho nàng hay... Hãy sống mọi thời khắc như những phút cuối, và chẳng có chọn lựa nào khác là sống thật, với phần não bộ bên phải.”

Th lẩm bẩm, ừ thì về sống trong một căn nhà nhỏ trước mặt Hòn Chồng. Để những buổi tinh mơ có nắng trong lòng. Để những chiều chạng vạng đọc trong ánh mắt em những thoáng tình nguyên. Và chạm vào sự nhiệm màu, như sống và chết.

Có tiếng chân, rồi tiếng em ríu rít:

“Th uống cà phê chưa? Đợi, em làm điểm tâm, ăn xong mình đi chơi, Th nhé!”

*

Chưa ăn xong điểm tâm, điện thoại reng, nàng nói anh cứ đến quảng trường rồi điện thoại, em sẽ xuống đón.

“Ai vậy? Th chỉ còn ngày hôm nay với em, mong không có ai khác. Th có chuyện muốn nói...”

“Anh này chụp hình, quay phim, ngày trước là chồng một người bạn em, nhưng nay họ chia tay. Hẹn đi chụp ảnh này từ lâu. Vả lại, em có một người bạn gái nhỏ tuổi, người yêu mới về cách đây hai hôm, chắc không qua lại đây nữa. Em giới thiệu cho họ biết nhau, anh chàng này có lúc tỏ vẻ thích cô bé...”

Th rợn sống lưng. Người yêu mới đi hai ngày, bà chị đã định xe duyên mới cho cô em? Thời mì ăn liền có khác, nhanh và gọn. Không, Th ngẫm nghĩ, có gì còn con người chút nào không? Chắc cũng có, nhưng nay thực tế lắm: khóc làm chi những mối tình xa cách không tương lai, hãy đun nước cho sôi, rồi xé bao giấy lát-tích, bỏ mì với gia vị hóa học vào bát, đập lại và bằm tình người trộn vào hành lá, rắc thêm hạt tiêu, sau thì bày biện nhìn cho văn minh và sang trọng.

Anh chàng vai quàng hai máy ảnh, tay xách một túi ống kính phụ tùng, nhìn rất nhà nghề. Giục toáy lên, cô bé và em ríu rít mở cửa xe xuống ngồi băng dưới, Th băng trên, anh chàng rờ máy chạy. Em bảo, ngã tư anh rẽ phải nhé, ta đến một công viên đẹp lắm. Anh chàng rẽ trái. Đi đâu thế? Anh chàng cười hề hề, đi Pr, anh có hẹn chụp ảnh cho một buổi quyên góp của cộng đồng giúp nạn nhân bão lụt miền Trung. Ở sao thế anh không nói trước, o ép nhau thế? Anh chàng lại hề hề, Pr cách đây một giờ xe, có chi đâu, sau sinh hoạt cộng đồng thì mình đi chụp ảnh mà. Th bực bội, cố kim lòng. Đi loanh quaoanh chụp ảnh buổi sáng, đến trưa Th tưởng có được những giờ phút ngày cuối cùng với riêng em coi giờ như đi đoong. Em chau mày, nhưng bình tĩnh “đàm phán”, cuối cùng anh chàng bằng lòng thả mọi người ở quảng trường Con Ngựa, xong việc phó nháy sẽ điện thoại sắp đặt buổi chụp ảnh như đã hứa.

Ba người lang thang đi đến quảng trường Con Gà, tên gọi nơi có cái tháp chuông nổi tiếng, cứ mỗi giờ thì một con gà làm bằng đồng sơn sặc sỡ chui khỏi tháp ra kêu cục cu. Du khách chật lỏi đi, dẫu Pr đã vào những ngày tàn thu lạnh lẽo. Trời hôm nay lại đầy mây, thỉnh thoảng dăm giọt mưa lất phất đe dọa. Dưới đất, chim bồ câu lao xao tranh cướp những vụn bánh người đời vứt cho. Em lại tạo dáng, bảo cô bé chụp. Th nói: lẽ ra em phải ở trong nước làm nghề đóng phim mới phải.

Th đã ghé Pr năm năm về trước. Thành phố không thay đổi, có lẽ chỉ nghèo đi chút ít trong cơn suy thoái toàn cầu. Th bước trên cái cầu bắc ngang Danube, chăm chăm tìm khách sạn nơi đã ở lần trước. Bước xuống chân cầu, khách sạn vẫn đó, nằm cạnh một quán bia trang trí kiểu rất địa phương. Ven bờ nước, em lại tạo dáng, và cô bé lại chụp. Quả em yêu em, bất chấp cái lạnh khiến mắt trái lại nhức. Th rử vào quán bia. Vòm quán làm bằng gạch đỏ, gạch xếp theo hình trái khế, cổ kính nhưng ngoạn mục. Em bỏ kính xuống, lại tạo dáng.

Chiều, anh chàng mới điện thoại. Lên xe, anh đưa đến chỗ chụp ảnh, dầu trời nhá nhem và gió

khá lạnh thốc vào nhân gian. Em thật giỏi, vui vẻ “đàm phán”, và dĩ nhiên vẫn đưa tay, khom người, duỗi chân, tạo dáng. Rất nghệ thuật. Không ai có thể nói em không dịu hiền. Nhất là không bắt mắt, tươi như hoa, mặc dầu mắt trái vẫn nhưng nhức. Về đến nhà thì đã tối lắm rồi. Trong khi em và cô bé sửa soạn bếp núc, anh chàng ngồi thủ thỉ tâm sự. Anh thổ lộ, không hẳn mấy bất ngờ, anh có cảm tình chẳng phải với cô bé mà là với em, thử tiến tới xem sao, và biết đâu tơ trời lại chẳng buộc máy ảnh vào một người yêu nghệ thuật tạo dáng... Khuya anh về, Th vào bếp định cho em biết tâm tình anh chàng, nhưng chưa kịp nói gì thì nàng quắc mắt, nói như quát, chuyện gì không vui thì đừng nói. Th hững hờ, bảo, đừng ra lệnh như thế! Thế là hết một ngày. Cái dự định nói với em về căn nhà trước Hòn Chồng tức tưởi như một cái bào thai chết ngạt trong bụng mẹ.

Em lạnh lùng, ra mở máy tính, “chát” với ai đó online. Nhu cầu đi quyến rũ để được đáp trả bằng những lời lẽ dịu dàng triu mến trên màn hình hai chiều khiến em lơ đãng người em nói em tôn kính và sẽ yêu suốt đời. Th bắt đầu tiếc một chuyến đi ngày không lành, tháng không tốt. Phần não bộ bên trái vùng vàng, hỏi phần bên phải, mi thấy chưa? Phần bên phải im lìm, ngậm ngùi nhìn đôi vai em gầy guộc cắm xuống màn hình, thấy một niềm cô đơn chẳng an ủi được. Nghe đâu đây, đời vẽ tim em lạ kỳ, tình có trong em nhiều mùa, rồi từ đó thiên hạ quá ưu tư... Nhưng biết đâu, chính em chẳng biết tìm mình thế nào, và làm sao em cảm nhận được gì từ đám thiên hạ kia quen lời ve vuốt những người đàn bà nhan sắc.

*

Nàng “chát” rất lâu. Khi tôi thức giấc, tôi đã thấy nàng đang lại ngồi trước màn hình. Tôi để nhẹ tay lên vai nàng. Môi mím, miệng lặng câm, người nàng không cảm giác, còn hồn thì đắm chìm vào những con chữ nhấp nháy đuối nhau chạy theo đường ngang. Tôi vào bếp pha cà phê, ra đứng trước cửa sổ cái trái cạnh bếp, nhìn ra ngoài. Trời hừng sáng, vẫn đầy mây, ảm đục. Những triền đồi cuối mắt gồ lên như lưng những con voi già vẫn phủ phục nhẩn nhục. Cách đây hai hôm, cũng từ cửa sổ này, tôi thấy một đàn dăm con chim sẻ. Nhướng mắt, tôi tìm chúng trên những nóc nhà rêu bám xung quanh, trên bờ tường có giàn cây leo lá chuyển sang màu nâu đỏ, trên dọi dây điện giăng ngang. Không biết chúng lạc đi đâu? Tôi nhớ một con nhỏ nhất đàn, lông màu nâu, thường nó bay sau, lúc nào cũng đơn lẻ. Khi ném xuống sân dăm vụn bánh, nó không nhào vào tranh cướp, lẳng lặng đợi, và chỉ khi đồng bọn bay lên nó mới cúi tìm những vụn bánh sót lại dưới gốc cây leo. Tôi lại nhìn. Con sẻ nâu ở đó, lủi thủi, ngộ nghĩnh, nháy quanh, vô vọng. Tôi nói nhỏ, sẻ ơi, bay về tổ đi, may còn chút ấm áp, mùa đông đang về rồi.

Tiếng nàng cất lên:

“Th đi làm hành lý đi, tàu lửa lên Pr vào lúc 10 giờ.”

Tôi thấy xót xa, nhìn con sẻ nâu lần cuối.

Chúng tôi ra ga. Nàng im như thóc, lằm lì, nửa mặt là cái kính đen, không nghe thấy gì khi tôi nói. Lên tàu, nàng co tay, ngồi đối mặt với tôi, ngoẹo đầu ngủ. Tôi nhìn ra ngoài. Phần não bộ bên phải kêu cứu, gọi phần bên trái, may ra tìm lại được điểm cân bằng. Nàng đổi hờn? Phần não bộ bên phải hỏi. Phần não bộ bên trái đứng đĩnh:

“Sáng mưa chiều nắng là phản ứng bất nhất một tâm hồn thương tật đang trên vực bờ trầm cảm.”

“Thế thì đáng thương, đâu đáng trách?”

“Này thi sĩ, phần não bên trái trầm giọng, trách làm gì nhưng thương cho đúng mới khó. Và chớ để mình mất mình, lúc đó thì chẳng thương ai được nữa!”

Giờ chia tay. Phần não trái trong tôi cất tiếng khuyên nàng nay ốm đau thì nên về với mẹ và con trai nàng, chứ không người thân, lại mất công ăn việc làm, thì nàng xoay sở thế nào cho ổn

được. Nàng nhìn tôi xa lạ. Tôi nói:

“Th thương em.”

Mặt nàng đóng một lớp băng mỏng trong suốt, mắt trái vẫn còn những gân máu đỏ, gò má phải có dấu vết tàn nhang. Nàng đáp:

“Em không cần ai thương cả!”

Phần phải não bộ định thốt, tôi yêu em. Nó bảo phần bên trái, thôi đừng giở trò, hãy bao dung, em hành xử chẳng mấy tế nhị cốt thử thách tình yêu của mi, và phản ứng cứng cáp hôm nay chỉ để che đi độ cực nhạy cảm của một con người cô đơn trước giờ chia tay. Phần bên trái thờ dài, không, em đã thất vọng, ta chẳng phải là người em đi tìm, vừa già vừa xấu, lại chẳng dám phiêu lưu vào một cuộc trôi buộc. Phần bên phải rít lên, hãy nắm lấy tay nàng, hãy qui xuống cống hiến cả đời mi cho nàng yên tâm. Nhưng nàng lùi xa, quay ngoắt người. Định mệnh chỉ là một thoáng, đã hẳn khác đi khi nào bên trái đành chịu phần bên phải lấn áp để tôi cười trợn tiếng vui và tôi khóc trợn nước mắt. Lẽ ra, khoảng đời cuối cùng của tôi có thể là những ngày trong một căn nhà trước mặt Hòn Chồng nếu như nàng không quay lưng bước thật vội. Không, định mệnh đã hất bước chân nàng lên cao và đẩy nàng vào một tương lai khác.

Ngậm ngùi, tôi nhìn theo chiếc áo len choàng màu tím hoa Hạ Tử xa dần, thấp thoáng cho đến khi biến mất như một giấc mơ. Giấc mơ khi nằm nướng, đẩy cho lùi lại một ngày không mấy vui. Đi, quả có chết một ít, trong lòng.

Lên máy bay, đầu tôi trống rỗng, cảm giác hững hờ như bước hụt khi xuống thang. Tôi chớp mắt trong tiếng động cơ rừ rừ ru ngủ. Tai tôi, đâu đây là tiếng đàn câu hát đêm dạ vũ hoá trang ở quảng trường có ngõ Đào Phủ hôm nào. Tiếng reo hò cất lên từng đợt tựa sóng tràn bờ. Kiểu rước Vua đi tới, cạnh vẫn là tay đao phủ mặt trắng bệch, và một đoàn lính gươm giáo sáng ngời. Đầu con ngõ chỉ đủ cho một người đi qua, lính kéo ai đó tóc xoắn trong gió lạnh, vai chệch quàng hồ chiếc áo choàng màu tím, đầu cúi xuống nhưng lại ngừng lên, bước liêu xiêu những bước gầy đổ một cuộc phù sinh. Tiếng gạch đá bỗng chát chúa. Lậy Đấng lòng lành, có những kẻ ném đá đày, sao người không đứng lên bảo, đá đây, ai là kẻ chưa từng phạm tội thì hãy bước ra ném viên đá này. Tôi lao lên, vạch đám người đang hò hét, xông tới. Trước mặt, người ta đã cất pháp trường. Ngay lối ra cái ngõ, một giàn gỗ cao độ hơn thước, đằng sau là kiểu Vua ngồi, phía trước đóng một cái then ngang có đục lỗ vừa vặn cho một cái cổ, dưới để một cái rổ hứng đầu kẻ bị tội chết. Phạm nhân giang tay theo chiều then, đầu chui qua lỗ, tóc vén, gáy hở để lưỡi đao bén ngọt khi Vua hạ tay ban lệnh hành quyết. Rợn người, tôi nhào lên chiếc sàn gỗ, miệng lảm nhảm van xin:

“Lạy Vua anh minh, ngài rủ lòng thương, không có tội nào là tội chết cả. Xin hãy cho sống, vì sống cũng trả giá, hình phạt kéo năm này qua năm nọ, chẳng phải ít đâu...”

Tên đao phủ co chân đá vào ngực tôi, hét tướng lên:

“Thằng điên mặt vàng ếch này ở đâu ra?”

Tôi ngất đi. Khi tỉnh, tôi không nghe thấy một tiếng động nào. Nhìn lên, không còn một ai. Cái thế gian vỗ tay những cuộc trầm đầu lặn vào vùng tối nhất vũ trụ này. Nhưng cái then ngang vẫn giang tay ra trên sàn gỗ pháp trường. Tôi cố lết tới. Sàn gỗ không lấm máu. Cái rổ hứng đầu phạm nhân vẫn lù lù đầy. Ngồi lên, tôi với cái rổ, lòng buốt đau chắc hẳn sẽ thấy đầu nàng.

Nhưng không. Tôi đổ rổ, một đồng mặt nạ rơi ra. Có cái nhìn dịu hiền, có cái đàn đàn, có cái vênh vang tự hãnh. Có cái môi mím chặt, có cái cười tinh quái. Có cái nửa ngây thơ vô tội, nửa kia điểm dàng mang ngoại hình một cô bé bưng bê kiếm tiền boia bằng những động thái tính toán bề ngoài nhìn như tình cảm. Với thời gian, mọi vật thể đều rồi rệu rã. Mặt nạ nào cũng sẽ vữa ra, phấn son nhòe nhoẹt, để lại trên mặt thật dấu vết thương tật của tâm hồn. Đây là khi còn mặt thật, nhiều kẻ chết vẫn còn mang mặt nạ, xuống cõi âm quỷ lột da mới kéo được nó ra. Nhưng thật may và thật lạ. Tôi không thấy cái mặt nạ với mắt trái đỏ hoe và gò má phải có vết

tàn nhang.

Thế là có phải em đã tìm thấy mặt thật của mình rồi không?

Tôi nhún, chúng ta chỉ có thể thực sự sống với khuôn mặt thật của mình. Vì lý do gì đó đôi khi ta đeo mặt nạ, nhưng không ai đeo mãi được vì đời đâu có là mãi những dạ vũ hóa trang.

Tiếng phi hành viên cất lên, rồi đèn bật. Tôi lại đáp xuống một phi trường lạ, không có nơi để gọi là về nhà, và lại tiếp tục vật vờ trong một thời trống vắng.

(29-12-2010)

Tạp truyện (chuyện) Cali

*tặng NMG và những người bạn vừa uống rượu
"con gà" vừa bàn chuyện hủy nội dung*

Hắn và tôi là hai trục tọa độ. Nếu hắn trục hoành, thì tôi là trục tung. Như cặp nội dung và hình thức. Nhưng đây không phải là hai mặt một đồng tiền, nếu một cái là âm, cái kia buộc phải là dương bản của một thực thể. Hai trục tung và hoành bổ xung nhau để cái sự đời không chỉ là một điểm trong những bài học sơ yếu trong hình học Euclide. A, cái sự đời! Cái sự rối rắm này chính là đối tượng của nhà văn. Và nhà văn là cái ước vọng của tôi. Xin thú thực ngay để những người không thích đọc khỏi mất thời giờ (là tiền bạc) phung phí vào chuyện gẫu thuở ế hàng (văn học), và mời bạn đọc (nào đó) trở thành nhân vật thứ ba, giữa tôi và hắn, cần thì can khi chúng tôi nặng lời, lảm khi nặng tay khi lời không đủ trọng lượng (lại mở ngoặc, kinh sách có nói, thoát kỳ thủy, là lời. Lời với ông, ông Trời. Lời là ông, toàn năng? Nhưng kinh sách quên bảo, tay cũng khá được việc : trong lịch sử cận đại, chính thức có đến 2 cuộc thế chiến, ông Trời cử tinh bơ, mặc cho những bàn tay lông lá ở hạ giới này thi nhau bóp cò súng). Bây giờ, truyện là chuyện tay ba, có bạn, hắn và tôi. Chuyện là do tôi, chót dính dáng đến tiêu đề truyện "hủy nội dung", và cái tí bài tôi hứa viết là : người đẹp bỏ bùa mê cho ta : hủy và tạo. Nói ngay, hủy và tạo là vấn đề (muôn thuở), còn người đẹp... là chữ Vương Sóc, trong một cuốn sách nói về văn học cận đại của Trung Quốc. Nhưng trước khi bàn về những vấn đề lớn, cho tôi được giới thiệu:

Nhân vật tôi, thấp bé, trung niên (hay hơn tí ti), trôi giạt đến quận Cam một số năm (không ai buồn đếm), mang ước vọng thành nhà văn từ thuở viết bích báo ở trường trung học Chu Văn An, thi rớt Tú Tài, trốn quân dịch, cư trú bất hợp pháp ở xóm Cỏ miệt Thị Nghè thời ấy. Đàng đẵng mấy năm trường trên nhà sàn ven bờ sông, "tác giả" gián tiếp đóng góp vào công nghiệp nuôi cá Tra, lòng thổi thúc một tình yêu đất nước vô bến vô bờ. Xin trích tác phẩm "Vẳng nghe" :

" ... nghe tiếng nước sông Thị Nghè sóng sánh vỗ thật dịu dàng khi con thuyền của cô bé bán cháo lòng bò rao hàng (bằng tiếng Quảng, chữ lòng mang âm hưởng là lạ) chèo qua, lòng tôi chột hoang mang như lòng cậu bé trong truyện Thanh Tịnh. Hôm nay, tôi cũng đi học, trường là trường đời, cho nên nào có đâu hàng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều, và trên không có những đám mây bàng bạc, nào có đâu mẹ tôi giắt tay tôi trên con đường.... Qua sông ở quận Cam, ở trong một mobile-home trên đường Mc Fadden, tôi vẫn chẳng thể quên tiếng nước vỗ chân cột nhà sàn, tiếng muỗi vo ve. Một mình, tôi uống bia, ngâm "hồ trường, hồ trường, ai người tri kỷ..." Tôi tự nhủ, phải về nguồn, phải về nguồn thôi. Nhịn hai (có lẽ ba) két bia Heineken, tôi mua một cái bồn nuôi cá cỡ nhỏ, một máy bơm hiệu AquaClear của Đức nổi tiếng là bền, hút nước trong bồn rồi phun lại, tạo tiếng róc rách dập dềnh. Nhưng còn tiếng

muối? Dễ ợt, nhưng phải sáng tạo. Tôi bốc bùn, rác... bỏ vào bồn lửng chừng nước, và đọi. Đứng tuần sau, có lắng quặng. Và rồi, có muối. Lúc đó tôi mới mua một con cá cho nó ăn muối. Và cắm điện cho máy bơm chạy, với một độ lọc nước đúng ở mức cân bằng sinh thái, nghĩa là mỗi ngày tôi chỉ sản xuất có ba con muối, không hơn không kém, đủ tiếng vo ve nhớ nước thương nòi. Và tôi, mượn ý cụ Tú Xương, hạ : vắng nghe tiếng muối bên tai/ giạt mình, mình tưởng tiếng ai gọi mình". Và dĩ nhiên tôi mang tác phẩm ra Coffee Factory trên đường Brookhurst đọc cho bạn văn nghe (bây giờ, có kẻ buồn bã bảo, mình viết đọc cho nhau nghe thôi!). Tay thi sĩ khá tiếng tăm vì giỏi bắt chước Bùi Giáng hoạ đều, hồ hồ vắng nghe tiếng muối vo ve/ Giạt mình lại tưởng em tè lên tôi. A, văn hữu với nhau mà khốn nạn đến thế! Tôi nhìn một bạn đọc lạ mặt đứng lớ ngớ bên cạnh. Tôi lơ đi, thường ngoạn là quyền người khác mà. Đúng lúc ấy, ông họa sĩ nay chắc nhấp nhỉnh 80, tay cầm một tập phong bì màu vàng, mặt rất nghiêm, sà vào ngồi. Ông nhấp một ngụm trà, bật nói : " mình vừa bán được tranh, 120,000 đô, để tui nó (nghĩa là bọn Mỹ đấy) treo vào bảo tàng".

Nhân vật hấn : anh em song sinh với tôi. Nếu tôi, trục hoành phè phè thì hấn là trục tung, vun vút tiến trên đường đời. Hấn cao dong dỏng chứ không thấp bé. Hấn không trượt Tú Tài, thi đỗ vào Sư Phạm, ra trường được biệt phái, đi Mỹ ngay năm 75 chứ chẳng phải vượt biên như tôi. Qua Mỹ, hấn học Computer, lấy một em thơm ra phết, đẻ một đứa con trai, mua nhà vùng Irvine. Hấn học thêm MBA Quản Trị Xí nghiệp, ít năm sau mở hãng, làm ăn ra trò. Cho đến khi vợ hấn bỏ thì hấn mới hơi lao đao. Số là khi đất nước mở vòng tay thân thương đón những khúc ruột ngàn dặm về dự các kiểu Đại Hội VK này nọ thì hấn chớp thời cơ ẵm được một bồ nhí. Vợ hấn biết, liền đuổi hấn ra khỏi nhà. Hấn uất lên, quát "Ông bà mình có hai ba vợ, có sao đâu, truyền thống mà" rồi tiện tay tát vợ, nhưng nàng bù lu bù loa gọi cảnh sát. Và...thế là chị ơi, rụng bông hoa gạo/ Ô hay, trời không im gió cho ngày chị sinh, câu hấn cứ lảm nhảm hát khi lái xe. Ly dị, hấn mất cái nhà ở Irvine phải để cho vợ con, nhưng mua được một căn hộ ở Newport Beach, giá thấp vì vụ khủng hoảng kinh tế hiện nay. Làm ăn khó, nay hấn mon men áp- phe ở Sài Gòn, tiếng về làm việc "thiện nguyện" giúp những nạn nhân chất độc da cam, nhưng rất có khả năng hấn thúc đẩy vụ kiện cáo những công ty sản xuất chất dioxine, hy vọng kiếm một vài %. Chuyện này, trời biết. Lái Mercedes, mắt lúc nào cũng có Rayban che, tay cặp đen Samsonite, hấn chỉ ghé tìm tôi ở Coffee Factory khi cần, và lần nào lần nấy kéo tôi lên xe rồi đi, không nhìn ai. Những người thành đạt hay mắc cái bệnh bần mắt, thật lạ.

Nhân vật bạn : đa dạng, hình hài thấp bé cao lớn có đủ, cần cả một cuốn biên khảo "dân tộc học" mới nói cho (gần) đủ. Vì thế, xin tập trung vào văn hóa đọc của một số nhân vật buổi sáng thường đến nhâm nhi cà phê ở Factory. Họ thuộc lớp U- 50 đến U- 70, tay thường cầm báo chợ miễn phí, nói cười rất hồn nhiên, bàn này bàn chuyện thẳng triết gia hụ còi mới chửi cả làng chống Cộng, bàn kia kháo chính sách y tế của Obama sẽ không đi đến đâu vì quá xã hội chủ nghĩa. Trong góc, hai thiếu phụ xì xào, môi xâm giống hệt nhau, lông mày đậm, giống hệt nhau, và mũi được nhà thẩm mỹ nào đó nâng lên cũng giống hệt nhau. Mẹ Âu Cơ đẻ trăm trứng (cái), giống nhau là chuyện hàng ngày ở huyện (Cam), bắt tất thắc mắc. Hãy lắng nghe (trộm) :

- Đọc Báo Vật Của Đời chưa, sách cha Mạc Ngôn đó, bìa cứng, rẻ rề...

- À, Mạc Ngôn báo Người Việt phải không?

- Bậy nào, nó Tàu chính gốc Bắc Kinh!

- Tui không đọc mấy thẳng Cộng Sản. Tụi nó tuyên truyền không hà, nghe bắt mọt...

Một giọng the thé xen vào :

- Nói mấy anh hay, tên chữ Hán là Phong Nhũ Phì Đồn, dịch đảng hoàng là Vú to mông bự.

Truyện sách dữ lắm, viết thời Nhật xâm chiếm Tàu.

- Zậy ư, có cho mượn nghe... Chắc sách Sài Gòn xuất qua, phải hông ?

- Thì đúng zậy, in rẻ bán rẻ, bằng 2 tô phở cộng một ly cà phê. Sách mấy nhà zăng mình ở đây in mắc thấy mờ... Nè, có ai cho mượn phở với cà phê không? Cho anh mượn, ít cũng là một ly cà phê uống liền, sách không trả thì sẽ đòi bồi hoàn 2 tô phở, OK không?

Giọng the thé lại cất lên :

- Mấy cha cứ mượn qua trả lại zậy thì ai dám viết sách in sách ở hải ngoại này. Rồi kêu mất cha nó zăng hóa, chỉ còn biết đọc báo chợ giật gân miến phí...

*

Chuyện OK hay không, mặc cả thế nào, tôi xin ngưng vì sợ lạc đề tài chính là "hủy nội dung" trong văn học. Ôi, người đẹp đã bỏ bùa mê, ta phải làm sao? Chinh phục nàng bằng gì đây? Dĩ nhiên, bằng văn bản, nhưng tôi ơi hỡi tôi ơi, tôi mù tịt. Thôi thì biết chút tiếng Pháp, vào google hay wikipedia, kiếm chút cháo trí thức Phú Lang Sa. Hủy nội dung, có lẽ là dadaisme chăng? Không, không hẳn vậy. Hay là bọn lettrisme. Bọn automatisme. Bọn này điên, làm dáng tạo hình, nội dung vẫn đầy, và là những cơn điên lèo lẹt chữ nghĩa. Hay là chuyện kinh dị, kiểu Bồ Tùng Linh phương Đông, Edgar Poe phương Tây. Cũng không, đó là để hủy cái nội dung trần trụi sờ, ngửi, thấy bằng những cơ quan chức năng lúc tỉnh táo, chứ khi nằm mơ thì...gặp thiếu gì ma, quỷ. Nằm mơ, tiềm thức nó trỗi lên, cũng như kiểu văn chương phân tâm - tâm lý, kiểu tình yêu đầu đời (với mẹ) là tình phụ nên tìm cách giết (trong tưởng tượng) cha. Chao ôi, nội dung này rối rắm, mỗi một văn hoá một khác, chứ nào có hủy được đâu, hả trời. Nào, thử đấm Siêu Thực. A, nội dung nâng lên một cấp, trong đầu chữ không cần năm giác quan trần trụi để sờ mó cái hiện thực ba chiều không gian. Thôi, hãy bỏ lại đằng sau những năm 30,40. Hãy dấn thân vào thời hiện và hậu hiện đại. Can đảm lên nào, nhà văn (hay ước mơ thành nhà văn) Ziaio Chỉ. Vào Google, tìm Lyotard, người mê mĩa mai với chữ nghĩa, đưa ra thuyết "phủ định" khiến tôi nghĩ ngay đến mấy đứa bé ở thời độ hỏi gì chúng cũng đáp "không, không" kiểu phản xạ vô điều kiện. Biết cái ví von của mình không được văn hóa lắm, tôi xin lỗi nhé, và xin vinh danh ông với khái niệm thăng hoa ông đã đóng góp vào văn hóa. Thôi, sau ông thì tôi tìm ông J. Derrida, cha đẻ của huỷ cấu trúc. Ông này coi bộ còn phức tạp hơn, thích chơi chữ, và cập nhật hiện tượng luận trong văn chương. Ông phủ nhận "lời", cách diễn đạt đời sống và thực tại, ông phán cao hơn là "viết" (văn chương), và với viết thì muốn tiếp cận phải dùng phương pháp huỷ cấu trúc. Ôi, đọc thêm, tôi ngộ huỷ cấu trúc không có đồng nghĩa là huỷ nội dung, mà là tiếp cận đủ thứ nội dung, đa dạng, tiềm ẩn, và vân vân...Bỏ Derrida, tôi mò vào Roland Barthes, người xem tiểu thuyết như một trò chơi ngôn từ. Đây là nhà lý thuyết các nhà văn Giao Chỉ ở quận Hoàn Kiếm dôi dào văn hóa ngoại rất khoái, với những bản dịch như Độ không của lối viết, Tiếng xào xạc ngôn từ...Đọc mãi không hiểu, tôi liền chuyển qua nhà văn Alain Robbe-Grillet. Cũng không hơn gì, cho đến khi khám phá ra nhà phê bình trẻ Từ Huy mà tôi xin trích từ tiểu luận "Nhà văn - nhà phê bình" ([http:// amvc.free.fr](http://amvc.free.fr)) : "Việc đọc các văn bản của Barthes cho phép Robbe- Grillet khái quát rằng Barthes là một "nhà tư tưởng trượt" (un penseur glissant). Ông cho rằng sự khác nhau giữa cấu trúc vận động của biến cố tiểu thuyết và cấu trúc vận động của biến cố mang tính quan niệm của tư tưởng chính là sự khác nhau của hai đặc điểm: "trượt" và "rung". Tư duy mang tính quan niệm chuyển động rung xung quanh một trục cố định, vì nó có một hạt nhân vững chắc về nghĩa. Cấu trúc trượt của tiểu thuyết hoàn toàn khác, nó không ngừng từ bỏ các trạng huống mà nó vờ như đã đạt tới ". A, *hủy nội dung* là đây sao?" Nghĩ và trượt? Gạ gẫm bạn đọc một nội dung rồi sắp xếp một cú nhỡ tàu, để bạn nhìn xe đi, tay vẫy, lòng anh ách, giận thì giận mà thương thì thương? Nghĩ lại, cái thủ thuật là vờ, và nội dung là này, bạn đọc ơi, bạn bị lừa đấy, đừng tin gì ở nhà văn tôi nữa nhé. Hãy đẩy chủ nghĩa hoài nghi đến mức thốt lên tôi ngờ, tức chúng ta tồn hữu. Vậy, luẩn quẩn, ai biết thế nào để hủy nội dung đây? Và hủy triệt để? Hỡi người đẹp, kẻ đã bỏ bùa mê cho ta, ta cần đến rách tay, tự nhủ kiến thức Google không cho ta gì khác hơn một mớ ngôn từ lũng bũng như lẩu thập cẩm ăn vào thì chỉ biến thể thành...chứ nào có hủy gì được đâu. Và dẫu không định theo truyền thống ngày xưa kiểu Khổng viết, Mạnh viết thời lệ thuộc phương Bắc, ta cũng hơi tiếc chẳng được kể theo Barthes, theo Derrida... vân vân để chiều lòng những vị khoái chuyện dẫn tên Tây ra hù dân Ta, một thứ thời thượng văn hoá có mùi nô dịch.

*

Khi tôi, trực hoành, đang ngồi một mình trước ly cà phê uống dở thì hắn, trực tung, bước vào nhìn quanh, đến bàn kéo ghế ngồi chứ không ngoắc tay kéo tôi đi khỏi Coffee Factory như mọi lần. Hắn thì thào :

- Giúp ta một việc...

Việc chi? Hắn mang sang đất cờ Huê hai người, một mẹ một con, con mắc chất độc da cam. Việc giảo nghiệm tạm xong, nay đến sự vụ lobby ở Washington, và cùng vài luật sư, bác sĩ, hắn phải đi. Hắn lại thì thào :

- Mi đến coi chừng giùm, bà mẹ không nói tiếng Mỹ, chợ thì đi 99 Market, tránh chợ Việt Nam ngại kẻ nói ra người nói vô...Mi hiểu chứ?

Dĩ nhiên, người mình mà, ủa ngáng cản nhau, chẳng chỉ chốn chợ búa mà mọi nơi khắp nẻo, nhất là chốn báo bổ zăng chương. Tôi gật, hắn tiếp, dặn dò chuyện thuốc thang, bếp núc. Khi đó, ông họa sĩ ở đâu bước tới. Thấy hắn lạ mặt, ông chơi liền : " mình vừa bán được tranh.

Được 120,000 đô, để tui nó (nghĩa là bọn Mỹ đấy) treo vào bảo tàng".

Có tiếng cười hô hô. Một giọng uôm uôm cất lên :

- Bạn nhà zăng đây rồi, tui đưa quần hào đến cho bạn thử cái lý thuyết ...gì hả...à...thực chứng nói người đọc vào văn bản xem hủy nội dung là sao ha!

Bốn năm người kéo ghế sà xuống ngồi, kể cả ông họa sĩ già. Số là hai bữa trước, tôi có lựa hai văn bản, muốn tận mắt tận tai nghe độc giả phản ứng trên vấn đề tôi gọi là bùa mê của người đẹp, kêu gọi sự chí nguyện hảo tâm của quần hào Coffee Factory làm cái gạch nối vừa được ông bạn nhắc. Hắn nhìn, bỡ ngỡ, rồi lẳng lặng rút dù. Tôi bôi tên tác giả, lấy giọng ngọt, chậm rãi :

*Tự tâm, khiến sao đó (!) đưa chân ngang chùa
trời, đúng ngộ.*

- xấp vô,

độ bữa cơm, căng bụng.

... nghĩ nghĩ...

ra chánh điện, đưng thầy trụ trì.

(chả ai hỏi, nói gì.) thì ợ lên.

thấp nén nhang, xá xá.

"nam mô... cứu khổ cứu nạn."

- hơi đầy họng.

một bụng, dạ.

trở xuống hậu liêu.

rót cốc nước, để đầy

... ai hỏi cũng không nói.

thiệt bất ý, lần này, đánh trung tiện (rõ to.)

lập tức hết thầy im bất chừng mười lăm giây rồi phát đồng loạt cười rộ, thầy trụ trì buột miệng:

"khởi thủy, mọi (sự) vật đều vô hình tướng."

Gã (mà ma cũng chưa biết chừng...) lẳng lẽ rời chùa.

Im lặng. Tất cả, im lặng. Con ruồi búc cánh từ một hạt đường lạc lổng chơ vơ trên bàn. Con người, lơ mơ. Từ không khí trầm lắng đó, giọng the thé bữa nọ chói tai :

- Mẹ...tui hông thấy nội dung gì, làm sao hủy nội dung cả?

- Nội dung có chớ! Đi ăn cơm chùa mà hông tin Phật...Nội dung này chống tôn giáo mà. Chắc mấy ông Mặc xít Mặc dịch thôi...

- Mà cái zăng bản này gọi là chi?

- Dạ...mấy anh bỏ qua, thơ hiện đại đó, tôi lừng khừng.

- ĐM...xin lỗi nghe bà con, nhưng chuyện này xưa như Diễm rồi mà. Nếu đó là nội dung thì cái chi hủy nội dung cà? giọng the thé cao thêm một tông.

Không biết chống chế bạn văn thế nào, tôi liền trình làng văn phẩm thứ hai đã photocopy sẵn, không dám đọc sợ người bên cạnh nghe rồi chửi. Đó là:

Thơ tôi chỉ dành để

*đọc
trong khi đi ã*

Đó là

*thời gian
không gian
thuận tiện nhất
thoải mái nhất*

để đọc thơ tôi

Nhưng tôi vẫn còn lo

quí vị sẽ gặp khó khăn . . .

Bài thơ sẽ gây những cảm xúc nhất định

*ngăn cản sự vận hành cần thiết của ruột
già quí vị*

khuyến cút không ra được

quí vị sẽ gặp rắc rối (rặn đỏ mặt tía tai)

Quý vị sẽ quên việc hệ trọng cần làm

*Là ã – cũng phải toàn tâm toàn ý không
được để sự xúc động xen vào*

Quý vị quên một việc tối quan trọng của thể xác

Để theo đuổi một việc thuộc tinh thần không cần thiết – trong sát- na- hiện- sinh

Là quí vị xúc động – vui hoặc buồn hoặc tức giận

Tôi khuyên quí vị

tốt nhất

cũng không nên đọc thơ tôi

trong khi đi ã

*(Đó là lý do tôi không phát hành thơ in lên giấy – một việc làm có thể gây tai nạn cho lỗ đít của
quí vị,*

*Nếu quí vị vì lý do gì đó dùng giấy (tốt) trang thơ tôi chùi đít. Rất may Da Màu là một tờ báo
mạng và thơ tôi chỉ là những con chữ trên màn ảnh vi tính)*

Tôi khuyên quí vị đừng bao giờ in thơ tôi lên giấy, đọc trong khi đi ã

Thơ tôi chỉ nên đọc trên màn ảnh máy vi tính

rồi quên đi

Và tốt hơn hết

cho sức khỏe thể xác

tinh thần của quí vị

Khi nào thấy thơ tôi thì Del ngay.

Im lặng. Tất cả im lặng. Chỉ con ruồi vo ve. Con người, vẫn lơ mơ. Không khí đóng cục lại. Kẻ nào sẽ cứu nguy trong hoàn cảnh tuyệt vọng này đây. Tiếng the thé cất lên :

- Del là delete, trò computer mà...Delete tức hủy, tức bỏ thùng rác. Ai viết zậy?

Tôi đành nói bút danh một người bạn vừa là văn, là thi, là họa sĩ mà tôi quí mến. Ông họa sĩ già cao giọng :

- Tui biết tay này mà. Ông là dân hội họa có học trường sở đảng hoàng. Ông biết hết, từ tranh cổ điển, tranh ấn tượng, lập thể qui- bit, qua tranh dã thú, tranh trừu tượng... Cái hủy nội dung của họa phái trừu tượng là vẽ làm sao cho mỗi người xem tranh thấy được một nội dung đó!

Nghệ thuật là zậy!

- Vậy là nhiều nội dung chứ đâu có hủy nội dung, cha nội!

Thấy cần phải nói một điều gì, dẫu chẳng hẳn giúp bạn đọc nắm bắt thêm chi, tôi thận trọng :

- Văn bản nào cũng có thể hiểu như một thành tố có tính "liên văn bản" đó mấy anh, và như thế, một văn bản có thể hủy một nội dung để bắt ta suy tư về những nội dung khác. Chẳng hạn thơ Việt Nam mình thời quốc ngữ có thơ mới, thơ lãng mạn, rồi thơ tượng trưng...

Giọng uòm uòm bắt chợt cắt ngang :

- Mấy anh à, kiểu thơ hiện đại như virút gây bệnh dị ứng thơ, đọc xong hổng còn biết thơ bây giờ là chi ráo trội. Bây giờ tui mới hiểu tại sao báo chợ miễn phí chuyên sài thơ lục bát vẫn về zui zui... Thôi, dẹp cái chuyện văn học cách tân này đi cho rồi!

Đúng lúc đó, vâng , đúng lúc đó, một thiếu nữ bước vô, ngó quanh quẩn. Nàng chừng đôi mươi, mặt chưa sửa, không son phấn, da rám hồng, mũi hơi gãy, nhếch miệng cười má lúm đồng tiền, đi vào góc trong cùng. Một thanh niên đứng dậy. Họ ríu rít như chim, ra quầy trả tiền, nắm tay nhau đi ra ngoài trời hanh nắng, chẳng ai nhìn lữ U- 50 đến U- 70 còn ngờ ngẩn chưa biết thế nào là hủy nội dung, và nhất là hủy nội dung nào trong văn chương Giao Chỉ quận Cam ở độ phải cách tân cho kịp trào lưu hiện đại.

*

Khi lái xe qua hàng cây sequoia thân ngồng ngoèo đâm vút lên cao ở góc đường Vista del Oro, hấn ông ổng "...thế là chị ơi, rừng bông hoa gạo... Ô hay, trời không im gió, cho ngày chị sinh". Cuối đông, cây trơ trụi lá, đầu cành dài nghiêng vươn lên trời, những bông hoa đỏ to bằng bàn tay điểm vào không gian trắng nhợt những giọt máu đọng. Sequoia là hồng sam, nhưng thôi, cứ để hấn gọi là cây gạo, cho có tình tự dân tộc. Hấn đậu xe trước nhà, hỏi "À, hôm bữa nói chuyện hủy nội dung là chuyện chi?" nhưng không đợi tôi trả lời, như thường lệ. Tôi nhìn. Căn nhà hai tầng, thu mình kín đáo chứ không phô trương, mặt tiền trồng mấy gốc đào hoa chưa rụng hết, mặt sau là một công viên. Hấn mở cửa. Một người đàn bà từ lầu trên bước xuống. Hấn bảo, đây là ông anh tới giúp những ngày hấn phải đi Washington. Quay sang nhìn tôi, hấn tiếp, còn đây là mẹ con nhỏ nạn nhân da cam.

Người đàn bà lí nhí chào. Tuổi chắc chừng trên dưới tứ tuần, bà mỏng mảnh, tóc búi cao, nói giọng Quảng. Hấn mang ra bày năm hộp thuốc mỗi ngày con nhỏ nạn nhân phải uống, viết lên giấy rõ ràng thuốc nào uống trước, thuốc nào sau, liều lượng bao nhiêu, uống vào giờ nào. Hấn mở tủ lạnh, chỉ thức ăn đã mua, dặn có thiếu thì ra chợ 99, chớ xuống khu chợ Việt Nam. Hấn lên lầu, lát sau xách valy xuống. Hấn kêu, ta để xe cho mi dùng, gọi taxi đi ra phi trường John Wayne. Hấn vỗ nhẹ lên vai người đàn bà, nhìn tôi, nói có chuyện chi cứ hỏi anh. Ra đến cửa, hấn giúi vào tay tôi một khẩu súng lục. Hấn trầm giọng :

- Để đề phòng thôi. Cái chót an toàn này, đây xuống mới bắt được. Nhưng chắc chẳng có chuyện chi đâu!

Taxi trờ tới bóp còi. Hấn nhảy lên xe. Bà ta ra cửa đứng, hấn vẫy tay. Tôi nhét nhanh khẩu súng vào bụng, giấu dưới áo khoác ngoài, tự hỏi, có cái chi mà hấn cứ làm như chuyện thriller vậy kia?

*

Bước lên thang, tôi theo bà vào căn phòng góc trái. Bà mở cửa. Căn phòng riềm che tối hù. Bà nói, nho nhỏ : "Cháu nó đang ngủ!". Đến gần, tôi nhìn. Đây là lần đầu tôi thấy một nạn nhân của chất độc dioxine trong thuốc khai quang người Mỹ trải trên núi rừng trong thời chiến. Đầu nó có một cái bướu, to hơn những cái đầu bình thường, không tóc, và tay cụt lủn, lưng cong hình chữ S cứ như hình thể quái quái nước Việt Nam mình. Miệng nó. Gần như không có môi, răng chĩa ra ngoài, rớt rãi chảy ròng ròng. Nó cựa mình, rên, và mở mắt. Mẹ nó nói "Chào bác đi con". Nó gừ gừ một ngôn ngữ riêng, mắt sáng lên. Còn tôi, lúng túng, tôi cúi mặt như một người phạm tội, cổ nghẹn lại.

Chúng tôi xuống tầng trệt. Bà ta rót trà, đẩy ly về phía tôi.

- Thiệt may gặp được tổ chức thiện nguyện này đó chú! Mấy ông bác sĩ người Việt mình cho thuốc, kêu uống chỉ đỡ chút chút, nhưng khỏi bệnh thì phải làm đại phẫu, tốn mấy trăm ngàn đô lụng...

- Cháu năm nay bao nhiêu tuổi, tôi hỏi.

- Dà, mười chín. Tui sinh nó năm 90...Cha nó lúc đó cũng đã ba mươi hai tuổi. Trước 75, ảnh là du kích, ở rừng...Còn tui, lấy ảnh khi mới hai mươi, năm sau thì có nó!

- Ảnh chắc bên bên ?

- Chết rồi! Chết cách đây ba năm...Tui chỉ còn mạ tui. Bả già, chừ bảy mươi rồi. Sắp Tết, một thân một mình không biết bả xoay sở ra sao!

Nghe trọng giọng nói có nước mắt, tôi làm lơ, tay bưng ly trà, mắt nhìn xuống đất. Bà móc trong túi một xấp giấy tờ, tìm tấm ảnh chồng bà đưa tôi. Bả kể, chồng bà làm nghề chài, cá gần bờ ngày một ít, phải ra xa mới kiếm được vừa đủ ăn cho cả gia đình. Một bữa, thuyền đánh cá bị tàu hải quân người ta đâm thủng. Sáu người cùng đi biển chết hết hai, bốn bị cầm tù. Khi được tha về, họ kể chồng bà phanh ngực thét "Quân cướp, bay không cho ta sống thì bắn ta đi". Súng nổ, một anh nhẩy vô ôm bạn. Súng lại nổ. Xác cả hai người bị quăng xuống biển. Bả thở dài, lẩm nhẩm :

- Ông Trời bắt, số ảnh cực như vậy, từ ngày biết mình mắc chất độc da cam thì ảnh tự hủy hoại, sống không ra sống...

- Tự hủy hoại?

- Dà...Ảnh ...tự thiên. Trời đất, máu chảy lênh láng, mang vô bệnh xá huyện, ảnh ngất ngư mê man tưởng chết. Ba bữa sau, ảnh tỉnh. Ảnh nắm tay tui, biểu tui vậy là vì không muốn di hại tới đời sau. Minh ly hôn, để em đi lấy chồng, chớ sanh con mà nó zậy thì thà là giết nó đi! Tui kêu, đừng, trái với luật Trời, không được. Còn ly hôn, tui cũng nói không, trái với đạo ông bà mình. Sợ ảnh liều làm thiệt, tui đi báo với Ủy Ban xã khi ảnh rời bệnh viện...

- ...

- Xã phái người tới giám sát, báo lên huyện. Tuần sau, phó Chủ Tịch huyện xuống nhà tui tui, rành mạch : "con nhỏ nạn nhân nay Nhà Nước đánh giá là tài nguyên quốc gia. Nó không khác chi những động vật quý hiếm, và phải bảo vệ tới cùng, nghe không". Chồng tui hỏi, tại sao zậy, thì ông thì thảm "Nhà Nước tính kiện hãng xường làm thuốc dioxine bên Mỹ. Bọn cựu chiến binh Mỹ được 180 triệu. Nếu tui Đế Quốc không làm khó, mình kiện là có thể mang về trung bình cỡ 20,000 đô cho mỗi một nạn nhân. Nhưng chết, hết bằng chứng là hết đời! Cái này là bí mật quốc gia, cấm nói, nếu nói là tội ...gián điệp, vi phạm an ninh quốc gia, tuyên truyền gây hoang mang chống phá xã hội chủ nghĩa. Tức tội chết đó!". Chồng tui hỏi, trong số tiền bồi thường 20,000 đô, nạn nhân được bao nhiêu? Ông phó Chủ Tịch nghiêm trang, rành mạch : "Ít cũng một nửa, hợp doanh mà!".

Ngưng nói, bà ta lại thở dài. Rồi bà tiếp, giọng nhọt nhạt như ánh nắng cuối chiều :

- Thế là vợ chồng tui mơ có bạc triệu...Giấc mơ khiến tui tui ráng sống dẫu làm lưng sáng đêm, cực khổ mà vẫn không đủ ăn. Nhưng hết năm này qua năm kia, tiền bồi thường đâu không thấy, mà cứ mỗi mấy tháng phải lên châu chực trên Tỉnh một lần, khám nghiệm này nọ, điền hết thứ giấy này đến giấy kia, đọc không hiểu nhưng ký cứ ký, đi lại phải tự túc...Con nhỏ lớn, tâm thần bất thường, nói không được, tay chân phát triển không đồng đều, còng queo, nhỏ so với phần thân thể còn lại, từ lúc mười hai tuổi thì tứ chi coi như bị phế, phải bồng. Khi đó tui phải bỏ công việc buôn bán, chỉ còn chồng tui đánh cá, cái ăn mấy năm rồi không có mà ăn. Một lần, có mấy bà sơ bên Úc qua thăm nạn nhân da cam, để lại cho con nhỏ 200 đô. Ủy ban Xã biết, đến lấy...Năm nỉ mấy bữa, mấy ông Ủy Ban cho lại 25 đô. Chồng tui kêu, thế này thì để tui tui chết phứt đi cho rồi...Mấy ông biểu, chết như zậy là chống phá chính quyền, là phản động! Chưa cho chết, là không được chết...

*

Đêm đầu tiên ở nhà hấn, tôi thao thức không sao ngủ được. Khuôn mặt người đàn ông trong tấm ảnh, gò má cao, hai con mắt sâu hoắm, miệng cười gượng gạo, cứ chập chờn. Và câu chuyện ông ta tự thiên, hủy cái bộ phận truyền giống, chức năng huyền diệu của mọi sinh vật cứ ám ảnh. Người đẹp, kẻ đã bỏ bùa mê cho ta ơi, hiện thực vượt bút hư cấu trong tiểu thuyết. Nhà văn dẫu có tài ba đến đâu cũng phải ngả mũ chào thua những sự kiện có thật, oái oăm, nhất là kinh hoàng áp đặt trên những thân phận bất hạnh. Và nếu nội dung ít nhất có được của chữ nghĩa là trấn an chút nào con người trong đau thương nghịch cảnh thì hủy nội dung là gì?

Mân mê khẩu súng hấn giúi vào tay tôi sáng nay nhưng không nói lý do, tôi hiểu khi bà ta kể rằng đến đất Mỹ, hấn cần dặn bà ta phải cẩn thận tránh giao tiếp với người Việt. Một hội đoàn có trụ sở ở đâu quanh đây cho rằng giúp đỡ và kiện cáo cho những nạn nhân bị nhiễm độc da cam là gián tiếp củng cố cái chính quyền CS toàn trị độc đoán hiện tại, dọa sẽ đối phó bằng mọi cách, kể cả võ lực. Súng nòng ngắn, báng bọc Plát- tích giả ngà, xạ- giơ có 6 viên đạn, chốt an toàn nằm bên cạnh cò súng. Cầm lên tay, tôi tưởng tượng tôi kê nòng vào đầu thằng PDG công ty hóa chất Dow Chemical đã sản xuất chất khai quang mang độc tố dioxine. Rồi tôi kê nòng súng vào đầu thằng giặc lái xưa đi giải thuốc đỏ trên rặng Trường Sơn. Rồi tôi kê nòng súng vào đầu phó Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện. Rồi tôi kê nòng súng vào đầu mấy thằng Ủy Ban xã. Rồi tôi kê nòng súng vào đầu thằng chỉ huy ra lệnh đâm tàu vào thuyền đánh cá. Rồi tôi kê nòng súng vào thằng đã nhả đạn lên hai người dân đánh cá. Rồi...cứ thế, tôi hiểu mình bất lực không giải quyết được gì. Thủ phạm hàng hàng lớp lớp, bắn làm sao hết khi chỉ có 6 viên đạn. Và có bắn, tôi cũng chẳng trấn an được một ai. Bây giờ, thôi quên đi cái ước vọng thành nhà văn, thì tôi chỉ còn một cách, là tôi kê nòng súng vào đầu tôi. Hủy nội dung ở mức độ triệt để, là vậy. Ở mức độ này hủy chữ nghĩa cả hình thức lẫn nội dung trở thành chuyện vặt, rất vặt.

Tiếng gừ gừ cất lên. Mỗi lúc một dồn dập. Ra khỏi phòng, tôi ra hành lang, giồng tai. Con nhỏ kêu, tiếng kêu càng lúc càng có chiều tức giận. Mẹ nó lục đục, dép lê trên sàn, miệng lầu bàu nghe không rõ. Con nhỏ âm ực, âm thanh như tắc nghẹn. Hoảng hồn, tôi mở cửa phòng. Bả nhìn tôi, giọng nhẩn nhục : "không có chi đâu chú". Tôi vẫn hỏi :

- Có chuyện chi vậy chị?

- Dạ...dạ...

- Cần tôi làm gì, chị cứ nói...Có chuyện chi vậy?

- Dạ...- Bả ấp úng - ... Dạ, cháu nó đòi hỏi.

- Đòi gì?

- Dạ...Cháu nó cũng là con gái, có như cầu như mọi người...đó chú! Chú ra ngoài chút đi!

Không nhìn tôi, bả lật con nhỏ cho nó nằm ngửa ra, tay luồn vào quần nó. Tiếng gừ gừ nhỏ dần. Tôi đóng cửa phòng, nước mắt ứa chảy xuống má. Thì ra vậy. Không còn tiếng gừ gừ.

Tiếng ừ ừ bắt chợt cất lên, mỗi lúc một lớn, rồi biến dần thành tiếng rên rỉ, nghe âm ừ đau đớn.

Ông Trời ơi. Ông sinh thành ra muôn loài vạn vật, sao Ông tạo ra cái oái oăm này? Nhu cầu sinh lý của một đứa con gái nhiễm chất độc da cam Ông bày ra để hành hạ hay để đền bù? Lẽ ra, thay vì cho nó cái khả năng khoái lạc, thiếu gì những cái khả năng khác Ông có thể cho để cuộc đời con bé đỡ khổ. Ví dụ, cho Ông tay nó dài ra, chân nó bớt cong, hay cho nó nói, nó ca hát...

Quay về phòng, tôi buông người nằm soải, tay luồn dưới gối đầu, móc khẩu súng ra. Nhắm mắt, tôi cố nhưng không nghe thấy tiếng nước sông Thị Nghè, tiếng muỗi vo ve. Quê hương tôi ơi, nay còn hay mất, và ở đâu rồi. Ôi, lại cũng ông Trời sao, cái kiếp lưu vong này? Ông Trời ơi, tôi buột miệng : "tôi nghĩ kỹ rồi, tôi sẽ kê nòng súng vào đầu Ông, một mình Ông ". Tôi sẽ gây chốt an toàn. Tôi sẽ thò ngón tay trở vào cò súng, rồi tôi sẽ bóp, vừa bóp vừa thét "cho Ông biến khỏi cái thế giới của chúng tao". Tôi thiếp dần, và Ông ấy hiện ra, đầu to trán hói, khề khà :

- Bay trách gì ta?

- Đã tạo, sao Ông còn hủy, như giỡn chơi vậy?

- Muốn tạo, phải có hủy, và ngược lại. Ta sắp đặt mầm mống, còn hủy cái gì và tạo cái gì trên trái đất là chuyện tiến hoá của chúng bay. Đấy, thế kỷ vừa qua ta đã cho chúng bay nào là Stalin, nào là Hitler, nào là Mao...Để bay ý thức sức hủy hoại của cuồng vọng. Và đối đầu với hủy hoại, bay phải ý thức thế nào để mà sinh sôi tái tạo... Thế là, ta sinh cả Gandhi, cả Tagore, Einstein. Thậm chí có mi, kẻ mang ước vọng thành nhà văn, và còn đang khắc khoải chuyện hủy nội dung trong văn chương, hà hà ...Thật ra, giống chúng bay là giống huyễn hảo, bay muốn cướp cả chỗ tao, có đứa hàm hồ kêu Thượng Đế đã chết, để muốn làm gì cứ làm. Giác mơ làm Big Brother do anh chàng nhà văn Orwell viễn tưởng đấy, vui ra trò! Ta còn nhiều dịp

xem bay múa may, lúc kiệt sức thì rồi, như nhiều lần, quay lại trách móc và van xin ta, gọi ta bằng nào Chúa, nào Phật, nào Mahomed... Bay đâu có biết là lúc đấy phải gọi chính mình. Chỉ có bay mới cứu rồi được bay, đang đợi ta làm phép ban ơn, chẳng khi nào được đâu! Thế đấy à? Sinh ra rồi Ông bỏ chúng tôi như một lũ con rơi ư? Không cầm được cơn giận uất lên cổ, tôi bóp cò. Tiếng súng nổ chói tai. Tôi tỉnh. Ông Trời đã đi từ lúc ấy. Hình như vậy. Sau khi cười ằng ặc.

*

Thức tỉnh sáng, tôi viết những dòng chữ trên mong cống hiến bạn, nhân vật thứ ba. Tôi viết trong cơn lên đồng của những hiện thực xoáy vào tim óc tôi dẫu chúng ở ngoài cái tôi nhỏ bé của một tôi đây, kẻ có ước vọng thành nhà văn. Chao ôi, nội dung của những hiện thực đau đớn này vô vàn, và sự lãnh cảm của con người với nhau chính là động thái hủy nội dung của cả xã hội. Ông Trời lại cười ằng ặc. Ông mỉa mai "thì bay lại đấm ngực kêu tội của tôi, tội của tôi mọi đảng. Còn mi, mi có huyền hảo trong cái ước vọng của mi hay không, mi biết..." Tôi chợt nhớ lại có lần trao đổi với G, một nhà văn thành danh về văn chương. Anh ấy nghe tôi rồi nhẹ nhàng : " Anh bắt tiểu thuyết đèo bồng một sứ mệnh mà tôi e cỗ xe văn chương chịu không nổi! ". Sứ mệnh gì đâu, anh ơi. Tôi chỉ muốn trấn an. Và chính xã hội nhìn từ quá khứ nhưng không dừng ở hiện tại mà hướng đến tương lai là một cách, với điều kiện con người không lãnh cảm với nhau ở thì hiện tại, cùng nhau giải ảo lịch sử, và nhất là cùng nhau đặt những mốc tương lai. Hiện tại nay như mớ bòng bong. Cạnh phòng tôi, con nhỏ nhiễm chất độc da cam thỉnh thoảng lại kêu gừ gừ, nhắc chuyện Không Quân Mỹ tưới xuống rừng Việt Nam 850 triệu lít thuốc khai quang, tức 350 kilô dioxine, mà chỉ một phần triệu của một gam cũng đủ tác hại gây ra dị tật bẩm sinh. Mẹ nó lâu lâu thở dài, goá bụa thuở lơ lửng dưới bốn mươi mùa xuân, gánh trên lưng một bà mẹ già và một đứa con tật nguyền. Cha nó bị người lạ bắn bỏ, xác quăng xuống biển, có linh hồn thì nay chắc ra đường biểu tình chống xâm lăng lãnh hải và biển đảo. Mở báo điện trên mạng ra đọc, mục xã hội. Nào là người giàu sửa chó ra cắn chết người nghèo, cướp đất nông dân để xây những công trình tâm cơ, đóng cửa tu viện, học sinh giết thầy giáo, cha mẹ bán con đi làm nô lệ tình dục xứ ngoài, cướp đêm và cướp ngày vênh váo nhan nhản... Nhưng thật oái oăm, nay bỗng đầy đường những tiến sĩ thạc sĩ có hẳn nền giáo dục - đào tạo cấp bằng đang tiến vào trận địa kinh tế tri thức... Chao ôi, thật mũi lòng cho cái xã hội rêu rã đang tự hủy. Giả như ngày nay có đến năm mươi Nam Cao với Vũ Trọng Phụng cũng không hết truyện (và chuyện) để kể.

Thế nhưng, người đẹp bỏ bùa mê, đặt vấn đề hủy nội dung trong văn học. Người đẹp ơi, nếu đối tượng của văn học là con người trong một cộng đồng người thì làm sao hủy được nội dung đây. Ở, thì cũng những con người đơn lẻ sống tách biệt, ít ra là trong nội thức, người đẹp khế khàng nói. Có, nhưng từ đâu những nội thức hình thành? Ít nhất là từ ngôn ngữ, cách truyền đạt giữa người viết và người đọc. Chỉ thế, cái nền vẫn là một phạm trù văn hoá, và văn hóa thì chẳng thể tách ra khỏi xã hội được. Tôi cũng từng đọc những nhà văn (?) lấy chính mình làm đối tượng văn chương. Thế là có văn chương nội tâm, bản năng, phi lý, hiện sinh, Linda mặt đọc mày ngang sách xiếc, giải phóng hạn chế giới tính... Vâng, phải nói ngay kiểu văn chương này cũng chẳng mới mẻ gì ở phương Tây (nhưng tôi không chơi trò kể tên tác giả lấy oai hiệu biết). Phải nói ngay, đôi khi qua tiếng Việt mình cũng có những tác phẩm vượt trội. Nhưng trung trung, không được bao nhiêu. Và ngày càng mất bạn đọc, nhân vật thứ ba, những kẻ hủy nội dung văn học cách tân bằng cách nhắm mắt (rất dễ). Phải nói ngay, nhiều những nhà văn hậu hiện đại và hiện đại của chúng ta "gãi ghẻ" tâm hồn mình, coi mình là vũ trụ, và tưởng tâm hồn cô đơn của mình là cái rốn đáng phô trương cho nhân loại xem chung. Chữ "gãi ghẻ" là chữ ông bạn có giọng the thé ở Coffee Factory, và câu sau, ông ta tiếp : "gãi hoài gãi hủy, riết nó mọc mụn thiệt, đâm đồ bịnh!"

Người đẹp thủ thi phản biện : "hiện thực anh kể trên là chuyện quốc nội. Hải ngoại mình khác, đâu có những nhức nhối đó..." Nếu là bây giờ thì tôi đáp, thế chuyện con nhỏ nhiễm độc da cam nó không đang ở Cali đấy à! Nhưng thôi, kể ngay một câu chuyện xảy ra trước cửa chợ SaiGon City xé Coffee Factory, nơi tôi vào mua rượu đồ "Con Gà", một loại rượu đồ bạn nhậu

cứ la lên (lấy khí thế) là rượu ngon (nhất là vừa túi tiền). Hôm đó, tôi gặp một anh còn trẻ đầu đội mũ, mặt cúi gầm, gối quì, trước mặt để tấm bảng bằng ngôn ngữ mình : Vừa ra tù, hôm- lét, muốn làm lại cuộc đời. Tôi ngồi xuống bên cạnh. Anh ngạc nhiên, nhưng cười, nhìn hỏi : "cũng hôm- lét à? ". Không đáp, tôi mở chai rượu, mời anh tu. Anh lắc : "thôi, tính làm lại cuộc đời mà, rượu xưa nó đưa tui zô tù đó anh! "Anh kể, thèm rượu mà không tiền, anh theo bạn bè đi ăn cướp rồi bị bắt. Anh cương quyết : "nhưng đây là lần cuối, tui ra đây để cho bà con mình biết mặt, rồi như con phượng hàng, tui sẽ bay lên từ đồng tro than của mình đó anh!" Càng ngạc nhiên, tôi hỏi tại sao. "Giấu mình đi, tức trước mắt bà con mình chưa chết, thì cái thân con cú trở về con cú, dễ ợt. Còn ngồi đây, mình thành tro than rồi, chỉ còn một cách là bay lên... Tui đang đợi giấy tờ cho đi học nghề pờlơbờ (plumber), sẽ là phượng móng sắt, anh à!". Người đẹp thân mến, chuyện con phượng hoàng móng sắt có thể thành truyện. Truyện cần cấu trúc, kể thế nào cho hấp dẫn, lọt tai. Và chuyện được một nội dung nào đó là đánh động tấm lòng những nhân vật thứ ba, trấn an họ bằng cách hé ra chút ánh sáng hy vọng từ những nỗi niềm u ám của đời người, bất cứ ở đâu, ai cũng có thể có. Thơ khác, thơ chủ là sáng tạo phong cách và ngôn từ. Làm được thơ, là qua cửa Thần Phù, có bà Chúa Thơ vẫy gọi. Và khéo tu thời nổi. Còn vụng tu thời chìm, vô tâm.

*

Nghe tiếng lục đục phòng bên, tôi đoán chừng hai mẹ con bà đã thức. lát sau, cửa phòng mở, tiếng chân xuống lầu cọt kẹt. Nhìn qua cửa sổ, mắt trời ló ra trải nắng vàng mượt trên thảm cỏ cuối mát. Một đàn chim cánh trắng bay ngang, vút lại đằng sau dăm tiếng kêu giục bình minh. Tôi vào bếp, thấy bà đang loay hoay sửa soạn bữa điểm tâm. Nhìn lên, bà nhẹ giọng :

- Chú ăn chi tui làm?

- Cám ơn chị, tôi chỉ làm một ly cà phê thôi. Để tôi tự pha! Còn cháu, ẵm nó ra ngoài vườn. Sáng nay nắng đẹp, trời ấm...

- Dạ... Để tui lên mặc áo quần cho con nhỏ đã, bà cười, mắt ánh lên một niềm vui mỏng mảnh. Lên bổng con nhỏ, nó nhẹ tanh như bông, vừa có vừa không. Tôi chậm rãi xuống lầu. Đặt nó vào chiếc xe lăn, tôi đẩy ra ngoài. Nắng ủa đến khiến con nhỏ nhắm tịt mắt, nhưng miệng ngoác ra như cười. Bà bước theo, nói :

- Nhỏ nó zui đấy chú, nó cười là nó zui...

- Bữa nay là đầu mùa xuân...

- Dạ, đêm nay giao thừa đó chú... Giọng bà chột buồn buồn- hồng biết bà già tui bên mình làm chi, may còn bà con lối xóm trông chừng giùm! Còn bốn giờ nữa là giao thừa bên mình! Tết mà xa nhà rầu chi lạ nè... Nhà không có nhang đèn, không biết làm sao cúng vái ông bà...

- Chị để chuyện đó tôi lo, chút xíu nữa tôi đi mua, ở đây gì cũng có hết!

Bà dứt cho con nhỏ ăn, lấy khăn lau rớt rãi, miệng kêu nho nhỏ, ăn đi con, ăn đi con. Tồn tại như nó, tôi tự hỏi, cái gì là hạnh phúc và đâu là tương lai. Lẽ ra, hủy triệt để, cả hình thức và nội dung, là chuyện có thể đặt vào trường hợp này. Không làm đồ tể, ai có cái quyền hủy tạo đó? Nhưng ngay ở phút này, miệng con nhỏ nhếch lên cười, dẫu cái cười méo mó. Và đêm qua, nó kêu ú ú, rồi rên rĩ, như một người đàn bà có khả năng lạc dục giống mọi người đàn bà trong cái cõi này. Đời sống vẫn còn đó, vừa như nguyên rủa, vừa như phép lạ cứu rỗi. Ông Trời oái oăm ơi! Ông vỗ ngực nhận mình toàn năng để hành hạ chúng tôi ở hạ giới này thế ư! Hình như, giống mọi lần, lại tiếng cười ằng ặc. Cơn giận bùng ra, tôi cắn răng ghìm tiếng, nếu nội dung nào cũng chỉ thể hiện được qua ý thức và cảm nhận, thì tôi có thể hủy thân xác tôi đây, và thế là không còn một nội dung nào tồn tại được. "Thế còn chuyện có hay không có linh hồn, mi chưa đặt thành câu hỏi ư?" Ông Trời mỉa mai, tiếp, "lại huyền hão, vanitas, et omnia vanitas" ...

Buổi trưa qua đi, phần thưởng là cái nhếch miệng cười của con nhỏ. Và nắng, nắng rực rỡ.

Mua nhang đèn về, tôi để bà lo cúng kiếng, quay lên lầu, ngồi trước computer gõ những dòng chữ mang hơi hám của một bức thư cuối gửi cho bạn bè. Tôi đọc, rồi tôi bỏ thùng rác, chỉ giữ vài dòng : các anh đã cứu mạng bằng tình bạn một kẻ mang ước vọng thành nhà văn nhưng thật thì đang lạc lõng giữa hủy và tạo, hiện đại và cổ điển, hư và thực. Đồng hành với một người lạc đường hẳn khó nhọc, vì thế, xin cảm ơn, mãi mãi. Đến khuya, có tiếng mở cửa. Hẳn

đã về, như hẹn. Bà mẹ con nhỏ nạn nhân chất độc da cam vội vã xuống lầu. Hấn thì thầm to nhỏ với bà. Hấn kể những chuyện ở Washington DC, những gặp gỡ này nọ, và bảo chỉ 6 triệu đô giúp làng Hòa Bình là nơi nuôi những đứa trẻ dị dạng mà Quốc Hội Mỹ cũng chưa thông qua, trong khi đó, mới đây, họ đã biểu quyết bạc ngàn tỉ để hỗ trợ những ông chủ lớn của nào AIG, nào City Bank, Goldman & Sach... trong ngành tài chính trong cơn khủng hoảng vừa rồi. Qua cánh cửa phòng mở hé, tôi nghe bả thờ dài, rồi lại thờ dài, thờ dài và cuối cùng bật miệng khóc rầm rức. Tôi nâng khẩu súng báng giả ngà lên, muốn bắn bỏ cả thế gian này. Nhưng hấn chỉ để cho tôi có đúng 6 viên đạn. Tôi vuốt mặt, bình tĩnh đưa nòng súng bỏ vào miệng. Chết có ý thức, với tự do, và lựa chọn nó như một lựa chọn bất khả kháng mới lằng mằng làm sao. Cứ lừng lừng, đêm về đổ bóng tối vào mọi niềm hy vọng. Hy vọng của một người mẹ mong con mình có chút khả năng tái tạo một phần cái cơ thể bị tàn phá. Hy vọng của tôi, kẻ muốn chiều người đẹp, tìm thứ bùa mê gọi là hủy nội dung, một phương thức cách tân văn chương cho thật hiện đại.

*

Sáng hôm sau, tôi dậy rất sớm, đón dến ra khỏi nhà hấn khi trời mới nhá nhem. Men theo đường Vista del Oro, tôi rẽ phải, đi xuống Eastbluff. Đến ngã tư cất Jamboree là có trạm xe buýt, chỉ đổi một chuyến là tôi về đến khu Bolsa. Nhưng không đợi xe, tôi cuộc bộ. Nắng đã leo lên đỉnh ngọn cây tôi đã gọi là cây hoa gạo. Những bông hoa bầm đỏ màu máu điểm vào khoảng trời xanh ngắt trên cao lung linh trong gió sớm. Chẳng hiểu sao, tôi buột miệng hát, như hấn, thế là chị ơi, rụng bông hoa gạo. Ô hay, Trời không im gió cho ngày chị sinh. Vừa bước, tôi vừa ngheu ngao. Chắc tôi có vẻ vui, hai ba người Mỹ chạy jogging trên chiếc cầu dọc Jamboree giờ tay vẫy, miệng hello. Tôi cũng good morning, rất lịch sự. Tay thò vào bụng sờ cái báng súng giả ngà, tôi yên tâm, nó đây, phương tiện cho phép tôi hủy nội dung, và hủy một cách triệt để, cái nội dung tôi có toàn quyền định phận. Vâng, các bạn hữu của tôi, tôi không phải là loại bạ gì giết nấy như đám Hitler, Stalin hay Mao đâu, các bạn chớ lo. Hủy cái nội dung này, xin thưa, tôi muốn đánh một tiếng chuông. Chuông ngân ở quận Cam, nhưng tiếng vang vọng có thể về Sài Gòn, về Hà Nội, điểm tụ hoành tráng của văn nhân Giao Chỉ mới đây còn thắc mắc sao Việt Nam ta không (chưa) có giải Nobel. Xin thưa, vì văn chương của các ngài hơi bị lãnh cảm, kiêu dương vật buồn thiu như cách nói một nhà văn nữ. Và hơi bị trĩ nên dạng ra đi hàng hai, vừa đi vừa hô là văn chương ẩn dụ giữa một trận đồ chính chị chính em bát nháo, thực thì giữa hai chân có nỗi sợ bị thiên đẫu nếu không thì nó vẫn cứ buồn thiu... Và cũng bắt đầu cách tân, cũng hiện và hậu hiện đại, cũng hiện thực huyền ảo... nghĩa là cũng đầy nhãn hiệu, cũng rất hình thức, nhưng sợ rồi chẳng đi đến đâu. Thôi, cho tôi kiem lời, kéo mát lòng, mang tiếng.

Đến Coffee Factory khoảng mười giờ, khách không đông như lệ thường, có lẽ vì hôm nay là ngày mừng một Tết. Lác đác, tiếng pháo nổ. Người mình ở Little Saigon quận Cam đây giữ truyền thống, cũng bánh chưng xanh cũng pháo hồng, cũng xông đất xông nhà, ăn mặc bảnh bao, và gặp nhau chào hỏi chúc tụng. Tôi chọn cái góc bên ngoài tiệm, thoáng hơn, và có quyền hút thuốc lá. Chị tiếp viên quen mặt ra chào, nói như reo "cà phê đen đá..." và nhại ca từ họ Trịnh "một ngày như mọi ngày" Tôi cười, gật đầu. Khi đó ông họa sĩ từ bãi đậu xe bước vào. Để khỏi nghe ông vừa bán được 120000 đô tranh, tôi bắt tay ông : "chúc bác năm nay đất hàng bằng năm bằng mười năm ngoái nghe". Ông cười, rất tính toán, khoa học : "vậy là phải bán được từ sáu trăm ngàn tới một triệu hai đô" rồi đưa mắt nhìn quanh tìm người lạ. Đám nhân vật bạn cũng vừa kéo tới. Anh giọng the thé la lớn : " Chào nhà văn... Năm mới năm me, may mắn nghe". Anh giọng uôm uôm, bữa nay diện đồ bộ rằn ri, đầu đội nón đỏ, vẫy nói : " Chút ra xem diễn binh, ngay cạnh chỗ hội chợ, năm nay tui cầm cờ đi đầu binh chủng đó!". Khi đó, chị tiếp viên bưng ly cà phê ra đặt lên bàn. Tôi đưa giấy mười đô, thân mật : "khỏi thổi tiền, năm mới lì xì mà! "Chị ỏn ẻn "cám ơn heng, chúc nhà zăng viết nhiều viết hay!". Vừa nghe, tôi cảm thấy tủi thân, lòng nhủ lòng, tôi còn có bao nhiêu thời gian nữa đâu.

Thời gian chùng xuống, dài ra đến độ không thấy đầu bên kia. Đầu này, là ly cà phê uống thật dè sẻn, nhưng cũng cạn dần. Tôi rút khẩu súng, và gậy chốt an toàn, rồi lại giấu dưới áo. Tôi có thời giờ cho thêm một ngum cà phê đen đá. Tôi mở mắt nhìn thế gian yêu dấu này, thềm nhắc điều tôi lập đi lập lại từ bữa qua, một cuộc đời không dám hy sinh cho một cái gì là một cuộc đời không đáng sống. Thừa với bạn, tôi phải giống một tiếng chuông báo động cho văn chương hải ngoại cũng như quốc nội về cái nguy cơ hủy nội dung của hiện thực bằng thủ pháp uốn éo ngôn từ giả cách tân chẳng khác chi kẻ lông mày, xâm môi, vén mắt, nâng mũi cho giống đầm Trắng... Thừa, hiện thực Việt Nam quê hương mình bứt trọi mọi hư cấu, và xã hội đang chờ những Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Hồng... thời này để ghi chút trí nhớ cho đời sau. Vâng, thừa... Tôi rút súng, kê vào thái dương, kêu : "tôi yêu các bạn và thương quê mình lắm" rồi tôi siết ngón tay trở vào cò súng.

Một tiếng nổ chát chúa.

Tôi như mê đi, thấy mình bay lên cao như trong phim *Der Himmel über Berlin* của đạo diễn Wim Wenders phỏng theo truyện của Peter Handke có cái tên dịch là "Đôi cánh ước vọng", thấy xa xa khu Phúc Lộc Thọ, gần gần là chợ Saigon City, rồi Lee's Sandwiches. Tôi thấy căn hộ Mobile Home, nghe tiếng nước vỗ sông Thị Nghè, và tiếng muỗi vo ve. Chỉ một sát na, tôi nhìn lại đời tôi như một cuốn phim, từ khi trốn lính đến lúc mang cái ước vọng thành nhà văn, với bao nhiêu khuôn mặt thân thương kẻ còn người mất. Rồi ai đó lay tôi, nâng đầu tôi lên. Tôi nghe chị tiếp viên là "gọi 911". Tiếng xe cảnh sát hú còi, và có kẻ vỗ vỗ vào mặt tôi, chụp lên mũi cái chụp truyền oxy, rồi xốc tôi ngồi lên. Tỉnh dần, tôi mở mắt ra nhìn. Trước mặt, một cảnh sát da đen to như khổng lồ giơ khẩu súng báng giả ngà lên, sẵn giọng (bằng tiếng Mỹ, dĩ nhiên) : "Cái này mua ở Toys'R'us, là đồ chơi...". Ghé mắt vào phần dưới báng súng, hẳn đọc "Made in China". Tôi sờ tay lên đầu, quả không có máu. Viên cảnh sát tiếp : "Bữa nay Thành Phố cho người Việt đốt pháo, nên cứ coi cái súng cho con nít này cũng là một cách đốt pháo mừng xuân... Nhưng lần sau mà còn gọi 911 mà chẳng có gì cần cấp cứu, sẽ bị phạt hành chính từ 500 cho đến 5000 đô. Watch- out !"

Xin lỗi nhé, tôi muốn nhưng không hủy được nội dung ở mức triệt để, chết để hồng làm tiếng chuông ngân từ quận Cam này vượt đại dương vắng đến tận Sài Gòn, Hà Nội. Tôi định hy sinh, chết để cứu một nền văn chương đang lâm vào ngõ cụt hình thức, nhưng đâu ngờ Trung Quốc làm hàng giả tài tình đến thế. Siêu cường cuối kỷ 21 này bán cái gì thì cũng là hàng "nhái", khiến tôi chỉ còn thúc thủ, chết cũng không xong, nay rồi phải kéo lê cái kiếp vật vờ hư thực. Nhưng trước khi chấp tay bái chư thiên hạ để cáo cái tội còn sống này, tôi xin thêm vài lời gọi là hậu chú cho cái tạp truyện về những chuyện Cali này. Thứ nhất, tuy không hủy được nhưng tôi đã thành công (có chút châm chước) trong việc "trượt" nội dung, điều ông Alain Robbe- Grillet ca cẩm về ông Roland Barthes, cả hai đều là những nhà văn hoá cách tân tầm cỡ. Vậy xin chớ cho rằng tôi "cổ điển" hay "bảo thủ" nhé. Nhưng cũng thú thật, kết hợp thể ký với thể truyện mang dạng giễu nhại hề chèo (satiric), lại đèo vào những vấn đề lẽ ra phải viết ngay ngắn trong một tiểu luận văn chương trang trọng, quả tôi đã làm rối beng lên mà không dám chắc gì về hiệu ứng văn chương. Nếu thất thố làm mất thì giờ vàng bạc của nhân vật bạn, tôi chỉ xin đấm ngực mình, kêu lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, mọi đảng. Thứ hai, trong cái tí sách của Vương Sóc, người đẹp bỏ bùa mê cho ta, thì người đẹp tiếng Hán là Mỹ Nhân. Và Mỹ Nhân, không chỉ phái nữ như Dương Quí Phi mà còn có thể là những bậc hiền giả phái nam, như ông Khổng, ông Mạnh. À, trên quê hương Việt Nam mình người lạ đang xây văn miếu thờ Khổng Tử đấy (thôi ta cứ hy vọng miếu này cũng giả như khẩu súng Made in China thì đỡ (sợ) biết bao). Dài dòng thế này, tôi chỉ mong các bạn chớ gán cho người đẹp trong tạp truyện này một khuôn mặt nữ mà có dăm kẻ đã cho là tôi phải lòng thuở quận Cam vào xuân. Chuyện này, chỉ tôi mới biết, với cái nội dung tôi không phổ biến. Và chẳng bao giờ muốn hủy.

Cali, tháng 3- Quebec, tháng 4, 2010

Nhớ Cao Xuân Huy, ông em rề “hựt”

Gọi phone, tôi biết thứ năm, ngày mai, là ngày hỏa táng Huy. Huy cũng gọi tôi là anh, xưng em, cũng họ Hồng Bằng như với Hoàng Khởi Phong. Và tôi như Phong, chẳng hề cảm thấy mình xứng đáng làm anh. Làm anh thế nào được với một người trung thực, thẳng thắn như Huy nhỉ? Khó lắm.

Với Huy, tôi là ông anh rề: “hựt”. Kỳ qua Cali tháng 2 năm này 2010, lần đầu tôi hỏi “tại sao” cái chuyện “hựt”. Đó là thời Huy mới vào lính. Huy kể: em về, thấy là xông tới liền, nhưng “nó” đẩy em ra, bảo em hôi mùi rượu, và nếu yêu rượu hơn thì...cứ đi ngay. Thế là em đi! Nói xong, Huy cười, nhưng không cười cái cười dừng dừng. Em tôi, MC, có chồng hựt là Huy, cũng đã ra đi *tháng 8 năm nay*. Thôi, gặp nhau ở nơi nào đó thì...cứ kể lể và hôn, có muốn hôi mùi rượu cũng khó, rượu tiên mà, có phải rượu người đâu mà hôi.

Huy ơi, cái thách đố của Huy năm nào là hôn chị TMT, tôi chưa làm được, đừng...cười Huy nhé, không phải là tôi không muốn mà là vì tôi nhát lắm, chỉ mạnh miệng dọa. Tôi tin Huy thì không, Thủy Quân Lục Chiến chứ chơi à, nhát lại là ở nơi không phải địa ngục trần gian này. Trên thiên đường, muốn làm gì thì tự do xông lên nhé, Huy nhé. Ông anh rề “hựt” vỗ tay, và đẩy Huy tới, như khi Huy đẩy tôi về phía chị T (quên không nói, chị ấy tha cả 2 đưa mình cái tội “nhả” đó rồi).

Chúng tôi chẳng bao giờ nói chuyện văn, trừ 2 lần, khi Huy nhận tiếp tục làm báo Văn Học, và khi tôi buột miệng, “Tháng Ba gãy súng” là một tác phẩm sáng nhất ở hải ngoại. Huy cười, hồn nhiên, bảo “giỡn anh! em đâu có là nhà văn!” Đó là lần đầu chúng tôi bất đồng ý kiến. Thôi, Huy là gì cũng thế, còn tôi, tôi có cái hạnh phúc làm một ông anh rề, dẫu “hựt”, của Huy, Huy ạ.

Chúc ông em rề “hựt” một chuyến thông dong, và hẹn gặp lại, nhưng thư thư một chút nhé.

Nam Dao 15-11-2010